

Phật giáo Nguyên thủy

PHÁP TRÍCH LỤC T2

Huỳnh Văn Niệm soạn dịch

Phật Bảo Tụ tái bản

Pagode Buddharatanarama

3, Rue Broca

91600 Savigny Sur Orge - France

Tel: 01 69 96 49 34

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienlienhoa.net>

Chuyển sang ebook 06-12-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời soạn giả

Bác-ái kinh (Paritta)

Phương-pháp giáo-đạo của đức Phật

Đức Phật thuyết về ngũ đại: Đất, Nước, Lửa, Gió, Không-khí

Đức Xá-lợi-phất thuyết về sự vô-thường của bốn chất: Đất, Nước, Lửa, Gió

Đức Phật dạy con người phải làm thế nào cho tâm-trí trở nên trong sạch

Đức Phật thuyết về ngọn lửa phá-hoại

Đức Phật giải về những điều kinh-sợ của bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng

Đức Phật tìm vào ngụ nơi rừng vắng một mình

Đức Phật giải về thuyết "Trung-đạo"

Tư-cách diệt trừ các điều hư-hỏng

Con ngựa giống

Bốn hạng người

Đức Xá-lợi-phất giải về sức khỏe của cái tâm cho người tại-gia cư-sĩ Nakulapita nghe

Đức Phật giải về thuyết "đoạn kiến"

Kiến-thức sai-lầm của các bậc xuất-gia

Sự thường-tồn và vô-thường của thế-gian và bản-ngã

Một tội-nhân tìm cách thoát thân

Tám điều lạ trong biển cả

Đức Bồ-tát Siddhattha đi tìm đạo

Đức Bồ-tát Siddhattha tu theo cách khổ-hạnh
"Bát chánh đạo" là phương-pháp giải-thoát duy-nhất
Sang qua bên kia bờ sông
Phải dè-dặt đối với những sự tuyên-truyền về Phật-giáo
Giáo-pháp có lợi-ích và không có lợi-ích
Sự hiểu sai giáo-pháp và dùng giáo-pháp làm của riêng
Cuộc tranh-luận giữa đức Phật và nhóm ngoại-đạo Nigantha
Sự diệt vong của quốc-độ Dandaki
Sử tích hoàng-đế A-Dục

---o0o---

"Chẳng có sự thắng-trận nào cao-thượng bằng sự thắng-trận của Chánh Pháp".

*"Chẳng có sự bại-trận nào đê-hèn hơn sự bại-trận giặc lòng". --
Hoàng-Đế A-Dục*

*"Bậc nào biết thành-thật phụng-sự chánh pháp, để tẩy-trừ điều xấu-
xa, tội-lỗi hằng khuấy-rối tâm-trí con người, bậc ấy đáng là một ân-
nhân cao cả trên đời".*

---o0o---

Lời soạn giả

Thuở Đức Thế Tôn còn tại thế, có một vị Bà La Môn đến hỏi Ngài, tại sao những Pháp của Ngài thuyết ra cho các bậc thánh-tăng, phàm-tăng, tại-gia cư-sĩ và những người ngoại-đạo nghe, mỗi-mỗi đều khác nhau. Có lẽ Ngài thương chúng-sinh không đồng nhau chăng?

Đức Phật trả lời rằng: "Những người đến nghe giáo đạo ví như những miếng ruộng tốt xấu khác nhau". Muốn có ích-lợi, Ngài phải đem thứ giống hảo-hạng gieo vào miếng ruộng phì-nhiều nhứt. Rồi Ngài đem thứ giống bậc trung gieo vào miếng ruộng ít phân hơn. Ngài đem thứ giống bậc hạ gieo vào miếng ruộng tầm thường, ít sinh-sản hơn hết. Đó là Đức Thế Tôn có ý nói rằng những Pháp của Ngài thuyết ra (hột giống), cao thấp khác nhau là tùy theo căn-cơ của mỗi chúng-sinh (ruộng tốt hay xấu).

Mà hiện nay, phần lớn chúng-sinh kém trí-tuệ, nghiệp dầy duyên mỏng, thì làm sao thấu-triệt được những Pháp thậm-thâm vi-diệu mà chư thánh-tăng ngày trước đã lãnh-hội.

Những bài Pháp đó, nếu chúng ta có đọc đi nữa, thì cũng chỉ hiểu suông trên danh-từ, còn phần uyên-áo hàm-súc bên trong làm sao chúng ta thấu-triệt được. Do đó, càng ngày đạo quả và chứng-ngộ chân-lý càng mai-một.

Chúng tôi cho dịch lại những bài Pháp quan-trọng về sự giáo-đạo của Đức Phật khi xưa, để chư Phật-tử cố gắng tìm hiểu và tùy duyên lành mà mỗi người trong chúng ta có thể tìm ra phần nào chân-lý giác-ngộ.

Cuốn Pháp Trích Lục II này chia làm hai phần:

- Phần thứ nhứt gồm những bài do Đức Phật hoặc Chư Thánh Văn La Hán đã thuyết ra, để dạy người hành đạo, và bài Pháp Cuộc Tranh-Luận giữa Đức Phật và nhóm ngoại-đạo Nigantha chứng tỏ rằng Đức Thế Tôn chẳng phải chỉ có đức đại-bi nhẫn-nại mà thôi, Ngài lại là một Bậc Đại-Trí có nhiều kinh-nghiệm và rất hoà-nhã trong khi tranh-biện về đạo-đức với những phái khác. Nhờ vậy mà Ngài cảm-hóa được nhiều người.

- Phần thứ nhì có ghi chép sử tích của Hoàng-Đế A-Dục, là một bậc đại hộ-pháp trong Phật-Giáo, trị-vì tại xứ Ấn Độ lối 200 năm sau khi Đức Phật nhập Niết-Bàn. Nhờ ngài mà những thánh tích, kinh luật và xá-lợi của Đức Thế Tôn được lưu-truyền cho đến ngày nay.

Chúng tôi rất đa-tạ được các bậc Tiên-Bồi chỉ giáo thêm cho.

Mong thay!

Soạn-giả

---o0o---

Pháp Trích Lục

Kẻ mắt ngủ cho rằng đêm rất dài, người lữ-khách mệt-mỏi cho rằng đường hãy còn xa.

Cũng vậy, kẻ nào chưa tìm được chân-lý, hằng phải bị sanh tử luân-hồi trong thời-gian vô-tận.

-- DHAMMAPADA

Bác-ái kinh (Paritta)

Thuở nọ, có một thầy tỳ-khưu vào rừng bị rắn cắn chết. Tin này được thấu đến Đức Phật. Ngài dạy rằng: "Hỡi các thầy tỳ-khưu! Nếu vị tỳ-khưu kia biết rải lòng từ-bi đến bốn loài rắn chúa, là: Virupakkha, Erapatha,

Chabyaputta và Kanhagotamaka, thì người đã tránh khỏi sự chết vì nọc rắn ròi. Hỡi các thầy tỳ-khuru! Vậy từ nay trở đi, Như Lai khuyên các người nên rải lòng từ-bi đến các loài rắn độc ấy, và đến tất cả chúng-sinh như vậy:

"Tôi có lòng từ-ái đối với những loài rắn: Virupakkha, Erapatha, Chabyaputta và Kanhagotamaka. Xin cho tất cả loài rắn ấy hằng được an vui, không có điều chi thống-khổ.

"Tôi cũng xin rải lòng từ-bi đến những loài thú không chân, hai chân, bốn chân và nhiều chân, đến những chúng-sinh nào có thân-hình dài hay ngắn, lớn hay nhỏ, gầy hay béo, đã sanh ra rồi hoặc còn đang thọ-sinh. Xin cho tất cả chúng-sinh ấy được an vui và chẳng làm hại lẫn nhau vì sự nóng giận hoặc bất-bình. Ngôi Tam-Bảo là quý-trọng thường-tôn, còn mạng sống của chúng-sinh thật không bền vững. Người mẹ thương yêu người con một như thế nào? Cũng như thế ấy, tôi xin rải lòng từ-bi trong khắp thế-gian, và cầu cho tất cả chúng-sinh đều được an vui hạnh-phúc".

"Làm vậy, chính các người biết cách che chở lấy mình để tránh khỏi những điều rủi-ro, tai-hại có thể xảy đến cho các người".

-- CULLAVAGGA

Lời của soạn-giả:

Đức Phật là bậc Đại-Từ Đại-Bi. Mỗi hành-vi hay lời nói của Ngài đều đem lại sự an vui mát mẻ cho tất cả chúng-sinh.

Pháp của Đức Phật là một phương thuốc mát, gồm toàn những điều đúng theo chân-lý và có lợi-ích.

Người soạn Pháp của Đức Phật hằng có mục-đích đem chia sẻ sự mát mẻ an vui cho phần đông.

Người xem kinh sách đạo-đức cũng mong tìm sự mát mẻ cho thân tâm.

Vậy các bạn đọc, trước khi xem qua những bài Pháp phía sau, xin bỏ sự chấp-nê và nhín chút thì-giờ để chiêm-nghiệm về sự lợi-ích của bài kinh BÁC-ÁI trên đây.

Rắn là loài thú dữ, rất khó cho người diệt trừ, mà nó còn phải thối lui trước oai-lực của kinh BÁC-ÁI.

Các bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng, nhờ rải tâm từ-bi cho tất cả chúng-sinh, mà các ngài chẳng sợ gì cọp, beo, voi, gấu, rắn, rết ...

Có Phật ngôn rằng: "Kẻ nào biết nuôi dưỡng tâm mình bằng pháp từ-bi', kẻ ấy khi thức cũng được an vui, ngủ cũng an vui, sống được an vui mà đến khi chết cũng được an vui".

Chúng ta thường nên niệm tưởng: "Xin cho tất cả chúng-sinh được an vui, thoát khỏi những điều thống-khổ".

---o0o---

Phương-pháp giáo-đạo của đức Phật

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Savatthi (Xá Vệ), trong một khu vườn nằm về phía tây đền vua Ba Tư Nặc. Khi ấy, có người Bà La Môn tên là Ganaka-Moggallāna xin vào viếng Ngài. Sau khi đánh lễ và ngồi nơi phải lễ, ông ta liền hỏi Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Gotama (Cồ Đàm), những đền-đài cung-điện lộng-lẫy của nhà vua biểu-trung sự kiến-trúc tinh-xảo, giỏi-giảng của người thợ biết áp-dụng công-trình tạo-tác đúng theo thứ-tự và phương-pháp, bắt đầu từ mặt nền cho đến từng cao vọi như thế".

"Bạch Đức Gotama, cũng như thế ấy, sự hành đạo theo phái Bà La Môn Giáo chỉ cho chúng ta thấy rằng các tín-đồ của đạo ấy biết áp-dụng tài-lực của mình một cách giỏi-giảng, có thứ-tự và đúng theo phương-pháp để tấn-hóa từ chỗ thấp đến chỗ cao trong việc học hỏi các Thánh Kinh¹. Họ giỏi-giảng như những tay thiện-xạ trong khi bắn, biết giương ná, lắp tên và nhắm thế nào cho trúng đích. Hoặc giả, cũng như người bút-toán rành việc, biết gìn-giữ sổ sách và tính-toán cách nào cho khỏi trật số. Bạch Đức Gotama, cũng như mỗi khi chúng ta dạy học trò, thì trước hết chúng ta bắt nó đếm: một, một lần; hai, hai lần; ba, ba lần ...; mười, mười lần, cho tới trăm, và lần-lần bắt nó đếm tới những số nhiều hơn".

"Bạch Đức Gotama, vậy chớ Pháp-Luật của Ngài có thể nào chỉ cho thấy rằng những bậc tu-sĩ trong Phật-Giáo biết trau-giồi đạo-đức một cách giỏi-giảng, có thứ-tự và đúng theo phương-pháp để tấn-hóa từ bậc thấp cho đến bậc cao hay chăng?"

Đức Thế Tôn đáp rằng: "Này người Bà La Môn, chính phải vậy. Pháp-luật của Như Lai đã được sắp đặt đúng theo phương-pháp và thứ-tự. Cũng như tên giữ ngựa sành nghề, khi được người dắt đến một con tuấn mã để điều-khiển, thì nó bắt đầu tập cho ngựa quen với sợi giây cương, rồi lần hồi nó tập những việc khó hơn. Trong Phật-Giáo, đối với những kẻ vừa mới xuất-gia, thì Như Lai bắt đầu dạy thầy tỳ-khưu về sự trì-giới. Thầy tỳ-khưu phải xem xét mỗi hành-vi của mình cho đúng theo lẽ chánh, phải cố tránh những tội-lỗi, dầu là nhỏ-nhen chút ít, và phải sống theo giới bản. Kế đó, Như Lai dạy thầy tỳ-khưu nên thu-thúc lục-căn, không cho bôn-chôn xao-động trong khi tiếp-xúc với lục-trần. Nhờ kiểm-soát được lục-căn mà con người mới mong tránh khỏi những điều xấu-xa, tai-hại do lòng tham muốn gây nên".

"Khi thầy tỳ-khưu biết giữ gìn lục-căn thanh-tịnh rồi, Như Lai liền dạy người lên một bậc trên nữa, là nên có sự tri-túc trong vật thực. Thầy tỳ-khưu phải biết phân-biệt xét đoán và quán tưởng rằng: "Ta thọ thực đây không phải vì tham ăn, vì vui thích trong món ngon vật lạ, mà chỉ để bảo-tồn thân-thể cho tráng-khiên, khỏi bệnh-hoạn để dễ bề hành đạo cao-thượng hơn". Nhờ biết tri-túc mà lần hồi hành-giá tẩy-trừ những cảm-giác xấu-xa, tội-lỗi khi xưa, không cho chúng nó phát-sinh nữa, và được trở nên an vui trong sạch".

"Khi thầy tỳ-khưu có đức tri-túc trong vật thực rồi, Như Lai liền dạy người lên một bậc cao hơn nữa, là phải luôn-luôn sáng-suốt và ráng giữ gìn tâm-trí cho trong sạch, mỗi khi có những ác pháp phát-sinh. Dầu là giữa ban ngày, trong đêm tối hay lúc thức giấc cũng vậy, thầy tỳ-khưu cần phải nhớ cho rõ những hành-vi và tư-tưởng của mình".

"Khi thầy tỳ-khưu được sáng-suốt rồi, Như Lai liền dạy lên một bậc cao hơn, bảo người nên tìm một nơi thanh-vắng để tham-thiền nhập-định. Nhờ tu tập đúng theo phương-pháp và thứ-tự, thầy tỳ-khưu diệt được năm điều chướng ngại, là: tham-dục, thù-oán, hôn-trầm, hoài-nghi và phóng-tâm. Diệt xong các trở-ngại ấy, thầy tỳ-khưu thấy thân tâm mình trở nên thơ-thới nhẹ-nhàng. Rồi lần-lượt, người được thành-tựu trong sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền ..."

"Này người Bà La Môn, phương-pháp giáo-đạo của Như Lai rất đáng cho kẻ nào chưa được giải-thoát học hỏi để tìm được sự an vui cao-thượng. Còn những bậc nào đã đắc đạo-quả A La Hán, đã làm tròn nhiệm-vụ của một đáng giác-ngộ, đã chặt đứt những sợi giây chướng-ngại, không còn phiền-não và liên-hệ gì tới sự tái-sinh nữa, những bậc ấy đã được giải-thoát và hưởng quả vui trong kiếp hiện-tại, vì các ngài biết cách điều-ngự thân tâm của mình".

Tới đây người Bà La Môn Ganaka-Moggallana lại hỏi Đức Phật nữa rằng: "Bạch Đức Gotama, vậy chớ hết thấy các đệ-tử của Ngài đều được đắc quả Niết-Bàn, hay chỉ có một vài vị được đắc quả mà thôi?"

- "Này người Bà La Môn, trong số đó có những hạng đắc được quả Niết-Bàn, mà cũng có hạng không đắc".

- "Bạch Đức Gotama, như thế thì Niết-Bàn có thật, con đường đi tới Niết-Bàn cũng có thật và chính Ngài đã vạch rõ đường ấy, mà tại duyên-cớ nào trong nhóm môn-đệ của Ngài chỉ có một số được đắc đạo, còn những vị khác không đắc?"

- "Này người Bà La Môn, Như Lai xin hỏi lại, vậy chớ người nghĩ thế nào nếu có một kẻ kia đi về thành Radjagaha (Vương-Xá) đến xin người chỉ

đường đùm và người dạy nó nên theo lối này. Đi được một đổi, nó sẽ gặp một cái làng nhỏ, kế đó là một cái quận có đông người hơn. Rồi nó đi cho thật xa nữa, thì sẽ tới thành Radjagaha - một đô-thị huyên-náo - có nhiều thắng-cảnh như: những cung-điện nguy-nga của nhà vua, những vườn bông đẹp đẽ, cây cối xanh tươi, cỏ hoa rực-rỡ, những hồ nước trong-trẻo".

"Này người Bà La Môn, ví-dụ rằng kẻ ấy, sau khi dò hỏi xong, liền lên đường để sang thành Radjagaha. Nhưng khi hành-trình được một đổi, nó lại rẽ qua ngõ khác và quay trở lại".

"Này người Bà La Môn, trái lại, có một kẻ thứ hai nữa, sau khi được người chỉ lối đi về thành Radjagaha, liền cố-công trì-chí, đi theo con đường sông-sẻ thuận-tiện và ráng tránh những khoảng chông gai hiểm-hóc. Nhờ vậy mà nó đi đến nơi, đến chốn an vui, toại-nguyện".

"Này người Bà La Môn, xem đó thì biết rằng: Thành Radjagaha có thật, con đường đi về thành ấy có thật, và chính người là kẻ chỉ lối cho hai gã kia, mà tại duyên-cớ nào một gã đi đến nơi, còn một gã thì không đến?"

- "Bạch Đức Gotama, cái đó không phải lỗi nơi tôi. Vì tôi vốn là người chỉ đường mà thôi".

- "Này người Bà La Môn, thì cũng như thế ấy, Niết-Bàn có thật, con đường đi Niết-Bàn cũng có thật, mà chính Như Lai đã chỉ rõ đường ấy. Tuy-nhiên, có một số đệ-tử của Như Lai được thành-tựu trong đạo quả, còn một số khác phải bị thất-bại. Nhưng cái đó không do lỗi ở nơi Như Lai. Vì người tìm được chân-lý chỉ biết vạch đường cho kẻ khác mà thôi".

Người Bà La Môn Ganaka liền bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Như vậy thì Đức Gotama không công-nhận:

- Những kẻ nào không có đức tin chân-chánh mà rời bỏ gia-đình, tìm cách lợi-dụng sắc-phục tỳ-khưu để nuôi mạng sống;

- Những kẻ nào xảo-trá, nói nhảm, lười-biếng, công-cao, ngã-mạn, không biết thu-thúc lục-căn, không lễ-độ, không sáng-suốt biết mình, chẳng nghiêm-trì giới luật, tâm-trí tích-trữ đầy tham muốn cao-vọng và chỉ chờ dịp để phản-bội Tôn-giáo của mình đó thôi;

Những kẻ ấy ví như con thuyền bị gãy lái, phải linh-đỉnh giữa biển, để mặc tình cho sóng đập gió dồi, chẳng biết trôi lạc vào đâu".

"Đức Gotama chỉ công-nhận những kẻ nào có nhiều dũng-cảm và hạnh-kiêm, thân tâm chẳng còn bị các tật xấu-xa ràng buộc, hăng-hái rời bỏ gia-đình, quyến-thuộc, để đi tìm sống trong cảnh vô gia-đình, mang sắc-phục sa-môn, hầu mong đạt sự lợi-ích cao-thượng".

"Cũng như trong các loại cây thơm, chẳng có thứ nào thơm hơn cây Anusari, trong các loại cây đàn-hương, chẳng có thứ nào thơm hơn cây đàn-hương đó, trong các loại hoa thơm, chẳng có hoa nào thơm hơn hoa lài, và trong các Giáo Pháp, chỉ có Giáo Pháp của Đức Gotama là cao-siêu hơn hết".

Sau khi ca-tụng Đức Thế Tôn và tỏ lòng tin-tưởng đối với Phật Pháp, thầy Bà La Môn Ganaka liền bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, tôi nguyện nương nhờ nơi Ngài và xin Đức Thế Tôn vui-lòng nhận tôi làm đệ-tử kể từ ngày nay cho đến trọn đời".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Những điểm chánh trong bài pháp trên đây chứng tỏ rằng: dầu về đời hay về đạo cũng vậy, mỗi việc gì, nếu muốn cho có kết-quả tốt đẹp, thì kẻ làm việc ấy phải noi đúng theo qui-tắc mới được. Trong các chi đạo, vị giáo-chủ thường áp-dụng một phương-pháp nào để dạy tín-đồ. Về Phật-giáo, Đức Thế Tôn đã có sắp đặt những phương-pháp tu tập riêng cho hai hạng:

- *Tại-gia, thì tu theo phương-pháp: bố-thí, trì-giới, tham-thiền;*

- *Xuất-gia, thì hành theo phương-pháp: Giới², Định, Huệ.*

Vì biết tâm-tánh của chúng-sinh mỗi-mỗi đều khác nhau và để tránh cho người mộ đạo khỏi phí công vô-ích trên đường tu tập, nên Đức Thế Tôn dạy chúng ta phải hành đạo đúng theo phương-pháp và thứ-tự thì mới mau thành-tựu. Nhưng than ôi! Ở đời, ai nấy đều muốn làm việc nhẹ mà có lợi nhiều, cũng như làm vua, quan, làm bá-hộ, vân-vân ... Biết bao nhiêu bậc xuất-gia và tại-gia tu theo Phật-giáo, vì muốn được mau giải-thoát, nên thường bám lấy gương của Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta hay ngài Lục Tổ Huệ-Năng: Vì nghĩ rằng giác-ngộ do huệ, muôn việc do tâm, nên chỉ có hạng mới vừa biết thì đã tìm cách tu huệ, mà không cần giữ giới luật. Lại có hạng khác nữa không hề bước chân đến chùa hay bố-thí ai một đồng nào, mà vẫn tự-hào ở nhà tu tâm còn quý hơn.

Đó là không nói đến nhiều hạng xuất-gia, muốn lợi-dụng Phật pháp để nuôi mạng sống, bày vẽ, chỉ dạy cho các tín-đồ nên tu tắt đặng mau đến Niết-Bàn. Và hay lấy câu "Tu nhất kiếp, ngộ nhất thời" để ủng-hộ lý-thuyết ấy.

Có người nói rằng Thái-tử Siddhattha không tu tập mà biết nhập-định hồi lúc mới lên bảy tuổi, Đức Thích-Ca chẳng bố-thí vật chi mà đặng thành Phật, và nhiều vị khác dốt đặc mà vẫn đắc quả thánh-nhân. Thật ra, trong vô-số tiền-thân, Đức Phật đã thực-hiện hạnh bố-thí, tham-thiền, và các bậc thánh-nhân kia đã học hỏi nhiều từ kiếp này qua kiếp kia rồi, hướng chi

trong kiếp chót Đức Bốn Sư đã xuất-gia tu tập lặn lội từ rừng này qua rừng khác, từ vị thầy này đến vị thầy khác, tu tập không ngừng trong sáu năm, và sau đó bố-thí cho tất cả chúng-sinh một món bảo-vật vô-thượng: là đạo Giải-Thóat.

Vì đem mình, là hạng chúng-sinh tội nhiều phước ít, ra so-sánh một cách sai-làm với các bậc Đại-căn, nên biết bao nhiêu nhà tu Phật không chịu noi theo phương-pháp tu tập của Đức Phật Tổ Thích-Ca, mà lắm lúc lại dám bịa-đặt ra rằng phương-pháp ấy chẳng còn hợp thời. Đức Thế Tôn liệt những kẻ xuất-gia có thành-kiến sai-làm kẻ trên vào hạng đê-tử của Ngài đã để chân trên đường đi Niết-Bàn, nhưng khi đi được một lúc thì họ lại tách qua ngã khác để quay trở lại.

---oOo---

Đức Phật thuyết về ngũ đại: Đất, Nước, Lửa, Gió, Không-khí

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngụ tại vườn Jeta (Kỳ Đà)³, gần thành Savatthi (Xá Vệ). Ngài có thuyết cho thầy tỳ-khưu Rahula nghe như vậy:

"Này Rahula, những chất nào có tánh cứng, hiện ở trong thân con người như: tóc, lông, móng, răng, da, gân, thịt, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, bao tử, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ ... và tất cả những chất khác, cũng có tánh-cách cứng như vậy, đều gọi là đất ở bên trong. Đem chất đất bên trong ra so-sánh với chất đất bên ngoài, chúng ta thấy rằng thấy-thấy đều là đất, chớ không có chi khác nhau. Sự nhận thức chân-chánh về thể-chất của đất khiến cho chúng ta biết rằng: "Đó không phải là của ta, mà cũng chẳng phải là ta"⁴. Hiểu rõ như vậy, con người phát tâm chán-ngán và không còn chú-trọng về những phần gì thuộc về đất ở trong người nữa".

"Này Rahula, những chất nào có tánh-cách mỏng và ướt, hiện ở trong thân con người như: mật, mủ, máu, mồ-hôi, nước nhờn ở da, nước dãi, nước mũi, mồ, nước tiểu ..., tất cả những chất khác có tánh-cách lỏng và ướt như vậy, đều gọi là nước ở bên trong. Đem chất nước ở bên trong ra so-sánh với chất nước bên ngoài, chúng ta thấy rằng thấy-thấy đều là nước chớ không có chi khác nhau. Sự nhận-thức chân-chánh về thể-chất của nước khiến cho chúng ta biết rằng: "Đó không phải là của ta, mà cũng chẳng phải là ta". Hiểu rõ như vậy, con người phát tâm chán-ngán và không còn chú-trọng về những phần gì thuộc về nước ở trong người nữa".

"Này Rahula, những chất nào có tánh-cách nóng để thiêu đốt vật thực và làm cho sự tiêu-hóa được dễ-dàng hiện ở trong thân người, đều gọi là lửa. Đem chất lửa bên trong ra so-sánh với chất lửa bên ngoài, chúng ta thấy rằng

thầy-thầy đều là lửa, chớ không có chi khác nhau. Sự nhận-thức chân-chánh về thể chất của lửa, khiến cho chúng ta biết rằng: "Đó không phải là của ta, mà cũng chẳng phải là ta". Hiểu rõ như vậy, con người phát tâm chán-ngán và không còn chú-trọng về những phần gì thuộc về chất lửa ở trong người nữa".

"Này Rahula, những chất nào có tánh-cách co dãn, mát mẻ để quạt cơ-thể hiện có ở bên trong thân người như: chất gió từ trên châu-thân quạt xuống và từ dưới chân quạt lên, chất gió ở trong bụng, trong bao tử, trong ruột, chất gió chạy khắp tứ-chi, chất gió hít vô thở ra ... , và tất cả những chất khác có tánh-cách co dãn, quạt cho mát mẻ, đều gọi là gió ở bên trong. Dem chất gió bên trong ra so-sánh với chất gió bên ngoài, chúng ta thấy rằng thầy-thầy đều là gió, chớ không có gì khác nhau. Sự nhận-thức chân-chánh về thể-chất của gió, khiến cho chúng ta biết rằng: "Đó không phải là của ta, mà cũng chẳng phải là ta". Hiểu rõ như vậy, con người phát tâm chán-ngán và không còn chú-trọng về những gì thuộc về chất gió ở trong người nữa".

"Này Rahula, những chất nào có tánh-cách rỗng không, đang ẩn trong cửu-khiếu của con người như: mắt, lỗ mũi, lỗ tai, miệng, lỗ rún, hậu-môn ..., và tất cả những chất nào có tánh-cách tương-tợ như vậy, đều gọi là không-khí bên trong. Dem chất không-khí bên trong ra so-sánh với không-khí bên ngoài chúng ta thấy rằng thầy-thầy đều là không-khí, chớ chẳng có chi khác nhau. Sự nhận-thức chân-chánh về thể-chất của không khí khiến cho chúng ta biết rằng: "Đó không phải là của ta, mà cũng chẳng phải là ta". Hiểu rõ như vậy, con người phát tâm chán-ngán mà không còn chú-trọng về những gì thuộc về chất không-khí trong người nữa".

"Này Rahula, vậy người hãy làm như chất đất, thì tâm-trí khỏi bị khổ-sở vì những cảm-giác vui hay buồn thường phát-khởi đến cho người. Như người ta đem đồ các vật sạch hay dơ như: mũ, máu, nước tiểu, phân ... trên mặt đất, mặt đất vẫn thân-nhiên không hề biết xao-động, nhòm chán chi cả. Này Rahula, thì cũng như thế ấy, người nên làm như đất, thì những cảm-giác vui hay khổ, không thể nào làm cho tâm-trí người bị lung-lạc và khổ-sở đặng".

"Này Rahula, vậy người hãy làm như chất nước, thì tâm-trí khỏi bị khổ-sở vì những cảm-giác vui hay buồn thường phát-sinh đến cho người. Như người ta đem đồ vật sạch hay dơ vào trong nước, hoặc-giả người ta dùng nước để rửa những vật thơm-tho hay nhơ bẩn mà nước vẫn thân-nhiên, không biết xao-động, nhòm chán chi cả. Này Rahula, thì cũng như thế ấy, người nên làm như nước, thì những cảm-giác vui hay khổ không thể nào cho tâm-trí người phải bị lung-lạc và khổ-sở đặng".

"Này Rahula, vậy ngươi hãy làm như chất lửa, thì tâm-trí khỏi bị khổ-sở vì những cảm-giác vui hay buồn thường phát-sinh đến cho ngươi. Như người ta dùng lửa để tể thân, để nấu vật thực, hoặc để đốt những đồ dơ bẩn, thôi-tha, mà lửa vẫn thản-nhiên, không hề biết xao-động, nhòm chán chi cả. Này Rahula, thì cũng như thế ấy, ngươi nên làm như chất lửa, thì những cảm-giác vui hay khổ không thể nào làm cho tâm-trí ngươi phải bị lung-lạc và khổ-sở đặng".

"Này Rahula, vậy ngươi hãy làm như chất gió, thì tâm-trí khỏi bị khổ-sở vì những cảm-giác vui hay buồn thường phát-sinh đến cho ngươi. Như gió thổi tan tất cả những vật dơ hay sạch, những mùi thơm hay thúi, mà vẫn thản-nhiên, không hề biết xao-động, nhòm chán chi cả. Này Rahula, thì cũng như thế ấy, ngươi nên làm như chất gió, thì những cảm-giác vui hay khổ không thể nào làm cho tâm-trí ngươi phải bị lung-lạc và khổ-sở đặng".

"Này Rahula, vậy ngươi hãy làm như chất không-khí, thì tâm-trí khỏi bị khổ-sở vì những cảm-giác vui hay buồn thường phát-sinh đến cho ngươi. Như không-khí hằng có khắp nơi, nhưng chẳng hề ở mãi một chỗ nào. Này Rahula, thì cũng như thế ấy, ngươi nên làm như chất không-khí, nghĩa là có lòng dạ bao la, rộng-rãi, không còn ngã-chấp và chẳng để cho những cảm-giác vui hay khổ không thể nào làm cho tâm-trí ngươi phải bị lung-lạc và khổ-sở đặng".

"Này Rahula, vậy ngươi nên cố-gắng trau-giồi:

- Cái tâm từ-bi, để tẩy-trừ những nét xấu-xa, hiểm độc,
- Cái tâm bác-ái, để tẩy-trừ những sầu khổ, hiềm-thù,
- Cái tâm hoan-hỷ về sự hạnh-phúc của kẻ khác, để tẩy-trừ sự ganh tị và ích-kỷ,
- Cái tâm bình-đẳng (xả), để đem lại sự an-định cho tinh-thần và tẩy-trừ những tật xấu-xa, hư-hỏng,
- Những pháp niệm tưởng về các vật ô-trược ở trong thân-thể, để khỏi si-mê, quuyến-luyến,
- Những pháp quán tưởng về tư-cách vô-thường của vạn-vật, để diệt sự ngã chấp công-cao,
- Những pháp luyện tập về hơi thở có thể đem lại cho người hành đạo nhiều quả báu và nghị-lực".

"Này Rahula, ngươi hãy tưởng-tượng rằng có một thầy tỳ-khuru kia đi vào đồng trống tìm ngụ dưới cội cây, hoặc trong một nơi nào thanh-vắng. Thầy tỳ-khuru bán-già, thân-hình ngay thẳng, tâm-trí bình-tĩnh".

"Khi biết rõ rằng mình sắp thở vô, mới thở vô, và biết rõ rằng mình sắp thở ra, mới thở ra, khi hít vô dài, người biết rõ rằng mình hít vô dài, và khi thở ra dài, cũng biết rõ rằng mình thở ra dài. Khi hít vô vắn, người biết rằng mình hít vô vắn, và khi thở ra vắn, cũng biết thở ra vắn. Mỗi-mỗi người đều biết rõ".

"Nhờ chăm-chú về những chuyển biến vô ra của hơi thở, lần-lần thầy tỳ-khuru biết rõ các pháp hành trong khắp châu-thân và làm cho xác thân trở nên thơ thới, an lạc, thỏa-thích trong phép thiền-định".

"Rồi đó, thầy tỳ-khuru bước qua tư-cách trau-giồi tâm-trí: Người làm cho tâm-trí trở nên nhẹ-nhàng; người xem xét về sự hành-trình của tâm, người đem lại sự phi-lạc cho tâm; người làm cho tâm an-trụ một chỗ, và cho tâm thoát khỏi các điều phiền-não".

"Sau khi xả đề-mục hơi thở, thầy tỳ-khuru hằng quán tưởng về sự vô-thường của vạn-vật, về cách trừ tuyệt các điều si-mê tham-dục, và về cách diệt-tận các pháp hành".

"Này Rahula, người coi đó thì đủ hiểu rằng: kẻ nào biết cách rèn tập hơi thở cho thuần-thục, ắt sẽ được nhiều quả phước và nghị-lực chẳng sai. Nhờ biết rõ hơi thở mà con người, khi sắp lâm-chung, có tâm-trí tươi tỉnh, không tán-loạn".

Nghe Đức Thế Tôn thuyết xong, Đại-Đức Rahula liền phát tâm thỏa-thích trong chánh-pháp (tức đắc quả thánh-nhơn).

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Trong những lời giáo đạo trên đây, trước hết Đức Phật vạch cho chúng ta thấy rằng xác thân này không phải quý-báu, đẹp đẽ đâu. Nó chỉ là một cái kho tích-trữ các vật ô-trược thuộc về những chất: đất, nước, lửa, gió, đó thôi. Hiểu rõ như vậy, con người không còn tạo ra nghiệp dữ, để bồi-bổ bên trong xác thân ấy bằng các món ngon vật lạ, bên ngoài bằng sắc-phục cao sang, lên xe xuống ngựa, tranh danh, đoạt lợi, cầu xé lẫn nhau.

Về đoạn thứ nhì, Đức Thế Tôn dạy người tu Phật nên có sự nhẫn-nại như đất, nước, lửa, gió, và có sự tinh-tân như gió, không-khí. Nếu tất cả hàng xuất-gia và tại-gia đều biết ăn ở một cách bình-đẳng, thản-nhiên, như những chất ấy, thì Phật Pháp được mau thịnh-hành, quảng-bá sâu rộng trên thế-gian này.

Nhưng than ôi! Hiện nay, về phần các bậc tại-gia cư-sĩ, giới hạnh thô-sơ thì chẳng nói làm gì, cho đến một số đông các hàng xuất-gia xả phú cầu bần, xả

*thân cầu đạo, suốt thông kinh luật, biết rõ sự nhẫn-nại là quý-báu, là pháp
thiên-hủy các điều phiền-nã, mà vẫn còn tranh đua đố-kỵ lẫn nhau chẳng
chịu sống theo pháp "lục hoà". Vì đó mà Chánh Pháp rất khó bề tấn-triển
được.*

*Trong phần chót, Đức Phật dạy hành-giả về cách rèn tập hơi thở cho đều
hoà, không hấp-tấp, mà cũng chẳng huôn-đãi quá. Sự hô-hấp đều hoà đem
lại điều an-tĩnh, thơ thới cho cơ-thể và tâm-trí. Nhờ vậy mà hành-giả mới có
thể thành-tựu trong phép thiền-định, và đến lúc lâm-chung, khỏi bị hôn-mê,
tán-loạn.*

---o0o---

Đức Xá-lợi-phất thuyết về sự vô-thường của bốn chất: Đất, Nước, Lửa, Gió

"Hỡi này các đạo-hữu! Đến một ngày kia, chất nước bên ngoài ùn-ùn tràn ngập, bao-phủ tất cả trái đất này. Những lượn sóng nổi dậy khắp nơi, tuôn đến đâu phá-hại đến đấy, làm cho chất đất bên ngoài phải bị tiêu-diệt. Chừng ấy, chúng ta sẽ nhận-thức rằng chất đất cũng bị luật vô-thường chi-phối và phải bị rã tan, hư hoại như các vật khác. Dem trường-hợp tiêu hoại của chất đất bên ngoài so-sánh với xác thân ô-trược đầy đầy tội-lỗi này, chúng ta không sao tìm được một vật gì trong cơ-thể gọi là ta hay là của ta cả. Nhưng, nếu thầy tỳ-khuru nào có đức tin chân-chánh đối với ngôi Tam-Bảo, hằng chú-tâm quán tưởng cho thấu rõ tính-cách vô-thường của chất đất, thì tâm-trí người vẫn an vui, bình-tĩnh, và khỏi bị lung-lạc vì những hoàn-cảnh vui khổ bên ngoài. Thầy tỳ-khuru nào đi tới trình-độ cao-thượng này, mới đáng gọi là bậc đã làm xong nhiều việc trên cõi thế này".

"Hỡi này các đạo-hữu! Đến một ngày kia, chất nước bên ngoài cuộn-cuộn tràn ngập tất cả thành-thị, thôn-quê lớn nhỏ. Có lúc, nước trong biển cả sâu từ một trăm cho đến mấy trăm do-tuần. Lúc khác, nước biển lại hạ xuống còn sâu bằng bề cao của bảy cây thốt-nốt hiệp lại, rồi lần sụt xuống còn sáu cây, năm cây, bốn cây, ba cây, hai cây, cho tới chỉ còn sâu bằng bề cao của một cây thốt-nốt mà thôi. Một lúc sau nữa, mặt nước trong biển cả chỉ còn lên cao bằng bảy bề đứng của con người, rồi lần-lần hạ xuống, còn bằng sáu, bằng năm, bằng bốn, bằng ba, bằng hai, cho tới bằng bề đứng của một người thôi. Một lúc sau nữa, nước chỉ còn lên tới ngang hông, rồi hạ xuống tới đầu gối và mắt cá. Một lúc sau nữa, nước trong biển cạn gần hết, chỉ còn cao bằng một lóng tay thôi. Chừng ấy, chúng ta sẽ nhận-thức rằng chất nước cũng vẫn bị luật vô-thường chi-phối và phải bị tiêu-diệt như các vật khác. Dem trường-hợp tiêu-diệt của chất nước bên ngoài so-sánh với xác thân ô-trược đầy đầy tội-lỗi này, chúng ta không sao tìm được trong cơ-thể một vật

chi có thể gọi là ta hay là của ta cả. Nhưng, nếu thầy tỳ-khuru nào có đức tin chân-chánh đối với ngôi Tam-Bảo, hằng chú-tâm quán tưởng cho thấu rõ tính-cách vô-thường của chất nước, thì tâm-trí người vẫn an vui, bình-tĩnh, và khỏi bị lung-lạc vì những hoàn-cảnh vui khổ bên ngoài. Thầy tỳ-khuru nào đi đến trình-độ cao-thượng này, mới đáng gọi là bậc đã làm xong nhiều việc trên cõi thế".

"Hỡi này các đạo-hữu! Đến một ngày kia, chất lửa bên ngoài bùng-bột thiêu-đốt tất cả thành-thị, thôn-quê lớn nhỏ, ruộng vườn, rừng núi, cỏ cây, cho đến khi nào chẳng còn vật chi để thiêu hủy nữa, thì ngọn lửa mới chịu dừng lại. Đến lúc ấy, con người rất khó bề tìm đặng vật gì, dầu là nhỏ như một cái cánh chim, hoặc bằng mảnh da thú, để đốt lên một lò lửa. Chừng ấy, chúng ta sẽ nhận-thức rằng chất lửa cũng vẫn bị luật vô-thường chi-phối và phải bị tiêu-diệt như các vật khác. Dem trường-hợp tiêu-diệt của chất lửa bên ngoài so-sánh với xác thân ô-trược đầy đầy tội-lỗi này, chúng ta không sao tìm được trong cơ-thể một vật chi có thể gọi là ta hay là của ta cả. Nhưng nếu thầy tỳ-khuru nào có đức tin chân-chánh đối với ngôi Tam-Bảo, hằng chú-tâm quán tưởng cho thấu rõ tính-cách vô-thường của chất lửa, thì tâm-trí người vẫn an vui, bình-tĩnh, và khỏi bị lung-lạc vì những hoàn-cảnh vui khổ bên ngoài. Thầy tỳ-khuru nào đi đến trình-độ cao-thượng này, mới đáng gọi là bậc đã làm xong nhiều việc trên cõi thế".

"Hỡi này các đạo-hữu! Đến một ngày kia, chất gió bên ngoài vùn-vụt thổi hết tốc-lực, rồi trở thành những trận cuồng-phong làm cho tất cả thành-thị, thôn-quê lớn nhỏ, đều phải sụp đổ rã-rời. Nhưng đến một lúc khác nữa, nhằm cuối mùa hè, trời nóng như đốt, mà chẳng có một chút gió, cho tới những ngọn cỏ cũng không lay động. Chừng ấy, chúng ta nhận-thức rằng chất gió cũng bị luật vô-thường chi-phối và phải bị tiêu-diệt như các vật khác. Dem trường-hợp tiêu-diệt của chất gió bên ngoài so-sánh với xác thân ô-trược đầy tội-lỗi này, chúng ta không sao tìm được trong cơ-thể một vật chi có thể gọi là ta hay là của ta cả. Nhưng, nếu thầy tỳ-khuru nào có đức tin chân-chánh đối với ngôi Tam-Bảo, hằng chú-tâm quán tưởng cho thấu rõ tính-cách vô-thường của chất gió thì tâm-trí người vẫn an vui, bình-tĩnh, và khỏi bị lung-lạc vì những hoàn-cảnh vui khổ bên ngoài. Thầy tỳ-khuru nào đi đến trình-độ cao-thượng này, mới đáng gọi là bậc đã làm xong nhiều việc trên cõi thế".

"Hỡi này các đạo-hữu! Vậy mỗi khi bị người hành-hạ, đánh đập, thầy tỳ-khuru phải quán tưởng như vậy: "Quả thật vậy, vì mang lấy xác thân vô-thường này nên ta phải bị người hành-hạ, đánh đập". Đức Phật có dạy rằng: "Dầu cho bị kẻ cướp bắt đem đi cưa tay, cưa chân ra từng khúc đi nữa, thầy tỳ-khuru cũng phải tha-thứ tội-lỗi cho kẻ dữ và không nên để tâm cố oán; làm

như thế, thầy tỳ-khuru ấy đã vâng đúng theo lời dạy của Như Lai vậy". Bởi có ấy, ta hãy nỗ-lực chăm-chú vào đề-mục thiền-định, để giữ sự bình-tĩnh cho thân tâm. Rồi đó, kẻ dữ muốn hành-hạ, đánh đập ta cách nào tùy-ý. Miễn là ta làm y theo lời dạy của Đức Thế Tôn càng tốt. Nhờ giữ được vẻ thiên-nhiên, bình-tĩnh ấy, mà thầy tỳ-khuru thấy mình đỡ khổ trong những hoàn-cảnh đau đớn kia".

"Hỡi này các đạo-hữu! Còn thầy tỳ-khuru nào ghi nhớ đến ngôi Tam-Bảo, nhưng không có ý-chí cương-quyết, lúc lâm vào cảnh khó như thế, hằng than-van kể-lẽ như vậy: "Những sự đánh đập hành-hạ như thế này thật là khổ, ta không sao chịu nổi. Tuy ta vẫn nhớ luôn đến ngôi Tam-Bảo, nhưng ta không thể giữ sự an-tĩnh cho tâm-trí đặng".

"Hỡi này các đạo-hữu! Như nàng dâu phải bôn-chôn, sợ-hãi, khi đứng trước cha mẹ chồng như thế nào? Thì cũng như thế ấy, thầy tỳ-khuru kia, tuy nhớ đến ngôi Tam-Bảo, nhưng chẳng có ý-chí cương-quyết để giữ sự an-tĩnh cho thân tâm, thì hằng phải tán-loạn, sợ-hãi, trong lúc lâm nguy. Còn trái lại, thầy tỳ-khuru nào có đức tin chân-chánh đối với ngôi Tam-Bảo, cương-quyết gìn giữ sự an-tĩnh cho thân tâm trong lúc lâm nguy, thầy tỳ-khuru ấy mới đáng gọi là bậc đã làm xong nhiều việc trên cõi thế".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

Đức Phật dạy con người phải làm thế nào cho tâm-trí trở nên trong sạch

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Savatthi (Xá Vệ), trong chùa Jetavana (Kỳ Viên) của trưởng-giả Anathapindika (Cấp Cô Độc) dâng cúng.

Ngài có thuyết cho các thầy tỳ-khuru nghe như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Ví như người ta đem một thừa vải bản thủ, lem-ố kia nhúng vào nước nhuộm màu xanh, màu đỏ, màu vàng, hay màu đen, thì thừa vải ấy không sao ăn màu cho tươi được, vì những chất dơ-bẩn dính theo nó".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Cũng như những kẻ nào có tâm-trí dơ-bẩn thì phải chịu nhiều điều thống-khổ chẳng sai. Trái lại, một thừa vải sạch-sẽ trắng-trẻo, ăn màu dễ dàng, tươi đẹp thế nào? Thì cũng như kẻ có tâm-trí trong sạch hằng được an vui, hạnh-phúc luôn-luôn. Mà những chất dơ-bẩn thường bám dính vào tâm ấy như thế nào?"

"Đó là những sự: bôn-xén, tham-lam, hiểm-độc, nóng-giận, cố oán, hung-dữ, tranh-tài, ganh tị, ham muốn một cách xấu-xa, giả-dối, xảo-quyết, khó dạy, tự-phụ, ngạo-mạn, cao-vọng và hững-hờ⁵".

"Khi biết rõ đó là những ác pháp hằng làm cho tâm-trí phải lem-luốc, thầy tỳ-khuru liền tìm cách xua đuổi chúng nó".

"Chùng nào tẩy-trừ được những nếp xấu-xa tội-lỗi ấy rồi, thầy tỳ-khuru liền phát tâm tin-tưởng Đức Như Lai một cách dững-mãnh, và nhận rõ rằng Ngài là một bậc Thế Tôn, một bậc hoàn-toàn giác-ngộ, có sự thông-hiểu nhiệm-mầu, thấu rõ tam-giới, một bậc Thiên-Nhân-Su".

"Thầy tỳ-khuru liền phát tâm tin-tưởng Đức Pháp một cách dững-mãnh, và nhận rằng Chánh Pháp đã được Đức Thế Tôn diễn-giải đúng-đắn, không sai lạc, rất phù-hợp, và hằng đem lại sự giải-thoát cho tất cả mọi người. Đức Pháp là món báu-vật duy-nhất mà các bậc thiện-trí-thức cần phải học hỏi".

"Thầy tỳ-khuru liền phát tâm tin-tưởng Đức Tăng một cách dững-mãnh, và nhận rõ rằng Tăng-Hội vẫn luôn-luôn thọ-trì chính-chấn những điều học của Đức Phật đã di-huấn, biết làm tròn bổn-phận đúng theo khuôn-khổ giới-luật. Chư-Tăng rất xứng-đáng là miếng ruộng báu để cho chúng-sinh đem hạt giống lành để gieo trồng".

"Sau khi diệt trừ được những tánh ngã-chấp, ích-kỷ, và biết chắc rằng mình đã có một đức tin dững-mãnh đối với: Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, thầy tỳ-khuru thấy mình trở nên thơ thới, phi-lạc và rất thỏa-thích trong phước-báu. Lần-lần, sự vui thích tinh-thần này làm cho thân tâm thầy tỳ-khuru trở nên an-tĩnh, nhẹ-nhàng".

"Lúc nào giới hạnh, nghị-lực và sự thông-hiểu của mình đã tới trình-độ cao-thượng này rồi, thầy tỳ-khuru có thể thọ-lãnh một cách xứng-đáng những vật thực ngon lành của thí-chủ dân cúng, khỏi sợ điều chi tai-hại cả⁶".

"Hỡi các thầy tỳ-khuru! Như một thửa vải lem ố, dơ bẩn kia trở nên sạch-sẽ sau khi được giặt bằng nước trong; như nén bạc kia trở nên sáng ánh, chẳng chút bợn nhơ sau khi được người thợ phân kim đem ra khỏi lửa thế nào? Thì cũng như thế ấy, thầy tỳ-khuru, khi đã tới trình-độ trong sạch cao-thượng này rồi, có thể thọ lãnh một cách xứng-đáng những vật thực do thí-chủ dâng cúng, không có điều chi tai-hại cả".

"Chẳng còn bất-bình, thù-oán, thầy tỳ-khuru rải tủa lòng từ-bi hỷ-xả trong khắp thế-gian. Người rải tâm sáng-lạng mát-mẻ của mình trong bốn phương tám hướng, rải bên trên, bên dưới, bên ngang, nơi trung-tâm của thế-giới, và bất cứ đâu-đâu cũng được thấm-nhuần trong cái tâm từ-bi bác-ái của bậc chân-tu quang-minh mát-mẻ".

"Lúc bấy giờ, thầy tỳ-khuru bèn tự nghĩ rằng: "Tất cả sự-vật đều có hai trạng-thái: thấp và cao. Sự giải-thoát là một trạng-thái cao-thâm ở ngoài trình-độ hiểu biết của chúng-sinh".

"Khi thấy rõ như thế rồi, thầy tỳ-khưu được giải-thoát ra khỏi sự tham-dục, ra khỏi bức màn vô-minh. Người biết rằng mình đã được giải-thoát, đã đi đến địa-vị thánh-nhân, đã làm tròn phận-sự trên cõi thế và chẳng còn sinh-trưởng nữa. Hỡi các thầy tỳ-khưu! Người ta cho rằng thầy tỳ-khưu ấy đã rửa được tâm mình trong sạch vậy".

Tới đây, thầy Bà La Môn Sundarika Bharadvadja liền hỏi Đức Phật rằng: "Bạch Đức Gotama, vậy chớ Ngài có thường xuống rạch Bahuka để tắm gội chăng?"

Đức Thế Tôn hỏi thầy ta lại rằng: "Này người Bà La Môn, vậy chớ nước trong rạch Bahuka có tánh-chất đặc-biệt gì, có sự lợi-ích chi cho người xuống đó tắm gội?"

- "Bạch Đức Gotama, nước trong rạch ấy có thể rửa sạch tội-lỗi, tẩy-trừ những điều thống-khổ, và đem lại phước-báu cho kẻ nào năng xuống đó tắm gội".

Đức Phật liền ngâm kệ cho thầy Bà La Môn nghe như vậy:

*Tại xứ Gaya, dưới chân núi Adhikakka,
Giòng rạch Bahuka từ-từ chảy,
Kẻ đại-dột hằng xuống đây tắm gội.
Tắm gội hoài, nhưng chẳng rửa được tinh-thần,
Nước non kia nào có bổ-ích vào đâu.
Chúng nó không sao rửa đặng tâm người,
Mà cũng chẳng rửa sạch bàn tay của kẻ xấu-xa, tội-lỗi.
Đối với người có nước tâm trong sạch,
Ngày nào cũng là tốt tươi, hạnh-phúc,
Ngày nào cũng là vui-vẻ thiêng-liêng.
Này người Bà La Môn,
Vậy người năng tắm gội như ta.
Nghĩa là rửa tâm mình bằng những cách:
Thương xót các loài sinh-vật,
Nói những lời chân-thật, không sát hại, không gian-tham,
Không bòn-xén và có đức tin dững-mãnh về chân-lý.
Người chẳng nên cần phí-công vô-ích,
Tìm đến xứ Gaya để làm gì"*

Khi nghe xong, thầy Bà La Môn Sundarika liền xin Đức Thế Tôn cho phép mình xuất-gia tu theo Phật-Giáo.

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

Đức Phật thuyết về ngọn lửa phá-hoại

Sau khi ngự tại rừng Uruvela trong một thời-gian, Đức Thế Tôn liền lên đường sang xứ Gayasisa và dắt theo một ngàn thầy tỳ-khuru thuộc về nhóm Djalilas vừa mới thọ giáo cùng Ngài. Lúc đến nơi, Đức Thế Tôn và các đệ-tử đồng lên ngự trên đỉnh núi Gaya. Rồi Ngài thuyết cho các thầy tỳ-khuru nghe như vậy: "Hỡi các thầy tỳ-khuru! Mỗi vật đều là ngọn lửa phá-hoại:

- Mắt là ngọn lửa phá-hoại, những vật do mắt trông thấy là lửa, sự nhận thấy rõ hình sắc là lửa, cách tiếp-xúc giữa mắt và mọi vật là lửa, những cảm-giác vui khổ, hoặc không vui không khổ, do sự tiếp-xúc của mắt với sắc-trần cũng là do ngọn lửa phá-hoại. Vậy ngọn lửa phá-hoại ấy do đâu mà phát-sinh? Hỡi các thầy tỳ-khuru! Ngọn lửa phá-hoại ấy được phát-sinh là do lòng tham-dục, sân-hận, si-mê, do những sự: sanh, già, đau, chết, do những cảnh chia lìa, khóc than, thất-vọng, do các điều đau-đớn, thống-khổ.

- Tai là ngọn lửa phá-hoại, những tiếng do tai nghe là lửa, sự nhận biết được tiếng là lửa, cách tiếp-xúc giữa tai và các âm-thanh là lửa, những cảm-giác vui hay khổ do sự tiếp-xúc của tai với tiếng bên ngoài cũng là ngọn lửa phá-hoại. Vậy ngọn lửa phá-hoại ấy do đâu mà phát-sinh? Nó được phát-sinh là do lòng tham-dục, sân-hận, si-mê, do những sự: sanh, già, đau, chết, do những cảnh chia lìa, khóc than, thất-vọng, do các điều đau-đớn, thống-khổ.

- Mũi là ngọn lửa phá-hoại, những mùi do mũi ngửi là lửa, sự nhận biết mùi thơm hay khó chịu là lửa, cách tiếp-xúc giữa mũi và hương trần là lửa, những cảm-giác vui khổ, hoặc không vui không khổ, do sự tiếp-xúc của mũi và hương trần, cũng là ngọn lửa phá-hoại. Vậy ngọn lửa phá-hoại do đâu mà phát-sinh? Nó được phát-sinh là do lòng tham-dục, sân-hận, si-mê, do những sự: sanh, già, đau, chết, do những cảnh chia lìa, khóc than, thất-vọng, do các điều đau-đớn, thống-khổ.

- Lưỡi là ngọn lửa phá-hoại, những vật thực do lưỡi nếm là lửa, sự nhận biết vật ngon hay dở là lửa, cách tiếp-xúc giữa lưỡi và vị-trần là lửa, những cảm-giác vui khổ, hoặc không vui không khổ, do sự tiếp-xúc của lưỡi và các vật thực, cũng là ngọn lửa phá-hoại. Vậy ngọn lửa phá-hoại ấy do đâu mà phát-sinh? Nó được phát-sinh là do lòng tham-dục, sân-hận, si-mê, do những sự: sanh, già, đau, chết, do những cảnh chia lìa, khóc than, thất-vọng, do các điều đau-đớn, thống-khổ.

- Xúc thân là ngọn lửa phá-hoại, những vật do thân đụng chạm là lửa, sự nhận biết những vật ấy mềm-mại hay nham-nhứa là lửa, cách đụng chạm vật này với vật nọ là lửa, những cảm-giác vui khổ, hoặc không vui không khổ, do sự đụng chạm gây nên cũng là lửa. Vậy ngọn lửa phá-hoại ấy do đâu mà phát-sinh? Nó được phát-sinh là do lòng tham-dục, sân-hận, si-mê, do những

sự: sanh, già, đau, chết, do những cảnh chia lìa, khóc than, thất-vọng, do các điều đau-đớn thông-khổ.

- Tâm-trí con người là ngọn lửa phá-hoại, tư-tưởng là lửa, sự suy xét phải quấy là lửa, cách tiếp-xúc giữa tư-tưởng mình và tư-tưởng của kẻ khác là lửa, những cảm-giác vui khổ, hoặc không vui không khổ, do sự suy xét gây nên cũng là ngọn lửa phá-hoại. Vậy ngọn lửa phá-hoại ấy do đâu mà phát-sinh? Nó được phát-sinh là do lòng tham-dục, sân-hận, si-mê, do những sự: sanh, già, đau, chết, do những cảnh chia lìa, khóc than, thất-vọng, do các điều đau-đớn thông-khổ".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Vì những lẽ kể trên nên bậc hành-giả chân-chánh, suốt-thông giới-luật, biết ăn ở theo đường phạm-hạnh, không còn chấp rằng những giác-quan là của mình, và chẳng để ý tới những sắc tốt hay xấu, tiếng hay hoặc dở, mùi thơm hay khó chịu, vật ngon hay chẳng vừa miệng, những sự đụng chạm vừa lòng hay Phật ý, những sự suy-nghĩ viển-vông và không lợi-ích".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Khi đã tẩy-trừ được sự chấp-trước về lục-căn và lục-trần rồi, bậc hành-giả ấy biết chắc rằng mình đã diệt được lòng tham-dục, đã được hoàn-toàn giải-thoát".

"Người biết rằng mình đã bước vào vòng thánh vức, đã làm tròn phận-sự trên cõi thế và không còn tái-sinh nữa".

Sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp về ngọn lửa phá-hoại xong rồi, tất cả một ngàn vị tỳ-khưu ấy đều đắc thánh quả, từ bậc Tu Đà Huần cho đến A La Hán.

-- MAHAVAGGA VINAYA

---o0o---

Đức Phật giải về những điều kinh-sợ của bậc hành-giả ngụ nơi rừng vắng

Đức Thế Tôn có thuyết cho thầy Bà La Môn Janussoni nghe như vậy: "Này người Bà La Môn, khi chưa được giác-ngộ và hãy còn đang tiến bước trên đường chân-lý, có lần nọ ta nghĩ rằng: "Đời sống giữa chốn rừng sâu hiu-quạnh thật là cam go nguy-hiêm. Rất khó mà tìm được sự an vui trong cảnh thanh-vắng, cô-độc như vậy; những nỗi lo-âu, sợ-sệt, luôn-luôn khuấy nhiễu tâm-trí của bậc hành-giả nào chưa được thuần-thục trong phép định tâm".

"Này người Bà La Môn, rồi ta lại nghĩ nữa rằng: "Sở-dĩ sự kinh-sợ được phát-sinh là vì các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn ấy, tuy sống ở giữa rừng sâu thanh-vắng, nhưng tâm-trí vẫn còn vọng tưởng về tài sắc, lợi danh, chẳng

biết điều-khiển xác thân và để cho nó tự-do hành-động bất chánh bằng những lời nói và việc làm. Các vị đạo-sĩ ấy hằng bị ngọn lửa tham-dục, ngọn lửa oán-thù thiêu đốt, bị những sự suy-nghĩ vẩn-vơ, sự hôn-trầm, sự ngờ-vực làm chủ thân tâm. Hoặc giả những đạo-sĩ hay Bà La Môn ấy, tuy vào ngụ nơi rừng vắng, nhưng vẫn còn tánh công cao, ngã mạn, lười-biếng, hững-hờ, uơ-nhèn, xảo-trá, bất-nhã. Vì giới hạnh không trong sạch, nên họ phải bị những điều kinh-sợ làm lung-lạc thân tâm".

"Này người Bà La Môn, còn về phần Như Lai, khi để chân vào rừng vắng, ta đã có thân khẩu ý luôn-luôn trong sạch; không còn tham-dục, ta cố giữ cõi-lòng thơ thới; không còn sân-hận, ta có sự từ-bi, nhẫn-nại đối với chúng-sinh; không còn lười-biếng, ta hằng siêng-năng tinh-tấn; không còn suy-nghĩ vẩn-vơ, ta ráng giữ tâm-trí luôn-luôn an-định; không còn nghi-ngờ, ta hằng có đức tin dũng-mãnh trên đường đạo-đức. Với tâm-trí bình-tĩnh và hăng-hái chiến-đấu để diệt-tận các điều xấu-xa, lầm-lạc, chẳng còn công cao, ngã mạn, si-mê, hờ-hững, luôn-luôn có sự tri-túc và ghi nhớ biết mình, nên những điều kinh-sợ không sao làm lay-chuyển thân tâm ta được. Vì ta đã đặt chân vào rừng vắng với tư-cách của một bậc hành-giả có phẩm-hạnh thanh-cao, thông-suốt đạo lý và thân tâm trong sạch".

"Này người Bà La Môn! Khi biết mình đã có giới hạnh tinh-nghiêm và sự thông hiểu cao cả rồi, ta nhận thấy đời sống cô-độc ở giữa rừng sâu thanh-vắng thật là an vui hạnh-phúc. Rồi ta lại nghĩ rằng: "Vậy ta thử chọn một đêm trăng trong, sao tỏ, nào để tìm đến ngụ tại giữa chốn âm-u, sầm-uất nhất trong cảnh rừng này. Nơi mà ai-ai cũng phải rón gáy, kinh-hồn, mỗi khi đặt chân đến chốn đó. Ta vào chỗ quạnh-hiu, nguy-hiêm ấy để thử-thách những điều kinh-sợ hằng làm lay-chuyển tâm-trí của người hành đạo ngụ nơi rừng vắng".

"Này người Bà La Môn! Trong khi ta đang ngồi quán tưởng dưới một gốc cây to, bỗng-nhiên có những loài chim đáp xuống và một con công làm gãy mấy cành cây mục rãng-rắc rơi xuống gần bên; một luồng gió lạnh xào-xạt thổi xuyên qua những lá cây khô, khiến cho ta nghĩ rằng: "Sự kinh-sợ đã đến rồi!" Nhưng ta lại xét như vậy: "Cớ sao ta lại chờ đón rước những điều kinh-sợ, lo-âu ấy để làm gì? Mà nếu sự lo-sợ phát-sinh, thì ta phải làm thế nào để tiêu-diệt trừ nó?"

"Này người Bà La Môn! Tuy nghĩ như vậy, nhưng trong lúc đang đi, ta cũng có cảm-giác rằng điều kinh-sợ vẫn đeo đuổi theo ta. Biết vậy, ta không dừng bước, mà cứ đi mãi, cho tới khi nào ta dẹp được sự kinh-sợ ấy mới thôi. Lúc đứng yên một chỗ, ta cũng thấy mình còn lo-sợ. Biết vậy, ta không cử-động và chờ đến khi nào tâm-trí trở nên bình-tĩnh rồi mới ngồi xuống. Ngồi xong,

ta phải cố gắng diệt trừ sự kinh-sợ rồi mới nằm nghỉ, và lúc nào chẳng còn lo-sợ chi nữa, thì ta mới ngồi dậy".

"Này người Bà La Môn! Có nhiều bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn, vì chẳng diệt trừ được những điều kinh-sợ khi đặt chân vào rừng vắng, nên hằng lấy ngày làm đêm và lấy đêm làm ngày (vì lo-sợ nên thức suốt đêm còn ban ngày thì ngủ). Vì lầm-lạc như thế, nên họ không sao tấn-hóa được. Còn đối với Như Lai, khi đêm đến thì biết rõ rằng đêm, và ngày tới, biết rõ là ngày. Bởi có ấy, người ta gọi Như Lai là một bậc chẳng còn lầm-lạc, là bậc giàu lòng từ-bi, bác-ái, có sự thông-hiểu nhiệm-mầu, đã đem lại sự an vui, hạnh-phúc cho tất cả chư-thiên và nhân-loại".

-- MAJJAHIMĀ NIKĀYA

---oOo---

Đức Phật tìm vào ngụ nơi rừng vắng một mình

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngụ tại tịnh-xá Ghosita, thuộc về thành Kosambi. Ngài phải bực-bội, khó chịu, vì có một nhóm đông: tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, thiện-nam, tín-nữ, vua chúa, quan quân và luôn cả các tín-đồ ngoại-đạo, cứ quanh-quẩn bên Ngài. Đức Thế Tôn bèn nghĩ rằng: "VẬY MUỐN TRÁNH NHỮNG SỰ PHIÊN-PHỨC, ÒN-ÀO GIỮA CHỖ ĐÔNG NGƯỜI, TA THỬ TÌM SỐNG MỘT MÌNH TRONG NƠI THANH-VẮNG COI RA SAO?".

Rồi đó, Đức Phật mặc y mang bát đi vào thành Kosambi để khát-thực. Khi trở về và độ ngộ xong, Ngài sắp đặt chỗ ngụ của mình cho có thứ-tự và chẳng cho các đệ-tử hay biết chi cả, rồi lên đường sang xứ Palileyyaka, vào rừng Rakkhila, và ngụ dưới gốc cây Sala.

Trong khi ấy, có một voi chúa đoàn, cũng hằng bị bực-bội phiền-phức vì phải sống chung với một bầy voi đông-đúc, nào là voi đực, voi cái, voi già, voi con. Hễ đi đến đâu thì chúng nó dẫm đạp cỏ non đến đó, lội xuống ao nào thì quậy bùn lên làm cho nước trở nên đục và dơ bẩn. Vì sống giữa đàn voi đông-đúc như thế, mà hằng ngày voi chúa phải ăn cỏ úa, phải uống nước bùn. Khi lội ngang qua rạch, hoặc xông vào rừng, nó lại bị các con voi khác chen lấn, xô đẩy, giành đi trước. Voi chúa bèn-tính rằng: "VẬY MUỐN TRÁNH NHỮNG ĐIỀU PHIÊN-PHỨC VÌ SỰ CHUNG-CHẠ ĐÔNG ĐÀO ẤY, TA THỬ TÌM SỐNG CÔ-ĐỘC TRONG NƠI VẮNG-VỀ COI RA SAO?" Nghĩ xong, voi chúa liền tách ra khỏi đoàn và đi một mình vào ngụ tại khu rừng Rakkhila. Gặp Đức Thế Tôn đang ngồi dưới cây Sala, nó liền lại gần lấy vòi nhỏ sạch cỏ mọc chung-quanh Ngài và lấy nước lại dâng cho Ngài dùng.

Đức Thế Tôn liền nghĩ rằng: "Quả thật vậy, trước kia ta lấy làm bực-bội vì phải sống giữa một nhóm đông tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, thiện-nam, tín-nữ, vua

chúa, quan quân. Trái lại, hiện nay ta chỉ sống cô-độc trong nơi thanh-vắng, không người cung-cấp, hộ độ, mà vẫn an vui, thơ thới hơn xưa".

Khi ấy, voi chúa đàn cũng nghĩ như vậy: "Trước kia, vì sống giữa một bầy voi đông-đúc, nào là voi đực, voi cái, voi già, voi con, nên ta phải chịu ăn uống bận thủ và nhọc tâm, bận-rộn với chúng nó. Còn bây giờ, chỉ sống tại rừng đây có một mình mà ta thấy thơ thới, nhẹ-nhàng hơn xưa".

Đoán được tư-tưởng của voi chúa đàn, Đức Thế Tôn liền ngâm kệ khen sự an vui nơi rừng vắng như vậy:

*Ý nghĩ của voi chúa nào khác chi tư-tưởng của Như Lai,
Khi chúng ta đồng xét về sự yên-tĩnh trong nơi thanh-vắng,
Về sự an vui lợi-ích tại chốn rừng sâu.*

-- UDANA

---o0o---

Đức Phật giải về thuyết "Trung-đạo"

Có thầy tỳ-khưu Sona-Kolivisa, khi được xuất-gia không bao lâu liền xin phép Đức Thế Tôn cho mình vào rừng Sitavana để tu tập.

Vì muốn được mau thành-tựu trong đạo-quả, thầy Sona không nài cực nhọc, đi kinh-hành suốt ngày đêm trên khoảng đường rừng đầy chông gai, hiểm-trở, làm cho hai bàn chân phải bị thương-tổn, máu chảy ra lai-láng. Khi đã mệt mỏi, thầy lại đi tìm nơi thanh-vắng mà tham-thiền quán tưởng.

Bỗng nhiên, thầy Sona phát tâm suy-nghĩ như vậy: "Ta đây vốn thuộc gia-đình giàu có, sang-trọng, đã hy-sinh tất cả tài-sản, quyến-thuộc, xin làm đệ-tử của Đức Phật. Khi vào tu rồi, ta lại cố gắng để hết tâm lực trau-giồi đạo-đức, kham-khổ đủ điều. Nhưng nào ta có diệt được phiền-não, và tâm-trí vẫn còn bị các ác pháp khuấy rối luôn. Rốt cuộc, đạo-quả đâu chẳng thấy, ta chỉ phải đau khổ thêm thôi. Vậy tốt hơn là ta nên trở lại với gia-đình đặng hưởng sự phong-lưu, hạnh-phúc, và làm việc lợi-ích cho đời".

Đoán được ý-nghĩ sai-lầm của thầy Sona, Đức Thế Tôn liền rời khỏi đỉnh núi Kỳ Xà Quật, dùng phép thần-thông bay vào rừng Sitavana, đến tại chỗ thầy Sona thường đi kinh-hành và thấy còn dấu máu. Ngài hỏi thầy Sona rằng: "Này Sona, có phải trong khi tham-thiền, quán tưởng, nhà ngươi có ý-nghĩ sai-lầm như vậy: Ta đây vốn thuộc gia-đình giàu có, sang-trọng, đã hy-sinh tất cả tài-sản, quyến-thuộc, xin làm đệ-tử của Đức Phật. Khi vào tu rồi, ta lại cố gắng để hết tâm lực trau-giồi đạo-đức, kham-khổ đủ điều. Nhưng ta nào có diệt được phiền-não, và tâm-trí vẫn còn bị các ác pháp khuấy rối luôn. Rốt cuộc, đạo-quả đâu chẳng thấy, ta chỉ phải đau khổ thêm thôi. Vậy

tốt hơn là ta nên trở lại với gia-đình mà hưởng sự phong-lưu, hạnh-phúc, và giúp ích cho đời".

- "Bạch Đức Thế Tôn, đệ-tử có ý-nghĩ như vậy thật.

- "Này Sona, Như Lai có nghe rằng khi còn ở ngoài thế, ngươi là một kẻ khảy đàn giỏi, có phải vậy không?

- "Bạch Đức Thế Tôn, chính phải như vậy.

- "Này Sona, nếu nhà ngươi lên dây đàn thẳng quá, thì tiếng đàn có được thanh-tao và ăn rập với giọng ca ngâm chăng?

- "Bạch Đức Thế Tôn, không thể được.

- "Này Sona, còn nếu nhà ngươi xuống dây dùn quá, thì tiếng đàn có được thanh-tao và ăn rập với giọng ca ngâm chăng?

- "Bạch Đức Thế Tôn, không thể được.

- "Này Sona, nhưng nếu ngươi lên dây cho vừa, không thẳng mà cũng không dùn quá, thì tiếng đàn sẽ ra sao?

- "Bạch Đức Thế Tôn, như vậy thì tiếng đàn sẽ được thâm-trầm và ăn rập với giọng ca ngâm.

- "Này Sona, thì cũng như thế ấy, sự cố gắng quá sức của con người hằng đem lại những nỗi khổ tâm, cực xác, mà thôi, chớ chẳng có ích-lợi vào đâu. Còn sự buông tuồng, hờ-hững thì chỉ đem lại sự lười-biếng xấu-xa. Vậy ngươi nên thực-hành theo thuyết trung đạo, nghĩa là không khổ hạnh, mà cũng chẳng dễ-dàng quá đỗi, thì mới mong được tấn-hóa trên đường chân-lý. Vậy ngươi hãy ráng chú-tâm về những điều ấy.

- "Bạch Đức Thế Tôn, đệ-tử xin vâng theo lời Ngài chỉ giáo".

-- MAHAVAGGA (Đại Phẩm)

---oOo---

Tư-cách diệt trừ các điều hư-hỏng

Một hôm nọ, Đức Sāriputta (Xá Lợi Phất) có thuyết cho các thầy tỳ-khưu nghe như vậy: "Hỡi các đạo-hữu! Trong thế-gian này, có bốn hạng người:

- hạng người thứ nhất đã hư-hỏng, nhưng không thấy rõ những tật xấu của mình;

- hạng người thứ nhì bị hư-hỏng, nhưng tự biết mình;

- hạng người thứ ba không hư-hỏng, nhưng chẳng chịu tìm hiểu chân-lý;

- hạng người thứ tư không hư-hỏng, nhưng thấu rõ chân-lý và hằng sống theo chân-lý.

"Hỡi các đạo-hữu! Trong hai hạng người hư-hỏng thứ nhất và thứ nhì, thì hạng thứ nhất là đê-hèn hơn, vì đã hư-hỏng rồi, mà không thấy rõ những tật xấu của mình. Còn hạng thứ nhì được coi là ít đê-hèn hơn".

"Hỡi các đạo-hữu! Trong hai hạng người không hư-hỏng thứ ba và thứ tư, thì hạng thứ ba thì thấp kém và hạng thứ tư được coi là cao-thượng hơn hết".

"Hỡi các đạo-hữu! Nói về hạng người thứ nhất, đã hư-hỏng nhưng không tự biết lấy mình, thì chẳng mong gì cho họ hồi tâm hướng thiện, cố gắng tu tập để tẩy trừ những điều xấu-xa, lầm-lạc. Đến khi lâm-chung, họ phải chịu đau khổ, vì tâm-trí còn tích-trữ những điều xấu-xa, lầm-lạc. Đến khi lâm chung, họ phải chịu đau khổ vì tâm-trí còn tích-trữ những sự tham lam, sân-hận, si-mê".

"Hỡi các đạo-hữu! Như người kia ra chợ mua một cái ô bằng đồng đã bị lem ố, rồi đem về bỏ vào một xó nào đó, và chẳng hề đem ra lau chùi để đựng vật thực. Không bao lâu, cái ô ấy trở nên dơ bẩn thêm, mà lại có mùi tanh hôi khó chịu. Vì vậy mà nó thành ra vô-dụng. Cũng như kẻ hư-hỏng mà chẳng tự biết mình, đến khi chết phải chịu khổ-sở vì tâm-trí bị lem ố".

"Hỡi các đạo-hữu! Trái lại, có người kia ra chợ mua một cái ô bằng đồng đã bị lem ố. Nhưng khi đem về, người ấy thường lau chùi cho sạch-sẽ để đựng vật thực. Nhờ đó mà chẳng bao lâu, cái ô ấy trở nên sáng chói. Cũng như kẻ nào đã hư-hỏng, nhưng tự biết lấy mình, bỏ dũ theo lành, thì đến lúc chết, kẻ ấy hằng được yên vui, vì tâm-trí trong sạch".

"Hỡi các đạo-hữu! Còn hạng người thứ ba, không hư-hỏng, nhưng chẳng chịu tìm hiểu chân-lý, thì họ dễ bị sa ngã vì những tư-tưởng xấu-xa và những sự tham-lam, sân-hận, trong tâm. Đến lúc chết, họ gặp nhiều điều thống-khổ chẳng sai".

"Hỡi các đạo-hữu! Như người kia ra chợ mua một cái ô bằng đồng trơn bóng sạch-sẽ, nhưng khi đem về lại bỏ nó vào một xó nào và chẳng hề đem ra lau chùi để đựng vật thực. Vì vậy mà không bao lâu, cái ô ấy phải trở nên dơ bẩn, lem ố. Cũng như kẻ không hư-hỏng, nhưng chẳng chịu trau-giồi đạo-đức, thì đến lúc lâm-chung phải chịu khổ-não, vì tâm-trí bị lem ố".

"Hỡi các đạo-hữu! Còn nói về hạng người thứ tư, không hư-hỏng lại luôn luôn sáng-suốt biết mình, thì đến khi chết, sẽ được an vui, hạnh-phúc".

"Hỡi các đạo-hữu! Như người kia ra chợ mua một cái ô bằng đồng trơn bóng, sạch-sẽ. Khi đem về, người ấy lại năng lau chùi cho sạch để đựng vật

thực. Nhờ vậy mà cái ô trở nên sạch-sẽ, bóng-nhóang thêm. Cũng như kẻ nào không hư-hỏng, mà lại tự biết mình, chẳng để cho hoàn-cảnh lôi cuốn, ráng tinh-tần rèn tập các pháp lành cho được tinh-vi thêm, thì đến lúc lâm-chung, kẻ ấy sẽ được yên vui, nhờ có tâm-trí trong sạch và sáng-suốt".

"Hỡi các đạo-hữu! Mà thế nào gọi là điều hư-hỏng của tâm?"

"Ví-dụ, có một thầy tỳ-khưu nghĩ rằng: "Nay ta đã lỡ phạm giới rồi. Vậy ta mong sao cho các vị tỳ-khưu khác đừng biết lỗi của ta". Nhưng rủi thay, sự phạm giới ấy lại lọt vào tai những vị khác. Vị tỳ-khưu phá giới, khi nghe được chuyện ấy, đáng lẽ phải ăn-năn, sám-hồi về tội-lỗi của mình, nhưng lại phát tâm bất-bình, oán-giận các tỳ-khưu khác".

"Hỡi các đạo-hữu! Những sự bất-bình, oán-giận không chính-đáng ấy, gọi là điều hư-hỏng của tâm vậy".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA (Trung A-Hàm)

---o0o---

Con ngựa giống

"Này các thầy tỳ-khưu! Con ngựa giống cần phải có bốn đặc-tính mới được đức vua trọng dụng, mới đáng gọi là một con tuấn-mã, là một vật quý của hàng vương-giả".

"Mà bốn đặc-tính ấy như thế nào?"

"Này các thầy tỳ-khưu! Con ngựa giống cần phải

- có sự đẹp đẽ,
- có sức mạnh,
- có thân hình tương-xứng, và
- chạy cho thật mau".

"Cũng như thầy tỳ-khưu cần phải có bốn đức-tính mới đáng thọ-lãnh của tín-thí, mới đáng cho người chấp tay lễ bái cúng dường, mới đáng gọi là miếng ruộng báu của chúng-sinh không chi sánh bằng".

"Này các thầy tỳ-khưu! mà bốn đức-tính ấy như thế nào?"

Thầy tỳ-khưu phải:

- có sự đẹp đẽ trang-nghiêm,
- có sức mạnh,
- có sự tương-xứng,

- và phải cho mau-mắn.

Mà thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có sự đẹp đẽ trang-nghiêm?

"Trong điều này, thầy tỳ-khuru phải là người có đức hạnh, biết kềm-chế sự nuôi mạng của mình, không tham muốn thái-quá, có nhiều kinh-nghiệm trong sự hành đạo, biết tránh xa tội-lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít, biết trau-giồi tâm-trí và nghiêm-trì giới luật đúng theo lời Như Lai chỉ dạy".

"Này các thầy tỳ-khuru! Còn thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có sức mạnh?

"Trong điều này, thầy tỳ-khuru phải có chí dũng-cảm, tinh-tấn chiến-đấu để tận-diệt các điều xấu-xa, lầm-lạc, ráng rèn tập những pháp lành và tìm cách để thoát khổ".

"Này các thầy tỳ-khuru! Còn thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có sự tương-xứng?

"Trong điều này, khi được người bố-thí cho bốn món vật dụng như: com nước, chỗ ngủ, y phục, thuốc men, thầy tỳ-khuru cần phải có sự điều-độ và tri-túc⁷. Người chỉ nên nhận những vật nào cần-thiết mà thôi và chẳng nên thọ lãnh nhiều quá để tích-trữ, hoặc đem cho thân-bằng quyến-thuộc".

"Này các thầy tỳ-khuru! Còn như thế nào mới gọi là thầy tỳ-khuru có sự mau-mắn?

"Trong điều này, thầy tỳ-khuru phải tìm cho thấy rõ một cách mau-mắn rằng: Đây là sự khổ, đây là nguyên-nhân của sự khổ, đây là tư-cách diệt khổ, và đây là con đường để đi đến nơi diệt khổ⁸".

"Này các thầy tỳ-khuru! Như thế, thầy tỳ-khuru nào có đầy đủ bốn đức-tính ấy, mới đáng thọ lãnh của tín-thí, đáng cho người chấp tay lễ bái, cúng dường, và mới đáng gọi là miếng ruộng báu của chúng-sinh không đâu bì kịp".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA*

---o0o---

Bốn hạng người

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Đây là bốn hạng người: vua chúa, thầy tu, thương-gia và lao-động. Trong bốn hạng người ấy, có hai hạng: vua chúa và thầy tu thì được người ta coi là quan-trọng hơn hết. Sự quan-trọng của họ được biểu-lộ bằng những tập-quán lễ-nghi bên ngoài, như được người cung-kính chấp tay xá, cúi đầu chào hỏi, vân-vân ...".

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Lại cũng có năm đức-tính cao-thượng là: đức tin, nghị-lực, ngay thật, tinh-tấn và trí-tuệ mà con người cần phải trau giồi .

Nếu tất cả bốn hạng người kể trên đều có đầy đủ năm đức-tính ấy, thì thấy-thấy đều được an vui lâu dài. Trong trường-hợp này, sự cố gắng tu tập của họ cũng như nhau, không có chi đáng phân-biệt cả".

"Cũng như người ta có một cặp voi hay một cặp ngựa thuần-thục, dễ khiến, lại có một cặp khác không thuần và khó trị. Thì cặp thứ nhất được coi là thuần-thục, dễ khiến, và cặp thứ nhì là không thuần và khó trị, dầu rằng chúng nó đều thuộc về một loại với nhau".

"Về đường tu tập cũng vậy, đức tin, nghị-lực, ngay thật, tinh-tân và trí-huệ đều do chí cố gắng của người hành đạo, chứ chẳng phải do dòng-giống hoặc giai-cấp mà được. Những đức-tính ấy không sao thành-tựu đến những kẻ vô tín-ngưỡng, thiếu nghị-lực, xảo-trá, lười-biếng và ngu dốt bao giờ. Nói về bốn hạng người kể trên, nếu họ đạt được năm đức-tính cao-quý ấy, thì thấy-thấy đều được giải-thoát như nhau. Sự giải-thoát chỉ có một và chẳng phải dành riêng cho hạng người nào cả".

"Ví-dụ có bốn nhân-vật, người thứ nhất lấy một bó lá khô, người thứ nhì lấy một nhánh cây Sala, người thứ ba lấy một nhánh cây sung và người thứ tư lấy một nhánh cây xoài. Mỗi người đem lá và cây của mình đi đốt riêng nơi một góc nào, lửa cháy lên cũng đỏ, cũng nóng, cũng sáng giống nhau như thế nào? Thì chính: đức tin, nghị-lực, ngay thật, tinh-tân và trí-huệ hằng đem lại ánh-sáng cho tinh-thần cũng như thế ấy.

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Như Lai cho rằng sự giải-thoát chỉ có một, chứ không có gì đáng phân-biệt cả".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

Lời của soạn-giả:

Đức Phật thuyết pháp trên đây là cố-ý đánh đổ kiến-thức sai-lầm của nhóm Bà La Môn giáo⁹; cho rằng họ là thông-minh, cao-thượng hơn hết. Họ viện lẽ rằng họ được sanh ra là do một nguồn gốc thiêng-liêng, do giọng giống tốt đẹp. Họ thông-suốt ba bộ kinh Veda là những vật bất-khả-xâm-phạm của các bậc thánh-nhân truyền lại từ lâu đời. Tại xứ Ấn Độ, phần đông đều phải kính-nể và nhờ đến các thầy tu Bà La Môn, dầu là vua chúa cũng vậy, trong những việc học hỏi, tế lễ, xem tướng số, dựng đôi, gả lúa, vân-vân ... Sự phân chia giai-cấp này, hiện nay vẫn còn thịnh-hành trong khắp xứ Ấn Độ. Biết bao nhiêu nhà thức-giả như: Ramakrishna, Vivekananda, Gandhi ... đã hết sức hô-hào cải-cách, nhưng cũng chưa đánh đổ được hoàn-toàn sự chấp-nê ấy.

Đức Thế Tôn giải rằng hết thấy con người đều có một cơ-thể như nhau, nhưng chỉ khác nhau vì phẩm-cách. Nếu tất cả giai-cấp đều tu hành chính-

chấn thì cũng được giải-thoát như nhau, chớ sự giải-thoát không phải dành riêng cho ai cả.

---o0o---

Đức Xá-lợi-phát giải về sức khỏe của cái tâm cho người tại-gia cư-sĩ Nakulapita nghe

Một hôm nọ, có người tại-gia cư-sĩ Nakulapita đến thăm Đức Sāriputta¹⁰. Khi ông ta đánh lễ và ngồi xong, Đức Sāriputta liền hỏi rằng: "Này ông Nakulapita, chẳng biết hôm nay ông có được nghe pháp của Đức Thế Tôn chưa; mà bản-đạo thấy sắc mặt ông tươi-tắn và dáng-điệu bình-tĩnh như thế?"

Ông Nakulapita trả lời rằng: "Bạch-hóa Đại-Đức, chính phải như vậy. Tôi vừa mới nghe Đức Thế Tôn thuyết-pháp xong, nên thân tâm tôi rất mát mẻ, chẳng khác nào được tắm bằng nước cam-lộ".

- Vậy chớ ông nghe Đức Thế Tôn thuyết như thế nào?

Bạch Đại Đức, khi nãy tôi có tìm đến Đức Thế Tôn, đánh lễ, ngồi kế bên và bạch với Ngài như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay đệ-tử đã già, kiếp sống của đệ-tử gần mãn. Đã vậy, lại thường hay bệnh-hoạn, nên ít khi có dịp được yết-kiến Đức Thế Tôn và Chư Thánh Văn Đại Đức. Bạch Đức Thế Tôn, vậy xin Ngài từ-bi dạy bảo cách nào cho đệ-tử được an vui, hạnh-phúc.

"Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy tôi như vậy: "Này người tại-gia cư-sĩ, quả thật vậy, vì niên cao kỹ trưởng nên xác thân của người phải già và thường hay đau ốm. Mà kẻ nào phải mang lấy xác thân giả tạm này rồi thì không sao làm cho nó được luôn-luôn khỏe mạnh, dầu là trong giây lát. Chỉ có kẻ đại-dột, điên-rồ mới mong-mỏi như thế đó thôi. Này người tại-gia cư-sĩ, vậy người nên tự dạy mình như vậy: "Tuy xác thân ta đau, nhưng tâm-trí ta nào có bệnh-hoạn chi".

"Bạch-hóa Đại-Đức Sāriputta, chính Đức Thế Tôn đã thuyết cho tôi nghe như vậy, nên sắc mặt tôi trở nên tươi-tắn và dáng-điệu bình-tĩnh như thế này".

Tới đây, Đại-Đức Sāriputta liền hỏi ông Nakulapita: "Vậy chớ trong trường-hợp nào người ta mới có thể cho một kẻ kia đau cả xác thân và tâm-trí?"

Rồi Ngài thuyết tiếp cho ông Nakulapita nghe như vậy: "Trong điều này, chúng ta nên nghĩ đến một người kia ngu-dốt, chẳng biết phân-biệt ai là người cao-quí, không thấu rõ đường đạo-đức và chẳng năng trau-giồi các pháp của bậc thiện-trí-thức. Người ấy hằng chấp rằng: "Xác thân (sắc) là ta và chính cái ta ở trong xác thân này". Rồi lần-lượt, người lại hiểu lầm nữa,

rằng 4 uẩn khác: Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều là ta và chính cái ta ở trong các uẩn ấy".

"Khi bị ý-nghĩ sai-lầm ám-ảnh rôi, thì người ấy hằng chú-tâm đến xác thân của mình và mỗi khi thân bị thay đổi, kém suy, thì cái tâm cũng bị lung-lạc, bứt-rứt. Vì đó mà người ấy phải đau khổ, thất-vọng, hối tiếc. Nay ông Nakulapita, trong trường-hợp này, người ta có thể cho kẻ ấy đau cả xác thân và tâm-trí".

"Nay ông Nakulapita, còn với trường-hợp nào người ta có thể cho một kẻ kia đau xác thân, mà tâm-trí không đau?"

"Trong điều này, chúng ta nên nghĩ đến một người kia có trí-tuệ, biết phân-biệt ai là người cao-quí, lại còn thấu rõ đường đạo-đức, cố công trau-giồi những pháp của bậc thiện-trí-thức. Người ấy không cho rằng: Xác thân là ta và chính cái ta ở trong xác thân này. Nhờ suy xét đúng theo chân-lý, người ấy không còn chú-tâm đến thân mình và mỗi khi xác thân bị thay đổi kém suy, thì tâm-trí của người cũng chẳng bị lung-lạc, bứt-rứt. Nhờ vậy mà người khỏi phải đau khổ, thất-vọng, hối tiếc. Nay ông Nakulapita, trong trường-hợp đó, người ta có thể cho rằng kẻ ấy đau xác thân mà tâm-trí vẫn không đau".

-- SAMYUTTA NIKĀYA

---o0o---

Đức Phật giải về thuyết "đoạn kiến"¹¹

Đức Thế Tôn có thuyết cho những người tại-gia cư-sĩ ở xứ Sāla nghe như vậy: "Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Nhiều hạng đạo-sĩ hoặc Bà La Môn chủ-trương lý-thuyết "đoạn kiến", tuyên-bố rằng chẳng có tội phước, quả báo, luân-hồi chi cả, chẳng có bậc đạo-sĩ hoặc Bà La Môn nào tu hành chân-chánh đã được giác-ngộ và đắc đạo cả. Còn có nhiều hạng đạo-sĩ hoặc Bà La Môn khác lại cho rằng có tội, có phước, có quả-báo, luân-hồi, có nhiều bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn tu-hành chân-chánh đã được giác-ngộ và đắc đạo-quả thánh-nhân".

"Hỡi các người tại gia cư sĩ! Những ý nghĩ tương-phản ấy đem lại kết-quả như thế nào?"

"Trong trường-hợp thứ nhất: Những nhóm chủ-trương lý-thuyết "đoạn kiến", vì tin-tưởng rằng không có tội phước, quả-báo, luân-hồi và đạo-quả chi, nên họ hằng gây ra nhiều tội-lỗi do thân, khẩu, ý. Mà tại sao họ làm như vậy? Vì họ chẳng biết rõ những nỗi tai-hại, thống-khổ, trong bốn đường ác đạo¹² do nghiệp dữ gây nên, và không thấy những hạnh-phúc của nghiệp lành. Tuy có

kiếp sau, nhưng họ vẫn đinh-ninh rằng không có. Tuy các bậc thánh-nhân công-nhận có nhiều cảnh-giới khác nhau, nhưng họ cứ cho rằng không có. Rồi họ lại đem lý-thuyết sai-lầm ấy ra tuyên-bố cho phần đông đều biết".

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Vì ý nghĩ sai-lầm của các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn ấy, mà biết bao nhiêu sự xấu-xa, tội-lỗi được phát-sinh".

"Tuy-nhiên, một kẻ thức-thời, có trí xét đoán nên nghĩ như vậy: "Nếu quả thật kiếp sau không có, thì đó là một điều may-mắn cho kẻ dữ kia sau khi chết. Còn nếu có kiếp sau, thì tất-nhiên kẻ ấy phải bị tái-sinh vào cảnh bần-cùng, thông-khổ, bị hành phạt đau đớn. Đã vậy, hiện nay kẻ ấy hằng bị các bậc thiện-trí-thức chê-bai vì những nét hư tật xấu của nó. Rốt cuộc, nó phải chịu thiệt-thòi trong cả hai trường-hợp: có kiếp sau hay không có".

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Trái lại, những bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn nào có ý-nghĩ chân-chánh, cho rằng có tội, có phước, có quả báo, luân-hồi, và có nhiều bậc chân tu đắc được đạo-quả thánh-nhân, thì các bậc ấy hằng tinh-tấn làm những việc lành do thân, khẩu, ý, cố gắng diệt trừ những nét xấu-xa, tội-lỗi khi xưa và làm cho các pháp lành được thêm tấn-triển".

"Hỡi các người tại-gia cư-sĩ! Trong điều này, một kẻ thức-thời có trí xét đoán nên nghĩ như vậy: "Nếu kiếp vị-lai có thật, thì người lành kia, sau khi chết sẽ được tái-sinh lên làm người sang cả, hoặc về cõi thiên-đàng. Đã vậy, hiện nay người ấy hằng được các bậc thiện-trí-thức ngợi-khen, mến phục do những hành-vi chánh đáng của người. Rốt cuộc, người lành ấy được lợi trong cả hai trường-hợp: có kiếp sau hay không có".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

Kiến-thức sai-lầm của các bậc xuất-gia

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Có ba hạng đạo-sĩ hay Bà La Môn thường suy-nghĩ một cách sai-lầm như sau:

1. Hạng thứ nhất cho rằng những sự vui, khổ, hoặc không vui, không khổ, của con người hiện nay, đều do các tiền nghiệp mà ra. Hỡi các thầy tỳ-khưu! Nếu những hạng đạo-sĩ hay Bà La Môn ấy tìm đến Như Lai, thì Như Lai sẽ hỏi họ lại rằng: Nếu vậy, thì những nét hư-hỏng hiện nay của các bậc xuất-gia không chân-chánh như: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, tự cao, tà kiến, đều do các tiền-nghiệp mà ra chẳng?

Hỡi các thầy tỳ-khưu! Những kẻ nào mong tìm đạo giải-thoát, nhưng thường dựa vào các tiền-nghiệp để bào-chữa lỗi mình, đều là những kẻ đê-hèn, thiếu

ngộ-lục, hay quên mình, có tâm-trí dơ-bẩn, và chẳng tinh-tấn trau-giồi đạo-đức. Những kẻ ấy không đáng mang lấy danh-hiệu sa-môn chút nào cả.

2. Hỏi các thầy tỳ-khưu! Hạng thứ nhì cho rằng: những sự vui, khổ, hoặc không vui, không khổ, của con người hiện nay đều do sự thưởng phạt của một đấng thiêng-liêng mà ra.

Hỏi các thầy tỳ-khưu! Nếu những hạng đạo-sĩ hay Bà La Môn ấy tìm đến Như Lai, thì Như Lai sẽ hỏi lại họ rằng: Nếu vậy, thì những nét hư-hỏng hiện nay của các bậc xuất-gia không chân-chánh như: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, tự cao, tà kiến, đều do sự thưởng phạt của đấng thiêng-liêng mà ra chăng?

Hỏi các thầy tỳ-khưu! Những kẻ nào mong tìm được đạo giải-thoát, nhưng thường dựa vào sự thưởng phạt của một đấng thiêng-liêng để bào-chữa tội-lỗi của mình đều là những kẻ đê-hèn, thiếu nghị-lục, hay quên mình, có tâm-trí dơ-bẩn và chẳng tinh-tấn trau-giồi đạo-đức. Những kẻ ấy không đáng mang danh-hiệu sa-môn chút nào cả.

3. Hỏi các thầy tỳ-khưu! Hạng thứ ba cho rằng những sự: vui, khổ, hoặc không vui không khổ, của con người hiện nay đều do luật tự-nhiên mà ra.

Hỏi các thầy tỳ-khưu! Nếu những đạo-sĩ hay Bà La Môn ấy tìm đến Như Lai, thì Như Lai sẽ hỏi họ lại rằng: Nếu vậy thì những nét hư-hỏng hiện nay của các bậc xuất-gia không chân-chánh như: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, tự cao, tà kiến, đều do luật tự-nhiên mà ra chăng?

Hỏi các thầy tỳ-khưu! Những kẻ nào mong tìm được đạo giải-thoát, nhưng thường dựa vào luật tự-nhiên để bào-chữa lỗi mình, đều là những kẻ đê-hèn, thiếu nghị-lục, hay quên mình, có tâm-trí dơ-bẩn và chẳng tinh-tấn trau-giồi đạo-đức. Những kẻ ấy không đáng mang lấy danh-hiệu sa-môn chút nào cả".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA*

---o0o---

Sự thường-tôn và vô-thường của thế-gian và bản-ngã¹³

Hỏi các thầy tỳ-khưu! Có nhiều nhóm đạo-sĩ hay Bà La Môn thường dựa theo bốn lý-lẽ sau đây, để cho rằng thế-gian và bản-ngã là thường-tôn hoặc vô-thường:

1. Lý lẽ thứ nhất: Nói về vị trời Tạo-Hóa (Brahma)

"Hỏi các thầy tỳ-khưu! Đến lúc nọ có một vị trời, vì hết tuổi thọ hoặc hết phước ở cõi trời vô sắc, nên phải thọ-sinh vào tầng trời thấp kể đó gọi là trời sắc giới. Ngài được sanh vào cảnh này trước hơn ai hết, và chỉ sống bằng

tinh-thần do sự phi lạc tự-nhiên¹⁴ như vậy hằng mấy ngàn triệu năm. Nhưng đến một thời-gian sau, vì thấy mình sống cô-độc như vậy lâu quá, nên vị Phạm Thiên ấy cũng có hơi buồn và ước-nguyện như vậy: Ta mong sao có nhiều vị trời khác cũng đến đây ở với ta cho vui. Rồi đó, một việc tình-cờ khiến nhiều vị trời khác, vì hết tuổi thọ hoặc hết phước nơi cõi trời vô sắc và cũng được sanh vào cõi sắc giới sau vị Phạm Thiên kia. Những vị sau này cũng sống bằng tinh-thần do sự phi-lạc tự-nhiên như vậy hằng mấy ngàn triệu năm. Lúc ấy, bỗng-nhiên một ý-nghĩ sai-lầm phát khởi trong trí vị Phạm Thiên đầu tiên như vậy: "Quả thật vậy, chính ta là một vị Đại Phạm Thiên được sanh vào chốn này trước nhất. Hiện bây giờ cho đến buổi tương-lai, ta chính là bậc Chúa Tạo-Hóa, điều-khiển vạn-vật. Vì nhờ sự ước-nguyện của ta mà các vị trời kia mới được sanh vào đây sau ta". Còn những vị trời đến sau lại cũng có ý-nghĩ sai-lầm như vậy: "Quả thật vậy, chính vị trời mà chúng ta gặp, khi mới thọ-sinh vào chỗ này là một vị Đại Phạm Thiên. Hiện bây giờ cho đến buổi tương-lai, chính ngài là vị chúa tạo-hóa điều-khiển vạn-vật. Vì ngài ở đây trước chúng ta và chúng ta được sanh vào đây sau ngài".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Nhưng đến một ngày kia, có một vị trời trong nhóm ấy, vì hết tuổi thọ hoặc hết phước nơi cõi trời sắc-giới nên phải thọ-sinh xuống trần làm người và được xuất-gia hành đạo. Nhờ cố công tu tập, người ấy đắc được thiên-định và phép mầu 'Túc Mạng Minh', có thể nhớ lại tiền-kiếp của mình. Người ấy liền công-bố cho nhân-loại biết rằng: Vị trời đầu tiên ấy là một bậc Đại Phạm Thiên, bậc Chúa Tạo-Hóa, điều-khiển vạn-vật. Ngài là bậc vô sanh bất diệt. Còn chúng ta thấy-thấy đều bị luật vô-thường chi-phôi, bị sanh tử luân-hồi và có tuổi thọ rất ít".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Đó là lý lẽ sai-lầm thứ nhứt mà có một số đạo-sĩ hay Bà La Môn thường dựa theo để cho rằng: thế-gian và bản-ngã là thường-tồn hoặc vô-thường".

2. Lý lẽ thứ nhì:

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Có nhiều hạng chư-thiên bị hư-hỏng vì những cuộc vui nơi cõi trời¹⁵. Họ sống trong cảnh cười-cợt, nhảy múa như vật hằng mấy triệu năm¹⁶. Vì say mê trong những cuộc vui liên-tiếp ấy, mà tâm-trí họ phải bị lu-lò, hư-hỏng. Đến một ngày kia, có một vị trong nhóm ấy, vì hết tuổi thọ hoặc hết phước nơi cõi trời, nên phải thọ-sinh xuống trần làm người và được xuất-gia hành đạo. Nhờ cố công tu tập, người ấy đắc được thiên-định và phép mầu 'Túc Mạng Minh', có thể nhớ lại kiếp mình được sanh làm chư-thiên vừa qua. Rồi đó, người ấy liền công-bố cho hàng nhân-loại biết rằng: "Có nhiều vị trời khác, vì chẳng say mê theo những cuộc vui cười, nhảy

múa, như chúng ta, nên tâm-trí các ngài vẫn được bình-tĩnh và trong sạch. Các ngài là những bậc vô sanh bất diệt, khỏi bị sa đọa. Còn chúng ta vì ham vui một cách khờ dại, nên phải bị luật vô-thường chi-phối, phải bị sanh tử luân-hồi và có tuổi thọ rất ít".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Đó là lý lẽ sai-lầm thứ nhì mà có một số đạo-sĩ hay Bà La Môn thường dựa theo để cho rằng thế-gian và bản-ngã là thường-tồn hoặc vô-thường".

3. Lý lẽ thứ ba:

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Có nhiều hạng chư-thiên bị hư-hỏng bởi có tâm tham-dục, thù-oán, ganh tị¹⁷. Vì chỉ sống trong sự ganh ghét, gièm-pha, thù-oán lẫn nhau, nên tâm-trí của họ phải bị hư-hỏng, lu-lờ. Đến một ngày kia, có một vị trong nhóm ấy, vì hết tuổi thọ hoặc hết phước nơi cõi trời, nên phải thọ-sinh xuống trần làm người và được xuất-gia hành đạo. Nhờ cố công tu tập, người ấy đắc được thiên-định và phép mầu 'Túc Mạng Minh', có thể nhớ lại kiếp mình được sanh làm chư-thiên vừa qua. Rồi đó, người ấy liền công-bố cho hàng nhân-loại biết rằng: Có nhiều vị trời khác, vì không có tâm tham-dục, thù-oán, ganh tị lẫn nhau, nên tâm-trí các ngài vẫn được bình-tĩnh và trong sạch. Các ngài là những bậc vô sanh bất diệt, khỏi bị sa đọa. Còn chúng ta, vì có tâm tham-dục, ganh ghét, thù-oán lẫn nhau, nên phải bị luật vô-thường chi-phối, phải bị sanh tử luân-hồi và có tuổi thọ rất ít".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Đó là lý lẽ thứ ba mà có một số đạo-sĩ hay Bà La Môn thường dựa theo để cho rằng thế-gian và bản-ngã là thường-tồn hoặc vô-thường".

4. Lý lẽ thứ tư:

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Còn nhiều hạng đạo-sĩ hay Bà La Môn để tâm tìm-tòi và bày vẽ ra rằng: "Những giác-quan như: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đều là vô-thường. Còn tâm-trí, tư-tưởng và sự hiểu-biết đều là thường-tồn, bền bỉ".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Đó là lý lẽ thứ tư mà có một số đạo-sĩ hay Bà La Môn thường dựa theo để cho thế-gian và bản-ngã là thường-tồn hoặc vô-thường".

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Những ý-nghĩ viển-vông, những kiến-thức sai-lầm như vậy, chỉ đưa chúng-sinh đến chỗ tà kiến làm-lạc đó thôi. Đáng Như Lai không hề để tâm đến những điều vô-ích ấy, mà chỉ chú-trọng về những phương-pháp diệt khổ, về mục-đích giải-thoát, về sự an vui của Niết-Bàn".

-- DĪGHA NIKĀYA (Trường A Hàm)

Lời của soạn-giả:

Đại-ý bài này dạy các hàng Phật-tử chớ nên tìm tòi về những lý-thuyết viển-vông, vô-ích, mà phải ráng chú-trọng về những pháp hành cao-thượng có thể đưa chúng-sinh đến nơi dứt khổ, giải-thoát.

---o0o---

Một tội-nhân tìm cách thoát thân

Có một tên trộm kia bị người bắt được và dẫn đến nạp cho vua trong xứ. Muốn gìn giữ nó, nhà vua dạy dỡ nắp rương để thả ra bốn con rắn độc. Con thứ nhất quấn lấy tay mặt tội nhân, con thứ nhì quấn tay trái, con thứ ba quấn ngang hông và con thứ tư quấn lấy cổ nó.

Một người có đức hạnh đến gần tội-nhân mà nói rằng: "Người đã bị gìn giữ cẩn-thận, vậy hãy đứng yên, chớ nên cựa động mà bị rắn cắn. Nọc của con rắn thứ nhất sẽ làm cho thân người cứng đơ như đá, nọc con rắn thứ nhì làm cho người tiêu ra như nước, nọc con rắn thứ ba làm cho người phải tan ra từng mảnh và bị gió cuốn đi, nọc con rắn thứ tư sẽ đốt người cháy như ngọn lửa hỏa hào".

Tên trộm trả lời rằng: "Những con rắn ấy đều là đồ trang sức của tôi. Đây là đôi vòng của tôi, đây là sợi dây chuyền cổ, còn đây là sợi dây lưng".

Người có đức hạnh ấy dạy nó nên từ-từ gỡ bốn con rắn độc ấy, đem bỏ chúng vào rương, đậy nắp lại rồi mau-mau chạy trốn.

Hay tin ấy, đức vua liền truyền-lệnh cho năm tên quân đuổi theo bắt nó. Tội-nhân ráng sức chạy được một đôi, lại gặp người thức-thời khi nãy hô to lên rằng: "Người hãy chạy cho mau, có năm tên quân đang đuổi theo sau. Chúng nó lại thả bốn con rắn độc để bắt người đấy".

Khi đã đuổi sức, tên trộm liền dừng chân lại và thấy phía trước có sáu cái nhà bỏ trống vừa bị sáu tên cướp vào vét sạch của cải. Sáu tên cướp ấy lại nhập đoàn với năm tên quân để đuổi theo bắt nó.

Người thức-thời lại hô to lên nữa rằng: "Người ráng chạy mau lên. Bọn cướp và quân-lính nhà vua sắp đến nơi. Chúng nó lại có dắt theo một người bạn thân của người để cám-dỗ và dụ người trở về chịu tội".

Nhưng chạy được một lúc, nó gặp một cái biên phía trước mặt, nên phải dừng chân lại. Tên trộm hết sức lo-âu vì tại đây không có ghe thuyền chi để thoát thân. Người thức-thời dạy nó lấy tám cành cây khô kết lại làm một cái bè để bơi đi trốn.

Làm bè xong, nó bơi ra được một đôi thì gặp một cái cù-lao. Nó định lên bờ, nhưng nhìn ngoái lại phía sau, thấy quân-lính vẫn còn đuổi nà theo. Nó cố sức bơi đến một cái cù-lao thứ nhì, rồi tới cái thứ ba và thứ tư. Nhân-dân ở

tại chỗ này liền tôn nó lên làm vua. Chùng đó thì đoàn người đuổi theo phía sau đều bị tiêu-diệt và nó không còn thấy hình bóng chi nữa.

Giải-thích:

- Đức vua: ám-chỉ về cái nghiệp,
- Tên trộm: ám-chỉ về người đi tìm đạo,
- Người thức-thời có đức hạnh: ám-chỉ ông thầy dạy đạo,
- Bốn con rắn: ám-chỉ về tứ-đại (Đất, Nước, Lửa, Gió),
- Năm tên quân: ám-chỉ về ngũ-uẩn (Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức),
- Sáu cái nhà bỏ trống sau khi bị cướp: ám-chỉ lục-căn (Nhãn, Nhĩ, Tĩ, Thiệt, Thân, Ý),
- Sáu tên cướp: ám-chỉ về lục-trần (Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp),
- Tám cành cây kết lại thành bè: ám-chỉ về 'Bát Chánh Đạo',
- Bốn cái cù-lao: ám-chỉ bốn bậc thiền-định,
- Lễ tôn vương: ám-chỉ sự giải-thoát.
- Sự tiêu-diệt của đoàn người đuổi theo sau: ám chỉ về sự vệt màn Vô-minh và bẻ gãy bánh xe luân-hồi.

-- SAMYUTTA NIKĀYA

---o0o---

Tám điều lạ trong biển cả

Thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngồi dưới cội cây Nimba, tại rừng Veranja. Khi ấy, có vị chúa của nhóm Asura (A Tu La), tên là Paharada, đến viếng Ngài. Đức Phật hỏi Paharada như vậy: "Này Paharada, có phải chúng Asura các người thường hay vui thích, ngợi-khen và thán-phục về những điều lạ trong biển cả chăng?"

- Bạch Đức Thế Tôn, chính phải như vậy.
- Này Paharada, vậy chớ biển cả có mấy điều lạ-thường, khiến cho chúng Asura các người phải ngợi-khen và thán-phục?
- Bạch Đức Thế Tôn, biển cả có tám điều lạ-thường như sau đây:
 1. Bãi biển lúc nào cũng lồi, từ bờ ra đến ngoài khơi, chỗ nào cũng bằng-phẳng và từ-từ nghiêng ra đáy biển, chớ chẳng có chỗ nào trũng xuống như

hố sâu. Đó là điều lạ-thường thứ nhất, khiến cho chúng Asura phải ngợi-khen và thán-phục.

2. Mặt biển khi nào cũng giữ mực thường của nó, không lên cao mà cũng không hạ xuống thấp quá. Đó là điều lạ-thường thứ nhì, khiến cho chúng Asura phải ngợi-khen, thán-phục.

3. Biển cả không khi nào chịu dung-dưỡng các tử-thi. Bất cứ thi-thê nào rơi xuống biển, thì lập-tức nó phải bị sóng tạt vào bờ. Đó là điều lạ-thường thứ ba, khiến cho chúng Asura phải ngợi-khen, thán-phục.

4. Nước của những sông lớn, như sông Gange, Yamana, Aciravati, Sarabu, Mahi, khi chảy vào biển cả, thì mất hẳn tính-chất của nó và phải bị hoà-lẫn với nước biển. Đó là điều lạ-thường thứ tư, khiến chúng Asura phải ngợi-khen, thán-phục.

5. Tuy rằng tất cả nước mưa, nước sông, nước rạch đều chảy ra biển, nhưng mặt biển vẫn giữ mực thường của nó, chớ không tràn lên hay hạ xuống. Đó là điều lạ-thường thứ năm, khiến cho chúng Asura phải ngợi-khen, thán-phục.

6. Nước trong biển cả, tuy do nhiều nguồn khác nhau chảy ra, nhưng vẫn giữ mùi vị mặn tự-nhiên của nó. Đó là điều lạ-thường thứ sáu, khiến cho chúng Asura phải ngợi-khen, thán-phục.

7. Đáy biển là một kho tàng chứa nhiều vật quý như: thủy-tinh, trân-châu, san-hô, mã-nã, xa-cừ, vàng bạc, vân-vân ... Đó là điều lạ-thường thứ bảy, khiến cho bọn Asura phải ngợi-khen, thán-phục.

8. Biển cả lại là nơi ẩn trú của những quái vật to lớn, như các loài thủy-tộc: Timis, Timingalas, Timitimingalas, và những chúng-sinh có nhiều thần-lực như: Asuras, Nagas, Gandharvas (A Tu La, Long Vương, Càn Thất Bà). Những quái-vật ấy có bề dài từ một cho đến một trăm, hai trăm, năm trăm do-tuần. Đó là điều lạ-thường thứ tám, khiến cho chúng Asura phải ngợi-khen, thán-phục".

Tới đây, vị chúa của nhóm Asura lại hỏi Đức Phật như vậy: "Bạch Đức Thế Tôn, vậy chớ trong Giáo Pháp của Ngài, có mấy điều lạ-thường, khiến cho các thầy tỳ-khuru phải vui thích, thán-phục và ngợi-khen?"

- "Này Paharada, trong Giáo Pháp của Như Lai, cũng có tám điều lạ-thường, khiến cho các thầy tỳ-khuru phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục, như sau đây:

1. Bãi biển lúc nào cũng lồi, từ bờ ra đến ngoài khơi, không có hố sâu như thế nào? Thì cũng như thế ấy, Giáo Pháp của Như Lai đã được sắp đặt đúng

theo qui-tắc, để làm cho người hành đạo tấn-hóa lần-lần, từ bậc thấp đến bậc cao, chứ không buộc người tu quá sức hay dễ-dãi quá. Đó là điều lạ-thường thứ nhất, khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen, thán-phục.

2. Mặt biển khi nào cũng giữ mực thường của nó, không lên cao mà cũng chẳng hạ xuống thấp quá như thế nào? Thì cũng như thế ấy, mỗi khi một điều luật nào do Như Lai công-bố ra rồi, thì dầu cho phải bị hại đến tính-mạng của mình đi nữa, các đệ-tử của Như Lai cũng chẳng hề dám làm sai điều luật ấy. Đó là điều lạ-thường thứ nhì, khiến các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục.

3. Biển cả không bao giờ chịu dung-dưỡng các tử-thi và bất cứ thi-thể nào bị rơi xuống biển, đều bị nước tạt vô bờ, thế nào? Thì cũng như thế ấy, kẻ nào xấu-xa, hung-dữ, có tâm-trí tích-trữ những sự tham-muốn đê-hèn, lợi-dụng sắc-phục sa-môn để trà-trộn vào hàng tỳ-khưu, nhưng chẳng nghiêm-trì giới-luật, không sớm thì muộn, chư-tăng cũng tìm cách tránh xa và không chịu sống chung với kẻ ấy nữa. Dầu ráng che đậy tội-lỗi của mình để trà-trộn với các bậc xuất-gia trong sạch khác, kẻ phá giới kia ví như đã ở ngoài tăng-hội, bị tăng-chúng lánh xa. Đó là điều lạ-thường thứ ba, khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục.

4. Nước của các sông lớn, khi chảy vào biển cả, thì mất hẳn tính-chất của nó và phải bị hoà-lẫn với nước biển như thế nào? Thì cũng như bốn hạng người: Kshatriyas, brahmanes, vaishyas và sudras (vua chúa, thầy tu, thương-gia và lao-động)¹⁸, khi đã xuất-gia vào tu trong Phật-Giáo rồi, bỏ hẳn tên tuổi và địa-vị của mình để mang lấy chủng-tộc sa-môn và đều trở nên con cháu của giòng Thích-Ca hết. Đó là điều lạ-thường thứ tư, khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục.

5. Tất cả nước mưa, nước sông và nước rạch đều chảy ra biển, nhưng mặt biển vẫn giữ trung-bình của nó, chớ không tràn lên hay hạ xuống thế nào? Thì cũng như thế ấy, dầu cho nhiều bậc thánh-tăng, sau khi làm xong phận-sự trên cõi thế, đã nhập vô-dư Niết-Bàn hay đang còn hưởng hữu-dư Niết-Bàn đi nữa, giáo-hội tăng-già vẫn giữ mực trung-bình, chớ không vì đó mà phải thừa-thốt hoặc đông-đảo thêm. Đó là điều lạ-thường thứ năm khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục.

6. Nước trong biển cả, tuy do nhiều nguồn chảy ra, nhưng vẫn giữ mùi vị mặn tự-nhiên của nó thế nào? Thì cũng như thế ấy, giáo pháp của Như Lai chỉ có một phẩm vị: là sự giải-thoát. Đó là điều lạ-thường thứ sáu, khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục.

7. Đáy biển là một kho tàng chứa nhiều vật quý, như: trân-châu, san-hô, thủy-tinh, mã-nã, xa-cừ, vàng bạc... thế nào? Thì cũng như thế ấy, Giáo

Pháp của Như Lai là một kho tàng tích-trữ nhiều pháp cao-siêu để đưa con người đến nơi dứt khổ, như: Bốn pháp niệm tưởng (Tứ Niệm Xứ), bốn pháp tinh-tấn (Tứ Chánh Cần), bốn pháp nguyện vọng (Tứ Như Ý Túc)¹⁹, ngũ-căn, ngũ-lực, bảy nhân sanh quả bồ-đề (Thất Giác Chi), chánh đạo có tám chi (Bát Chánh Đạo). Đó là điều lạ-thường thứ bảy khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục.

8. Biển cả là nơi ẩn trú của những loài thủy-tộc to lớn và những chúng-sinh có nhiều thân-lực, thế nào? Thì trong giáo pháp của Như Lai cũng có nhiều bậc đại-căn, giàu tinh-thần và nghị-lực, đã đắc đạo quả thánh-nhân như những bậc thánh: Tu Đà Huòn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Đó là điều lạ-thường thứ tám, khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục.

"Này Paharada, đó là tám điều lạ-thường trong Giáo Pháp của Như Lai, khiến cho các thầy tỳ-khưu phải vui thích, ngợi-khen và thán-phục vậy".

-- *ANGUTTARA NIKĀYA*

---o0o---

Đức Bồ-tát Siddhattha đi tìm đạo ²⁰

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng Tôn-Giả Ananda đồng ngự đến nơi am-tự của vị trưởng-lão Rammaka, gần thành Sāvatti (Xá Vệ). Khi đến nơi và nghe trong am có nhiều vị tỳ-khưu đang hội-họp và cùng nhau bàn-luận về đạo-đức. Ngài đứng chân lại bên ngoài và chờ dứt câu chuyện mới lên tiếng. Nghe tiếng động, các thầy tỳ-khưu liền chạy ra mở cửa, thỉnh Ngài vào an-toạ bên trong phòng nhóm. Ngài xuống, Đức Thế Tôn liền hỏi rằng: "Này các thầy tỳ-khưu, chẳng hay các người hội-họp đông đủ tại đây để bàn-cãi về chuyện chi vậy?"

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng tôi đang bàn-luận về đạo-lý.

- Này các thầy tỳ-khưu, như vậy rất phải lẽ. Vì các người đều là con nhà gia-giáo, đã lìa bỏ gia-đình để đi tìm một đời sống vô gia-đình, mỗi khi có dịp gặp gỡ nhau, tốt hơn là nên bàn-luận về đạo-lý, bằng không thì các người hãy giữ sự yên lặng thanh-cao.

"Này các thầy tỳ-khưu, có hai sự tìm-tòi:

- một là sự tìm-tòi thấp-hèn,
- hai là sự tìm-tòi cao-thượng.

"Mà thế nào gọi là sự tìm tòi thấp-hèn?"

"Trong trường-hợp này, các người nên nghĩ đến một kẻ đang còn mắc trong vòng sanh tử luân-hồi, trong vòng bệnh-hoạn già nua, trong vòng hư-hoại khổ-não, lại hằng để tâm-trí tìm-tòi về những điều xấu-xa, tai-hại ấy. Mà những vật còn bị sanh diệt, bệnh-hoạn, già nua bị hư-hoại, khổ-não đó như thế nào? Đó là: vợ, con, tôi trai, tớ gái, gà vịt, voi, ngựa, heo bò, vàng bạc, vân-vân ... Kẻ ấy hằng chú-tâm tìm-tòi để hiểu biết về những vật vô-thường như đã kể trên, dầu rằng chính mình đang còn ở trong vòng sanh diệt, trong vòng bệnh-hoạn, già nua, hư-hoại, khổ-não như chúng nó. Nay các thầy tỳ-khuru, đó là sự tìm tòi thấp-hèn".

"Còn thế nào là sự tìm-tòi cao-thượng?"

"Trong trường-hợp này, các người nên nghĩ đến một kẻ kia đang còn mắc trong vòng sanh diệt, bệnh-hoạn, già nua, hư-hoại, khổ-não, nhưng thấy rõ sự xấu-xa, tai-hại trong những điều ấy, nên cố tìm cách để đi đến chỗ không còn sanh diệt, không còn bệnh-hoạn, già nua, không còn hư hoại, thống-khổ, đi đến trình-độ an vui tuyệt-đôi, là Niết-Bàn. Nay các thầy tỳ-khuru, đó là sự tìm tòi cao-thượng".

"Nay các thầy tỳ-khuru, trước khi chưa thành đạo và hãy còn một vị Bồ-Tát, ta cũng hay để ý, tìm-tòi về những vật vô-thường ấy. Nhưng cũng có lúc ta lại nghĩ rằng: "Tại sao ta đang còn mắc trong vòng sanh diệt, trong vòng bệnh-hoạn, già nua, hư-hoại, thống-khổ, mà lại phí công để tìm-tòi về những điều xấu-xa, tai-hại ấy làm gì?" Vậy tốt hơn, ta ráng kiếm phương-pháp chi, hầu đi đến trình-độ an vui tuyệt-đôi, là Niết-Bàn, không còn sanh diệt, bệnh-hoạn, già nua, hư hoại, thống-khổ".

"Vì nghĩ như vậy nên ta đành hy-sinh cái đời tươi đẹp trẻ-trung, chẳng nệ lời khóc than, hờn trách của thân-quyến, cắt tóc, cạo râu, mặc y cà-sa, rời bỏ gia-đình, đi tìm một đời sống vô gia-đình. Khi ra khỏi nhà, ta luôn-luôn hăng-hái chiến-đấu để đạt mục-đích cao-thượng. Ta liền tìm đến vị đạo-sĩ Alāra Kālāma mà học đạo".

"Thầy Alāra Kālāma nói với ta như vậy: "Này đạo-hữu, đạo-hữu hãy ở lại đây tu tập. Đối với một kẻ nào có khiếu, thông-minh và có tâm cố gắng, thì trong một thời-gian ngắn, kẻ ấy sẽ hiểu biết và hấp-thụ được giáo pháp của tôi một cách dễ-dàng". Hành đạo được ít lâu, ta liền tìm đến thầy Alāra Kālāma mà hỏi như vậy: "Này đạo-hữu, chẳng hay giáo pháp mà đạo-hữu đã công-bố rằng chính đạo-hữu đã thông-suốt, đã thực-hành và đã thành-tựu đó cao tới trình-độ nào?". Thầy Alāra Kālāma cho ta biết rằng thầy đã đắc tới bậc thiên vô-sắc "vô-hữu sở-thiên"²¹. Ta liền tự nghĩ rằng: "Không phải chỉ có một mình thầy Alāra Kālāma mới có đức tin, có năng-lực, có sự tinh-tấn, có thiên-định, có trí-huệ mà thôi. Chính ta đây cũng có đầy đủ những đức-

tính đó. Vậy tương-lai sẽ ra sao, nếu ta trì-chí trau-giồi những pháp mà thầy Alāra Kālāma đã công-bố rằng thầy đã suốt-thông, đã thực-hành và thành-tựu ấy? Không bao lâu, ta đạt được mục-đích một cách dễ-dàng và tìm đến thầy Alāra Kālāma mà hỏi như vậy: "Này đạo-hữu, vậy chớ phải chăng giáo pháp mà chính đạo-hữu đã thành-tựu đó chỉ đến trình-độ ấy thôi?" Thầy Alāra Kālāma đáp rằng phải, và yêu-cầu ta ở lại cùng thầy đặng dạy-dỗ hàng môn-đệ".

"Này các thầy tỳ-khuru, đạo-sĩ Alāra Kālāma rất kính-trọng ta và đặt ta lên ngang hàng với thầy. Nhưng ta lại nghĩ rằng: "Giáo pháp mà ta vừa thành-tựu đây, chỉ đến bậc 'Vô Hữu' mà thôi. Nó chưa có năng-lực để tận-diệt những sự: tham-lam, sân-hận, si-mê, hầu đưa con người đến chỗ an-định, đến trí-huệ tuyệt-vời, đến Niết-Bàn đặng". Nghĩ thế, ta liền ngao-ngán, rời bỏ giáo pháp của thầy Alāra Kālāma mà đi tìm học đạo với một vị giáo-chủ khác tên là Uddhaka".

Cách-thức đối-đáp giữa Bô-Tát Siddhattha và thầy Uddhaka trong đoạn này giống như đoạn trên. Nhưng chỉ có khác nhau là phương-pháp hành đạo của thầy Uddhaka có thể kết-quả đến bậc 'vô-sắc-thiền' cao hơn, gọi là "Phi Phi Tướng Thiên²²".

"Này các thầy tỳ-khuru, đạo-sĩ Uddhaka, sau khi được biết rằng ta đã thành-tựu trong bậc thiền 'Vô Sắc' ấy, rất kính-trọng ta, đặt ta lên ngang hàng với thầy và yêu-cầu ta ở lại dạy-dỗ hàng môn-đệ. Nhưng ta nghiệm thấy rằng đạo-quả ấy cũng chưa có đủ năng-lực để diệt-tận phiền-não, hầu đưa con người đến chỗ an-định, đến trí-huệ tuyệt-vời, đến Niết-Bàn đặng. Rồi đó, ta cũng rời bỏ giáo pháp ấy một cách chán-ngán, để đi tìm đạo một mình".

"Này các thầy tỳ-khuru, vì cần phải cố gắng cách nào để đạt sự lợi-ích tối-cao, đạt sự an vui trường-cửu (cho tất cả chúng-sinh), ta phải hành-trình kham-khổ đến xứ Magadha, vào hành đạo tại rừng Uruvela. Chỗ này hiển cho ta một cảnh đẹp thiên-nhiên, có nhiều cây cao bóng cả, có nước rạch mát mẻ, trong trẻo từ-từ chảy, chung quanh lại có chỗ cho ta đi khát-thực dễ-dàng. Thật là một nơi rất phù-hợp cho người hành đạo, cho kẻ nào có chí cố gắng trau-giồi thân tâm. Ta liền chọn nơi đây để thắng trận giặc lòng".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

Đức Bô-tát Siddhattha tu theo cách khổ-hạnh

"Này Aggivessana, khi đó ta nghĩ rằng: "Vậy ta thử cắn răng lại, uốn lưỡi lên ổ gà để kèm hãm cái tâm phóng-túng của ta coi ra sao?" Rồi đó, ta làm theo ý nghĩ ấy. Tức-thì, mồ-hôi ở hai bên nách chảy ra ướt dầm. Như một

người lực-lưỡng ôm chặt lấy đầu hai vai của kẻ khác yếu-đuối hơn, ta ráng hết sức cắn răng lại và ngồi yên không chút cử-động. Nhưng rốt cuộc, ta phải chịu đau khổ một cách vô-ích đó thôi, chớ không sao điều-ngự được cái tâm phóng-túng".

"Này Aggivessana, rồi ta lại nghĩ rằng: "Vậy ta thử ngưng hơi-thở lại coi ra sao?" Rồi đó, ta cũng làm theo ý nghĩ ấy. Tức-thì, một luồng gió mạnh lưng-bụng tuôn ra khỏi hai lỗ tai, như tiếng quạt thổi lửa của người thợ rèn. Đầu óc ta bị hơi gió luân-chuyển, làm cho bối-rối. Trong lúc nín thở, ta phải chịu đau-đớn quá đỗi, không khác nào bị người lấy giây buộc chắc chung-quanh đầu, hoặc giả bị tên hàng thịt chặt cổ bằng một cây dao thật bén, hoặc giả bị hai người lực-lưỡng ôm trói-ké để trên lò lửa. Nhưng rốt cuộc, ta cũng không sao điều-ngự được cái tâm phóng-túng. Khi ấy, có vài vị chư-thiên nói với nhau rằng: "Đạo-sĩ Gotama đã chết rồi". Có vài vị khác nói: "Đạo-sĩ Gotama mới ngất đi thôi, chớ ông ta chưa chết". Lại có vài vị khác nữa nói: "Đạo-sĩ Gotama chẳng phải ngất đi, mà cũng chẳng phải chết. Ông ta là bậc A La Hán".

"Này Aggivessana, ta còn nghĩ thêm rằng: "Vậy tương-lai sẽ ra sao nếu ta tuyệt-thực hẳn?" Khi ấy, có vài vị chư-thiên đến nói với ta như vậy: "Xin Ngài chớ tuyệt-thực. Nếu Ngài nhịn ăn, chúng tôi sẽ duy-trì sự sống của Ngài bằng cách làm cho vật thực theo lỗ chân lông, chân tóc để vào cơ thể". Ta liền nghĩ rằng: "Nếu ta tuyệt-thực thì thành ra nói dối, vì các vị chư-thiên sẽ duy-trì mạng sống của ta bằng phương-pháp khác. Vậy ta thử ăn thật ít, như đậu hay thứ ngũ-cốc nào khác, ít chừng một bụm tay, coi ra sao?" Rồi đó, ta làm theo ý-nghĩ ấy.

Lúc bấy giờ, thân hình ta trở nên tiều-tụy, ốm-o quá đỗi. Vì ăn ít quá mà hai chân ta gầy như cái thân cây suôn đuột; chỗ ta ngồi bị xương mông ấn húng xuống như dấu chân con lạc-đà; khi khòm xuống hay trôi dậy, xương sống của ta lồi lên như một râu ống chỉ; xương sườn của ta chồi ra như những cây rui của một cái sườn nhà cũ; mắt ta sâu hóm và chỉ còn lóng-lánh chút tia sáng như nước ở dưới đáy giếng sâu; da đầu ta trở nên khô mốc như trái mướp đắng bị người cắt đem phơi ngoài nắng. Khi ta muốn sờ đến dạ dày, thì ngón tay đụng nhằm xương sống; vì ốm quá nên dạ dày của ta dính sát vào xương sống. Khi muốn thay đổi oai-nghi cho dễ chịu một chút, thì ta bị té đập mặt xuống đất.

Muốn cho thân được khỏe-khoắn, ta lấy tay bóp hai ống chân, nhưng hễ tay rời đến đâu thì lông rụng đến đó. Những người đi đường thấy ta như vậy nói với nhau rằng: "Da của đạo-sĩ Gotama trở nên đen-đúa". Vài người khác lại nói rằng: "Đạo-sĩ Gotama không phải đen, mà cũng chẳng phải ngăm; da

ông ta sần như da cá Mangura". Vì ăn ít quá nên màu da tươi đẹp của ta khi xưa không còn nữa".

"Này Aggivessana, lúc ấy bỗng-nhiên ta phát-tâm suy-nghi như vậy: "Từ xưa đến nay, các bậc đạo-sĩ hay là Bà La Môn, trong kiếp hiện-tại và về buổi tương-lai, cũng chẳng có ai khổ-hạnh bằng ta. Tu-hành cực nhọc, chịu đau đớn vô-ngần, nhưng ta nào có đạt được trí-huệ cao-siêu và đắc đạo-quả thánh-nhân đâu? Chắc có một con đường khác nữa có thể đưa ta đến nơi giác-ngộ chẳng sai". Rồi ta sực nhớ lại hồi buổi ấu-niên, khi theo cha, là Đức Vua Tịnh Phạn, ra đồng xem cày ruộng, ta đã có dịp nhập vào sơ-định dưới gốc cây thị.

"Bây giờ ta mới nhận-thức rằng: "Tinh-thần không sao được tân-hóa với một xác thân suy-nhược".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

"Bát chánh đạo" là phương-pháp giải-thoát duy-nhất

Lối vài giờ trước khi Đức Thế Tôn nhập-diệt, có thầy đạo-sĩ du-phương tên là Subhadha xin vào yết-kiến Ngài. Sau khi cung-kính đánh lễ và ngồi xong, thầy Subhadha liền hỏi Đức Phật rằng: "Bạch Đức Gotama²³, xin Ngài cho tôi biết coi chẳng hay mấy vị giáo-chủ của sáu nhóm ngoại-đạo và các vị Bà La Môn cầm đầu một số đông tín-đồ, được nhiều người ca-tụng công-đức, như các vị: Puruna, Kassapa, Makkhalin, Gosala, Ajita-Kesakambalin, Kaku-dha, Kaccāyanna, Sanjaya, Belatthiputta và Nigantha-Nātaputta, đều đạt được chân-lý cao-siêu và đã đắc đạo-quả, hay chỉ có vài vị được đắc đạo, còn các vị khác chưa đắc?"

Đức Phật trả lời rằng: "Này Subhadha, người nên dẹp lại một bên cái ý tưởng muốn biết coi hết thấy mấy vị ấy đều đắc đạo, hay chỉ có vài vị đã đắc, còn vài vị khác chưa đắc. Vậy người nên chăm-chú nghe Như Lai thuyết ra đây:

"Này Subhadha, bất cứ trong một Giáo Pháp nào mà không có "Bát Chánh Đạo" làm gốc, thì chẳng mong gì có đạo quả thánh-nhân. Tất cả bậc Thánh thứ Nhất (Tu Đà Huờn), bậc Thánh thứ nhì (Tu Đà Hàm), bậc Thánh thứ ba (A Na Hàm), bậc Thánh thứ tư (A La Hán) đều không có. Này Subhadha, còn bất cứ trong một giáo pháp nào mà có "Bát Chánh Đạo" làm căn-bản, thì đạo-quả thánh-nhân vẫn có luôn. Tất cả các bậc Thánh thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư đều có. Này Subhadha, nếu các thầy tỳ-khưu biết sống theo lẽ chánh thì đạo-quả A La Hán trên thế-gian này vẫn còn".

Rồi Đức Thế Tôn ngâm kệ như vậy:

"Hỡi này Subhadha!

Lúc vừa được hai mươi chín tuổi xuân,

Ta rời bỏ gia-đình, xa lìa thế tục,

Để đi tìm lợi-ích tối cao.

Từ đó đến nay, đã năm mươi một năm qua,

Ta hằng cố gắng giữ mình theo Chánh Đạo.

Ngoài Chánh Đạo, chẳng tìm đâu ra quả-vị thánh-nhân".

Sau khi tỏ lời khâm-phục và ngợi-khen những điều diễn-giải của Đức Thế Tôn, đạo-sĩ Subhadha liền xin Ngài cho phép xuất-gia tu theo Phật-Giáo.

Đức Thế Tôn dạy rằng: "Này Subhadha, kẻ nào trước kia thuộc về phái ngoại-đạo, nhưng nay muốn gia-nhập vào tăng-hội, phải chờ trong một thời-gian là bốn tháng mới được các vị tỳ-khuru truyền cụ-túc giới cho".

"Bạch Đức Thế Tôn, nếu phải chờ đợi trong bốn năm để được xuất-gia thì đệ-tử cũng có thể đợi, chứ chẳng phải chỉ bốn tháng thôi".

Thấy đạo-sĩ Subhadha bền tâm nhẫn-nại và giờ nhập Niết-Bàn cũng sắp đến nơi, Đức Phật liền dạy tôn-giả Ananda như vậy: "Này Ananda, vậy Như Lai cho phép đạo-sĩ Subhadha thọ lễ xuất-gia ngay bây giờ".

Đức Phật chỉ dạy tóm tắt phương-pháp quán về Minh Sát Tuệ, thầy tỳ-khuru Subhadha ra chỗ vắng thực-hành. Trong khoảng thời-gian rất ngắn, nhờ trí-huệ viên-mãn, thầy tỳ-khuru Subhadha đã đắc quả A La Hán.

Đó là đệ-tử cuối cùng của Đức Thế Tôn.

-- MAHAPARINIBBĀNA SUTTANTA

---o0o---

Sang qua bên kia bờ sông

"Này các thầy tỳ-khuru, thưở nọ, nhằm cuối mùa mưa, ở tại xứ Magadha có một tên chăn bò kia có tánh vụng-về, nó muốn lừa bầy bò sang bên kia sông Gange (Hàng Hà), nhưng chẳng biết xem-xét kỹ-càng để chọn khúc sông nào cạn cho bò lội qua được dễ-dàng. Nó cứ lừa đại các con vật xuống nước. Rốt cuộc, khi lội ra tới giữa giòng sông, gặp nhằm chỗ sâu, nên tất cả bầy bò đều bị nước cuốn đi và phải bị tiêu-diệt một cách khổ sở".

"Này các thầy tỳ-khuru, thì cũng như thế ấy, những kẻ nào hằng tin-tưởng và tìm học hỏi với các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn có tính vụng-về, không thông-suốt tam-giới²⁴, không biết rõ thế nào là cảnh-giới của ma-vương (ám-chỉ về sự cám-dỗ của ngũ-trần) và thế nào là chẳng phải, không biết rõ thế

nào là cảnh diêm-vương (ám-chỉ về sự sanh tử luân-hồi), còn thế nào là chẳng phải. Vì đó mà những kẻ ấy phải gặp nhiều sự thống-khổ chẳng sai".

"Này các thầy tỳ-khưu, thuở nọ, nhằm lúc cuối mùa mưa, tại xứ Magadha, có một tên chăn bò kia rất giỏi giăng, muốn lừa một bầy bò của nó sang qua phía bên kia sông Gange. Nhưng trước khi lừa bò xuống nước, nó biết xem-xét kỹ-càng để chọn khúc sông nào cạn cho bò lội qua được dễ-dàng. Nó cho những con bò chúa đoàn khôn-ngoan băng qua sông trước hết. Kế đó, nó mới lừa xuống nước những con bò đực, bò cái có nhiều sức khỏe, rồi mới đến những con bò tơ và bò nhỏ hơn. Sau rốt, mới đến lượt con bò vừa mới sanh. Con bò này chỉ nghe tiếng kêu của bò mẹ mà cũng băng được qua khỏi giòng sông. Nhờ sự sáng-suốt, giỏi-giăng của tên chăn bò mà tất cả bầy bò đều lội được qua đến bờ bên kia bình-an".

"Này các thầy tỳ-khưu, thì cũng như thế ấy, những kẻ nào hằng tin-tưởng và năng tìm học hỏi với các bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn giỏi-giăng, có nhiều kinh-nghiệm, suốt-thông tam-giới, biết rõ thế nào là cảnh-giới ma-vương và thế nào là không phải, biết rõ thế nào là cảnh diêm-vương, còn thế nào là không phải. Nhờ vậy mà những kẻ ấy được nhiều hạnh-phúc chẳng sai".

"Này các thầy tỳ-khưu, những con bò chúa đoàn khôn-ngoan đã băng qua giòng sông một cách dễ-dàng ấy, ví cũng như các bậc sa-môn nào đã diệt-tận những điều phiền-não, đã làm xong những việc đáng làm và đã được hoàn-toàn giải-thoát²⁵. Các bậc ấy đã lướt qua khỏi lượn sóng của ma-vương vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, những con bò đực và bò cái khỏe mạnh đã lội qua bên bờ kia, cũng ví như các bậc sa-môn đã diệt-tận năm điều chướng-ngại, đã được chứng quả Niết-Bàn tại cõi chư Thiên, đến khi tịch-diệt không còn tái-sinh lại cõi thế-gian nữa²⁶. Các bậc ấy đã lướt qua khỏi lượn sóng của ma-vương vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, những con bò tơ đã lội qua sông bên kia, ví cũng như các bậc sa-môn nào đã diệt-tận ba điều chướng-ngại, đã đè nén bớt sự tham-lam, sân-hận và chỉ còn thọ-sinh một kiếp nữa thôi²⁷. Các bậc ấy đã lướt qua khỏi lượn sóng của ma-vương vậy".

"Này các thầy tỳ-khưu, những con bò nhỏ và yếu ớt hơn, đã lội qua đến bờ kia, ví cũng như các bậc sa-môn nào đã diệt được ba điều chướng-ngại, đã bước vào vòng thánh-vực và chẳng còn bị sa-đọa nữa²⁸ [11]. Các bậc ấy cũng đã lướt qua khỏi lượn sóng của ma-vương".

"Này các thầy tỳ-khưu, còn bò mới sanh, nhờ nghe tiếng kêu của bò mẹ mà lội qua đến bờ kia, ví như các bậc sa-môn có chí dũng-cảm, ráng sức thực-

hành theo chánh pháp. Không sớm thì muộn, những bậc ấy cũng sẽ lướt qua khỏi lượn sóng của ma-vương và sẽ thành-tựu trong đạo-quả chẳng sai".

"Này các thầy tỳ-khưu, cũng như tên chăn bò giỏi giảng kia, Như Lai là một bậc suốt-thông tam-giới, biết rõ thế nào là cảnh giới ma-vương và thế nào là không phải, biết rõ thế nào là cảnh diêm-vương, còn thế nào là không phải. Những kẻ nào hằng có lòng tin-tưởng và ráng tìm học hỏi với Như Lai, ắt sẽ được an vui trường-cửu chẳng sai".

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

Phải dè-dặt đối với những sự tuyên-truyền về Phật-giáo

Thuở ấy, Đức Thế Tôn đang ngự trong một thánh-địa thuộc về xứ Bhonaganagara. Ngài có thuyết cho các thầy tỳ-khưu nghe như vậy: "Này các đệ-tử, trong điều thứ nhất, một thầy tỳ-khưu có thể nói rằng: "Chính tôi có nghe tự kim khẩu của Đức Phật thuyết ra như thế này, Ngài có giáo-hóa như thế kia. Đây là chân-lý, đây là chánh-đạo, đây là chân-pháp của Đức Thầy đã truyền lại".

"Này các đệ-tử, trong điều thứ nhì, một thầy tỳ-khưu có thể nói rằng: "Tại một chỗ nọ, tại giữa hàng tăng-chúng gồm có các bậc trưởng-lão và Chư Thinh Văn Đại-Đức, tôi có nghe các ngài thuyết ra như thế này, và tôi có học hỏi như thế kia. Đây là chân-lý, đây là chánh-đạo, đây là chân-pháp của đức thầy đã truyền lại".

"Này các đệ-tử, trong điều thứ ba, một thầy tỳ-khưu có thể nói rằng: "Tại một nơi nọ, có nhiều bậc thánh-tăng học hỏi uyên-thâm, có đức tin cao-cả, giới-hạnh tinh-nghiêm, suốt-thông chân-lý đã được truyền lại từ xưa. Các Ngài có thuyết cho tôi nghe như thế này, dạy bảo tôi như thế kia. Đây là chân-lý, đây là chánh-đạo, đây là chân-pháp của đức thầy đã truyền lại".

"Này các đệ-tử, trong điều thứ tư, một thầy tỳ-khưu có thể nói rằng: "Tại một chỗ nọ, tôi có nghe một bậc siêu-nhân thông-suốt kinh-luật giảng-giải như thế này, và tôi có hiểu như thế kia. Đây là chân-lý, đây là chánh-đạo, đây là chân-pháp của đức thầy đã truyền lại".

"Này các đệ-tử, khi nghe một thầy tỳ-khưu nào nói như vậy, các người chớ khá vội khen-tặng và tin chắc những điều ấy, mà cũng chẳng nên vất bỏ một bên. Các người nên tìm hiểu rõ, đem những lời ấy ra so-sánh với giáo-lý của Đức Như Lai và giới bổn của tăng-hội. Khi nào thấy sai với kinh-luật và không đúng chân-lý, thì các người nên hiểu rằng đó chẳng phải là lời của

Như Lai thuyết ra và thầy tỳ-khuru nói trên là người không học hỏi Phật Pháp một cách chánh-đáng".

"Này các đệ-tử, còn, trái lại, khi nào những điều ấy đúng với kinh-luật và hợp theo chân-lý, thì các người nên tin chắc rằng đó là lời của Như Lai đã thuyết ra và vị tỳ-khuru kia đã hiểu rõ chân-pháp vậy".

-- MAHĀPARINIBBĀNA SUTTANTA (Đại Bát Niết-Bàn Kinh)

---o0o---

Giáo-pháp có lợi-ích và không có lợi-ích

Thuở ấy, Đức Thế Tôn đang ngự tại xứ Kosambi, trong rừng cây Sisu. Ngài nắm trong tay mấy lá Sisu và hỏi các đệ-tử rằng: "Này các thầy tỳ-khuru, vậy chớ các người nghĩ thế nào, đối với những lá cây Sisu trong đám rừng này và mấy lá Sisu của Như Lai đang nắm trong tay, bên nào nhiều hơn?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, nếu đem so-sánh với những lá Sisu ở trong rừng này, thì mấy lá mà Ngài đang nắm trong tay thật là ít ỏi".

- "Này các thầy tỳ-khuru, cũng như thế ấy, những pháp của Như Lai thông-hiểu, nhưng không thuyết-giảng ra thật nhiều không sao kể xiết, ví như vô số lá Sisu hiện ở trong rừng này. Còn những pháp mà Như Lai đã đem ra dạy bảo các người thật ít ỏi, ví như mấy lá Sisu mà Như Lai đang nắm trong tay".

"Này các thầy tỳ-khuru, mà tại sao Như Lai không thuyết-giảng hết những pháp ấy? Vì những pháp đó không có lợi-ích chi cho bề hành đạo, không thể làm cho con người chán-nản thế-sự, không diệt được lòng tham-dục, si-mê. Hơn nữa, các pháp đó không thể nào đem lại sự an-tĩnh cho thân tâm, sự suốt thông chân-lý, đem lại trí-huệ cao siêu, để đưa chúng-sinh đến Niết-Bàn đặng. Bởi có ấy, Như Lai chẳng thuyết ra".

"Này các thầy tỳ-khuru, còn những pháp mà Như Lai đã thuyết ra ấy, như thế nào? Như Lai chỉ dạy rằng: đây là sự khổ, đây là nguyên-nhân của sự khổ, đây là tư-cách diệt khổ và đây là con đường đưa đến nơi dứt khổ".

"Này các thầy tỳ-khuru, mà tại sao Như Lai chỉ dạy có bấy nhiêu thôi? Vì những Pháp ấy có lợi-ích cho bề hành đạo, có thể làm cho con người chán-nản thế sự và diệt được lòng tham-dục, si mê. Hơn nữa, chúng nó có thể đem lại sự an-tĩnh cho thân tâm, sự suốt-thông chân-lý, đem lại trí-huệ cao-siêu, để đưa chúng-sinh đến Niết-Bàn đặng".

"Này các thầy tỳ-khuru, vậy các người nên ráng tìm hiểu cho thấy rõ rằng: đây là sự khổ, đây là nguyên-nhân của sự khổ, đây là tư-cách diệt khổ và đây là con đường để đi đến nơi dứt khổ".

-- SAMYUTTA NIKĀYA

Lời của Soạn-giả:

Đối với người tu Phật, bài pháp trên đây chẳng lạ gì. Nhưng chúng tôi soạn ra là vì xét rằng những lời dạy của Đức Thế Tôn trong ấy có rất nhiều ý-nghĩa và ảnh-hưởng sâu-xa đến những ai muốn tìm hiểu đạo Phật một cách chính-đáng.

Một nhà bình-luận người Âu nói rằng: "Sở dĩ hiện nay chúng ta thấy rất nhiều kinh sách về Phật Học không có tính-cách lợi-ích cho sự hành đạo giải-thoát, là do một số đông các nhà khảo-cứu hoặc tu-sĩ trong Phật-Giáo, đáng lẽ phải cố gắng làm cho phát-triển những lời khuyên dạy của Đức Phật đã thuyết ra (ít, ví như lá cây của Ngài nắm trong tay) để điều-dắt nhân-loại trong việc sưu-tâm chân-lý, họ lại phí công vô-ích để tìm hiểu và phỏng-đoán về những cái mà Ngài chẳng chịu nói ra (nhiều, ví như lá cây trong rừng). Rốt cuộc, họ chỉ làm một óc con người bằng những lý-thuyết viển-vông và đó là nguyên-nhân làm cho Phật-Giáo phải bị suy-đồi và chia ra nhiều tông phái.

Nếu xét đúng theo chân-lý, thì dầu cho bậc A La Hán cũng không tài nào đoán tư-tưởng của một đấng Chánh Đẳng Chánh Giác đặng. Huống hồ người phạm mất thịt như chúng ta, thì làm sao khỏi sai lầm?

Vì đoán biết tâm-trí vớ-vẩn, háo-kỳ, của nhân-loại và sợ-e chánh pháp phải bị sai-lạc về buổi tương-lai, nên Đức Phật hằng khuyên các đệ-tử cố gắng để-ý và thực-hành theo những lời dạy bảo của Ngài, chớ chẳng nên phí công tìm-tòi những điều không bổ-ích cho sự tiến-hóa đến nơi diệt khổ.

---o0o---

Sự hiểu sai giáo-pháp và dùng giáo-pháp làm của riêng

"Hỡi các thầy tỳ-khưu! Sự ham muốn ngũ-trần không làm cho con người được đã khát, no lòng đâu. Trái lại, nó chỉ khiến cho tâm tham-muốn càng thêm tăng-trưởng. Được vật này rồi, lại muốn thêm vật nọ. Rốt cuộc, chúng-sinh phải chịu khổ đời-đời, kiếp-kiếp, không sao thoát khỏi mảnh lưới của ma-vương đặng. Sự tham-muốn ngũ-trần là một điều trở-ngại to-tát cho người hành đạo.

Ngũ-trần ví như:

1. Khúc xương khô, mà con chó phải cấu xé với đồng-loại một cách cam go để giựt lấy. Nhưng, rốt cuộc, nó chỉ làm tiêu hao nước miếng vô-ích, chớ chẳng tìm được chút thịt nào để no lòng.

2. Miếng thịt thúy trôi theo giòng rạch, mà bày quạ đáp xuống, mặc tình thỏa-thích, không xem trước ngó sau. Nhưng khi đã no-nê, ngưỡng cổ lên thì chúng nó thấy mình đang lênh-đênh giữa biển, không biết phương hướng nào dặng bay về ở và rốt cuộc thầy-thầy đều bị hại.
3. Cây đuốc rom, mà người cầm đi ngược gió, ắt phải bị phỏng tay.
4. Cái lò lửa đang cháy đỏ, mà kẻ bị xô vào đó phải chịu đau-đón, khổ-sở vô-ngần.
5. Điềm mộng, phải bị tiêu tan khi người vừa tỉnh giấc.
6. Vật quý, mà người mượn phải trả lại cho chủ-nhân sau khi được dùng trong một thời-gian.
7. Trái dặng trên cành cây cao, có thể làm cho người trèo lên hái nó phải thiệt-mạng vì trượt chân, hoặc cây gãy.
8. Đầu nhọn của cây lao, làm cho kẻ bị đâm vào mình phải đau-đón, khổ-sở.
9. Lưỡi bén của cây gươm, hễ đụng đến đâu thì gây thương-tích đến đấy.
10. Nọc con rắn độc, có thể làm cho người bị rắn cắn phải bỏ mình trong chốc lát".

Sau khi nghe xong, thầy tỳ-khuru Arittha không chịu tìm hiểu châu-đảo về những lời giáo-huấn của Đức Phật. Thầy lại vội công-bố cho những bạn đồng-đạo nghe như vậy: "Theo tôi hiểu, thì những điều mà Đức Thế Tôn vừa giải-thích đó, không đáng làm trở-ngại cho người hành đạo bao nhiêu".

Nghe được chuyện ấy, Đức Phật liền cho đòi thầy tỳ-khuru Arittha đến quở trách và thuyết cho các đệ-tử nghe như vậy: "Này các thầy tỳ-khuru, Như Lai thường dùng nhiều phương-pháp để giải cho các người thấy rằng: sự ham muốn về ngũ-trần là một điều trở-ngại to-tát cho kẻ hành đạo. Nó hằng làm cho tâm-trí con người phải bị khổ-não, bối-rối không ngừng nghỉ".

"Tuy nhiên, có nhiều người nghe pháp rồi, không chịu dùng trí-huệ mà xét-đoán nghĩa-lý cao-thâm của huấn ngữ, lại vội giải-thích theo ý riêng của mình. Vì hiểu sai như vậy, nên các người đó không thấy dặng nước tâm. Thiếu trí-huệ, những kẻ ấy chỉ học thoáng qua các kinh luật để khoe-khoang trong những cuộc tranh-biện đó thôi, chứ không sao đạt-đáo chân-lý cao-siêu, không thấu rõ ba tướng của vạn-vật và hằng gặp biết bao nhiêu sự rui-ro, tai-hại".

"Này các thầy tỳ-khuru, cũng như người kia muốn tìm bắt rắn độc. Nhưng khi gặp được con vật, người lại lấy tay chụp nhằm khúc giữa hoặc khúc đuôi. Con rắn quay đầu lại mổ vào tay và làm cho người ấy phải bỏ mạng.

Này các thầy tỳ-khuru, tại sao vậy? Vì người bắt rắn nắm con vật không đúng cách".

"Này các thầy tỳ-khuru, trái lại, có những hạng thanh-niên thuộc về con nhà gia-giáo, bỏ gia-đình đi tìm học hỏi với các bậc thiện-trí-thức. Sau khi học xong, lại biết dùng trí-huệ suy-xét ý-nghĩa cao-thâm của những lời giáo-huấn. Nhờ vậy mà chúng nó thấy được nước tâm của mình. Những chàng trai ấy cố gắng học hỏi kinh-luật với mục-đích giải-thoát, chớ không phải để khoe-khoang trong những cuộc tranh-biện. Kết quả, chúng nó đạt được chân-lý cao-siêu, thấu rõ ba tướng của vạn-vật và hằng được an vui hạnh-phúc".

"Này các thầy tỳ-khuru, cũng như người kia tìm bắt rắn độc. Nhưng khi gặp được con vật, biết dùng cái chia-ba đâm xuống ngay mình con rắn làm cho nó không cựa-quậy đặng. Rồi người mới lấy tay nắm chắc ngay cổ. Lúc ấy, con vật chỉ có thể quẩn lầy cườm tay chớ không sao làm hại người bắt rắn được. Này các thầy tỳ-khuru, tại sao vậy? Vì người bắt rắn biết nắm con vật đúng cách".

"Này các thầy tỳ-khuru, vậy nếu có chỗ nào nghi-ngờ, khó hiểu trong kinh-luật, các người nên hỏi lại. Như Lai sẵn lòng chỉ giáo cho các người khỏi lầm-lạc. Này các thầy tỳ-khuru, vậy các người hãy chăm-chú nghe các lời sau đây: giáo pháp của Như Lai cũng ví cũng như chiếc bè dùng để thoát-nạn, chứ chẳng phải món đồ để cất làm của riêng".

"Ví-dụ có người lữ-khách kia, sau khi hành-trình khó nhọc, đến chỗ nọ gặp phải một con sông lớn ngăn đường. Phía bờ bên này, chỗ người vừa để chân đến, là một vùng rất cam-go nguy-hiểm. Còn bờ bên kia sông thì bình-yên tốt đẹp. Nhưng rủi thay, tại chỗ này không có cầu, hoặc ghe thuyền chi cả. Người bèn nghĩ rằng: "Sông thì rộng mà chỗ ta đang đứng thật muôn phần nguy-hiểm. Vậy ta hãy lấy những nhánh cây kết lại làm thành một cái bè để sang qua bờ kia". Nghĩ xong, người lữ-khách liền kết bè rồi bơi ngang qua sông. Này các thầy tỳ-khuru, nhưng ví-dụ người ấy, khi lướt qua khỏi giòng nước và sang đến bên bờ kia, lại nghĩ rằng: "Cái bè này rất hữu-ích cho ta. Nhờ nó mà ta qua được chỗ an vui tốt đẹp như vậy. Vậy ta hãy mang nó theo trên vai để dùng trong dịp khác". Này các thầy tỳ-khuru, nếu người lữ-khách, sau khi qua sông rồi, lại định giữ cái bè để làm của riêng. Như vậy, người ấy biết dùng cái bè một cách chánh-đáng không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, người ấy làm như vậy thật không chánh đáng".

- "Này các thầy tỳ-khuru, trái lại nếu người nghĩ rằng: "Cái bè này rất hữu-ích cho ta. Nhờ nó mà ta đến được chốn an vui tốt đẹp như vậy. Vậy ta hãy bỏ nó lại trên bờ hoặc nhận chìm xuống nước, rồi ta thông-thả tiếp-tục cuộc

hành-trình cho đến nơi nhất-định". Nay các thầy tỳ-khuru, người lữ-khách làm như vậy phải lẽ không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, rất phải lẽ".

- "Này các thầy tỳ-khuru, cũng như chuyện cái bè kia, giáo pháp của Như Lai dùng để đưa chúng-sinh qua đến bờ giác-ngộ, chớ không phải để cho người cật làm của riêng, hoặc làm nô-lệ cho giáo pháp ấy. Vậy các người nên nhớ kỹ chuyện cái bè nói trên, mà hãy dẹp bỏ lại đằng sau tất cả những sự hiểu biết, bất cứ là chính-đáng hay không chính-đáng²⁹".

"Này các thầy tỳ-khuru, đây là sự hiểu biết không chính-đáng. Cũng như một kẻ thấp-hèn vô học kia, ít khi gần-gũi bậc thiện-trí-thức, không suốt-thông chân-lý và chẳng năng trau-giỏi các phạm hạnh pháp. Kẻ ấy luôn-luôn chăm-chú đến xác thân và nghĩ rằng: "Thân này là ta và chính cái ta ở trong thân này". Rồi lần-lượt, người lại cho rằng: "Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là cái ta và chính cái ta ở trong các uẩn ấy". Vì hiểu sai như vậy, nên mỗi khi thấy ngũ-uẩn bị luật vô-thường chi-phối, thì kẻ ấy phát lên sợ-hãi bán-loạn".

"Này các thầy tỳ-khuru, còn đây là sự hiểu biết chính-đáng. Ví-dụ như một người kia thông-minh, giỏi-giảng, hay gần-gũi bậc thiện-trí-thức, suốt-thông chân-lý và năng trau-giỏi các phạm hạnh pháp. Người không chấp rằng: "Sắc, thọ, tưởng, hành thức là cái ta và chính cái ta ở trong các uẩn ấy". Nhờ hiểu biết chính-đáng như vậy nên người ấy, mỗi khi thấy ngũ-uẩn bị luật vô-thường chi-phối, thì vẫn thân-nhiên bình-tĩnh, không sợ-hãi bán-loạn".

Tới đây, có một thầy tỳ-khuru hỏi Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay những điều sợ-hãi bán-loạn ấy có thể do nguyên-nhân bên ngoài làm cho phát-sinh không?"

- "Có thể được. Nay các thầy tỳ-khuru, ví-dụ có một người kia nghĩ rằng: "Than ôi! Vật này trước kia thuộc về của ta, mà nay ta phải mất nó. Phải chi ta còn vật ấy. Nhưng rủi thay! Ta không sao tìm nó lại được". Vì nghĩ quấy như vậy, nên người ấy hằng bực-tức, than-van, hối tiếc. Nay các thầy tỳ-khuru, đó là những sự bán-loạn, sợ-hãi do nguyên-nhân bên ngoài làm cho phát khởi".

- "Bạch Đức Thế Tôn, còn sự thân-nhiên, bình-tĩnh có thể do những nguyên-nhân bên ngoài làm cho phát-sinh không?"

- "Có thể được. Nay các thầy tỳ-khuru, ví-dụ có người kia không nghĩ rằng vật này, hay vật nọ, là của mình và khi chúng nó bị hư mất cũng không màng đến. Nhờ nghĩ phải như vậy nên người ấy không bực-tức, than-van,

hối tiếc. Nay các thầy tỳ-khuru, đó là sự thản-nhiên, bình-tĩnh do nguyên-nhân bên ngoài làm cho phát khởi".

- "Bach Đức Thế Tôn, vậy chớ những sự bán-loạn, sợ-hãi có thể do nguyên-nhân bên trong (trong tâm) làm cho phát-sinh không?"

- "Có thể được. Nay các thầy tỳ-khuru, ví-dụ một kẻ kia nghĩ rằng: "Thế-gian và bản-ngã vẫn trường-tồn, bền-bì. Ta đây cũng vậy, trong kiếp sau ta sẽ được sinh-trưởng nữa và sẽ được trường-tồn vĩnh-viễn". Vì hiểu quấy như vậy, nên mỗi khi được nghe giáo pháp do Đức Chánh Biến Tri, hoặc do một vị đại-đệ-tử hoặc đệ-tử của Ngài thuyết ra, nói về sự vô-thường của thế-gian và bản-ngã, về cách trừ tuyệt lòng tham-lam, sân-hận, si-mê, về cách diệt-tận nguồn sanh tử luân-hồi để đi đến Niết-Bàn, thì người ấy phát lên sợ-hãi, bán-loạn và than rằng: "Nếu thật vậy thì thế-gian và bản-ngã đều là vô-thường. Rồi đây ta cũng sẽ bị diệt-tận và chẳng còn sanh-trưởng nữa". Nay các thầy tỳ-khuru, đó là những điều sợ-hãi, bán-loạn, do nguyên-nhân bên trong làm cho phát-khởi".

- "Bach Đức Thế Tôn, vậy chớ sự bình-tĩnh, thản-nhiên, có thể do nguyên-nhân bên trong làm cho phát-sinh ra không?"

- "Có thể được. Nay các thầy tỳ-khuru, ví-dụ người kia không nghĩ rằng thế-gian và bản-ngã là thường-tồn, bền-bì, và không mong rằng trong kiếp sau mình sẽ được tái-sinh và được trường-tồn vĩnh-viễn, thì mỗi khi được nghe pháp do Đức Chánh Biến Tri, hoặc do một vị đại-đệ-tử hoặc đệ-tử nào của Ngài thuyết ra, nói về sự vô-thường của thế-gian và bản-ngã, về cách diệt trừ tam-độc: tham - sân - si, để diệt nguồn sanh tử luân-hồi, hầu đi đến Niết-Bàn, thì người ấy không sợ-hãi, bán-loạn. Nay các thầy tỳ-khuru, đó là sự bình-tĩnh, thản-nhiên, do những nguyên-nhân bên trong làm cho phát khởi".

-- *MAJJHIMĀ NIKĀYA*

Mặt trời rọi sáng ban ngày, trăng chiếu tỏ ban đêm, thiên-định đem lại sự sáng-lạng cho bậc sa-môn, một vầng hào-quang rực-rỡ luôn-luôn bao-phủ khắp thân-hình Đức Như Lai.

Trong thế-gian này, chỉ có sự thương yêu lẫn-nhau mới có thể diệt được sự thù-hận, ganh tị, ghét bỏ.

Có kẻ được thọ sinh lại làm người, có kẻ dữ phải chịu khổ trong cảnh địa-ngục, có kẻ lành được hưởng quả vui nơi cõi thiên-đàng. Niết-Bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt được lòng ái-dục.

Ai ai cũng khủng-khiếp trước sự sát hại, ai ai cũng sợ chết? Vậy con người chẳng nên sát hại mà cũng không nên xúi biếu ai sát hại.

Sự đói khát là một chứng bệnh rất thảm-khốc. Ngũ-uẩn là nguyên-nhân của các điều thống-khổ. Kẻ nào thấu rõ những nỗi tai-hại ấy, mới ráng tìm sự an vui tuyệt-đôi của Niết-Bàn.

Quyến-luyến sanh ra thương, thương sanh ra sợ. Nếu không còn luyến-ái, thì sợ cũng chẳng do đâu mà phát-sinh được.

Nói lời chân-thật, không oán giận, bố-thí chút ít cho kẻ khó, con người có thể cho rằng mình sắp về cõi chư-thiên.

Kẻ nào không còn để ý những việc tốt xấu của thế-gian, biết sống một đời thanh-bạch, biết suy-nghĩ trước khi làm, kẻ ấy mới đáng gọi là bậc sa-môn.

Biết bao nhiêu kẻ lợi-dụng bộ áo cà-sa để che lấp các điều tội-lỗi. Cửa địa-ngục đã mở sẵn để chờ những kẻ đó.

-- DHAMMAPADA (Pháp cú kinh)

---o0o---

Cuộc tranh-luận giữa đức Phật và nhóm ngoại-đạo Nigantha

Lời của soạn-giả:

Pháp này được trích trong bộ kinh Majjhimā Nikāya. Muốn tìm hiểu dễ-dàng những trường-hợp được ghi chép nơi phía sau, trước hết chúng ta nên biết qua đạo Nigantha là thế nào và tôn-chỉ của đạo ấy ra sao?

Đạo Nigantha bây giờ còn thịnh-hành tại xứ Ấn Độ và lấy tên mới là Jainisme. Thánh Gandhi lúc ban-đầu cũng thuộc về đạo ấy, nhưng sau lại theo đạo Hindouisme (Ấn Độ Giáo)³⁰. Trong những đền tháp lộng-lẫy của đạo Jainisme hiện nay đều có thờ Đức Thích-Ca. Nhưng kim-thân Ngài nhỏ hơn của vị giáo-chủ Natāputta³¹ và các tín-đồ Jains bịa ra rằng thuở trước Đức Thích-Ca là học trò của giáo-chủ Natāputta³².

Về cách sắp đặt trong giáo-hội xuất-gia và tại-gia, đạo Nigantha cũng có nhiều chỗ tương-tợ như Phật-Giáo. Bên Phật-Giáo có Bhikkhu (tỳ-khuru), Bhikkhuni (tỳ-khuru-ni), thì bên Nigantha có Nigantha (đạo-sĩ nam) và Niganthi (đạo-sĩ nữ), vân-vân ...

Nói về giới-luật, thì phái Nigantha tu theo khổ hạnh và bành-trướng sự bác-ái đến cực-điểm. Như tại xứ Ấn Độ hiện nay, họ cố tạo ra nhiều chỗ chữa bệnh cho những loài: chim, rùa, sấu, khỉ, nai, hươu, vân-vân ... Các đạo-sĩ Nigantha thường che phía trước mũi bằng một miếng vải thưa để ngăn không cho vi-trùng theo hơi thở mà vào ngũ-tạng và phải bị hại.

Còn về nguyên-tắc, thì đạo Nigantha cho cái tội³³ của thân nặng hơn hết. Các tín-đồ Nigantha viện-lẽ rằng các việc dữ (như trộm cướp, sát hại ...)

đều do thân gây ra chớ chẳng phải do lời nói hay ý-nghĩ. Vì đó mà họ bày ra nhiều cách tu khổ hạnh, hành hạ xác thân cho kiệt-quệ, không còn sức-lực để làm quấy, như: khoét mắt, đốt tai, ngồi trên gai, đứng giữa trời dơ tay lên, phơi nắng hằng năm hằng tháng, ngâm mình dưới nước khi trời rét, vân-vân ...

Trái lại, đạo Phật thì dạy rằng muôn việc tại tâm, nên cho cái nghiệp³⁴ của ý là quan-trọng hơn hết. Muốn được giải-thoát, người tu cần phải sửa-trị cái tâm của mình cho đến khi chẳng còn ngã-chấp mới đặng.

Trong bài pháp sau đây, Đức Phật dùng nhiều lý-lẽ để giải cho nhóm Nigantha thấy rằng chỉ có cái nghiệp của ý là quan-trọng hơn hết.

* * *

I- Đạo-sĩ Dīgha đến viếng Đức Thế Tôn

Thuở nọ, Đức Phật đang ngự tại xứ Nālandā, trong vườn xoài của một đại thương-gia tên là Pāvrika³⁵.

Trong khi ấy, vị giáo-chủ của nhóm ngoại-đạo Nigantha, tên là Nātaputta, với một số đông đệ-tử cũng đang ở tại một khóm rừng gần bên. Muốn biết rõ nguyên-tắc của Phật-Giáo, ông ta sai người học trò giỏi nhất của mình, là đạo-sĩ Dīgha, đến vấn đạo Đức Thế Tôn.

Khi đạo-sĩ Dīgha chào hỏi Đức Thế Tôn và ngồi xong, Ngài liền hỏi ông ta rằng: "Này đạo-sĩ, vậy chớ trong đạo Nigantha, vị giáo-chủ Nātaputta cho biết theo giáo pháp của Ngài có mấy cái nghiệp không?"

- "Bạch Đức Gotama (Cồ Đàm)³⁶, trong đạo của chúng tôi, vị giáo-chủ Nātaputta không hề nói đến cái nghiệp, nhưng chỉ dạy về cái tội mà thôi".

- "Mà tội ấy có mấy thứ?"

- "Bạch Ngài, tội ấy có ba: tội của thân, tội của khẩu và tội của ý".

- "Trong ba tội ấy, tội nào nặng hơn hết?"

- "Chính tội của thân là nặng hơn hết".

(Đức Phật hỏi ba lần, đạo-sĩ Dīgha đều trả lời như vậy). Rồi ông ta lại hỏi Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Gotama, còn theo giáo-lý của Ngài, có mấy thứ tội?"

- "Này đạo-sĩ, trong giáo pháp của Như Lai, không hề nói đến cái tội, nhưng chỉ dạy về cái nghiệp mà thôi".

- "Bạch Ngài, mà nghiệp có mấy thứ?"

- "Nghiệp cũng có ba, là: nghiệp của thân, nghiệp của khẩu và nghiệp của ý".

- "Bạch Ngài, vậy chớ trong ba thứ nghiệp, thứ nào quan-trọng nhất?"

- "Chính cái nghiệp của ý quan-trọng nhất".

(Đạo-sĩ Dīgha cũng hỏi đủ ba lần, Đức Phật đều trả lời như vậy). Xong việc, ông ta đứng dậy cáo-từ Đức Thế Tôn.

---o0o---

II- Vị trưởng-lão Upāli xin giáo-chủ Nātaputta cho phép mình đi tranh-luận với Đức Phật.³⁷

Nghe đạo-sĩ Dīgha thuật lại mọi việc, giáo-chủ Nātaputta rất bức-tức, nhưng chẳng biết làm thế nào gặp Đức Thế Tôn để bình-vực lý-thuyết của mình. Khi ấy, có ông trưởng-lão Upāli đứng gần đó thốt lên rằng: "Bạch Đức Giáo-Chủ, lý-thuyết của thầy Gotama không đúng chân-lý chút nào cả. Có lẽ nào cái tội của ý lại lớn hơn cái tội của thân bao giờ? Ai ai đều thấy rõ rằng mỗi hành-động dữ đều do thân gây ra chớ nào phải do ý. Vậy xin Đức Giáo-Chủ cho phép đệ-tử sang tận vườn xoài để tranh-luận cùng thầy Gotama về điểm đó".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, như người lực-lưỡng kia nắm bõm một con dê rừng, kéo tới, lôi lui, xô qua, đẩy lại, làm cho con vật phải đuối sức thế nào? Thì cũng như thế ấy, đệ-tử sẽ làm cho thầy Gotama phải điên-đảo vì những lời cật-vấn xảo-diệu của đệ-tử".

"Như người thợ nhuộm lực-lưỡng kia ngâm một chiếc chiếu vào nước màu đỏ, rồi nắm lấy chéo chiếu nhúng lên, nhúng xuống thật mạnh, làm cho dễ ăn màu, thế nào? Thì cũng như thế ấy, đệ-tử sẽ làm cho thầy Gotama khâm-phục lý-đạo của chúng ta bằng các luận-điều thích-đáng của đệ-tử".

"Như con voi già kia lội xuống ao sen quậy bùn lên làm cho nước xáo động và các loài thủy-tộc sợ-hãi thế nào? Thì cũng như thế ấy, đệ-tử sẽ làm cho thầy Gotama phải lung-lạc và bối-rối vì những câu hỏi uyên-thâm của đệ-tử".

Thấy trưởng-lão Upāli hăng-hái và quyền-biến, hoạt-bát như thế, giáo-chủ Nātaputta liền cho phép ông ta đi gặp Đức Thế Tôn.

Khi ấy, đạo-sĩ Dīgha sợ ông Upāli³⁸ bị Đức Phật thuyết-phục, nên ngăn cản rằng: "Bạch Đức Giáo-Chủ, xin Ngài chớ cho trưởng-lão Upāli sang gặp thầy Gotama làm gì. Thầy Gotama là một nhà ảo-thuật đại-tài, có phép cảm-dỗ rất linh-nghiệm. Nhờ vậy mà thầy ta quyến-dụ được nhiều đệ-tử và có vô-số tín-đồ của các đạo khác đã cải giáo để xin vào đạo của Thầy".

Giáo-chủ Nātaputta đáp rằng: "Này Dīgha, nhà người nghĩ sai rồi. Một người thông-minh, giỏi-giảng như Trưởng-Lão Upāli, không dễ gì bị thầy Gotama cảm-dỗ và chẳng thế nào chịu tu theo giáo pháp của thầy ta bao giờ".

Đạo-sĩ Dīgha ngăn-cản đến ba lượt cũng không được. Giáo-chủ Nātaputta liền dạy qua nói với ông Upāli như vậy: "Này Upāli, người hãy lên đường

qua tận vườn xoài để thách thầy Gotama giải-thích cho xong vấn-đề: Tội và nghiệp của ý".

---o0o---

III- Upāli đến tranh-luận với Đức Thế Tôn

Khi đến nơi chào hỏi Đức Phật và ngồi kế bên xong rồi, trưởng-lão Upāli liền hỏi Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Gotama, có phải đạo-sĩ Dīgha vừa mới đến vấn đạo Ngài chăng?"

- "Chính phải vậy".

- "Bạch Ngài, có phải Ngài đã nói với đạo-sĩ Dīgha rằng cái nghiệp của ý là quan-trọng hơn của thân và của khẩu không?"

- "Phải như vậy".

- "Bạch Đức Gotama, lý-thuyết của Ngài chẳng đúng chân-lý chút nào cả. Có lẽ nào cái tội của ý lại lớn hơn cái tội của thân bao giờ. Ai-ai đều thấy rõ rằng mỗi sự hành-động dữ đều do thân gây ra, chớ nào phải do ý".

- "Này Upāli, nếu người muốn tranh-luận đúng theo chân-lý thì Như Lai sẵn lòng nói chuyện với người về điều ấy. Vậy người có bằng lòng chăng?"

- "Bạch Đức Gotama, tôi xin vui lòng hầu chuyện cùng Ngài".

Lý lẽ thứ nhất:

Đức Phật hỏi ông Upāli như vậy: "Này Upāli, theo sự hiểu biết của người, thì cái tội của thân nặng hơn hết, vậy chớ người nghĩ thế nào? Ví-dụ có một người đạo-sĩ trong phái Nigantha lâm-bệnh nặng và phải cần đến nước lạnh³⁹ thì mới khỏi bệnh. Nhưng người ấy chỉ chịu dùng nước nóng mà thôi. Rốt cuộc, vị đạo-sĩ ấy phải bỏ mình. Này Upāli, vậy chớ giáo-chủ Nātaputta có dạy các đệ-tử rằng sau khi thác, người đạo-sĩ ấy được tái-sinh lại vào nơi nào không?"

- "Bạch Đức Gotama, thầy của chúng tôi có dạy rằng sau khi thác, người ấy sẽ được thọ-sinh vào cõi chư-thiên gọi là Manosattā⁴⁰".

- "Tại sao vậy?"

- "Bạch Đức Gotama, vì người ấy, lúc gần chết, có ý chấp-trước rằng mình sẽ được sanh về cõi đó".

- "Này Upāli, người nên suy xét kỹ-lưỡng trước khi mở lời, để tránh sự mâu-thuẫn giữa những điều của người nói khi nãy và hiện bây giờ. Có phải lúc nãy nhà người đã bằng lòng luận đạo với Như Lai đúng theo chân-lý không?"

- "Bạch Đức Gotama, chính tôi đã bằng lòng như vậy".

- "Này Upāli, có phải nhà người vừa mới nói rằng người đạo-sĩ ấy, khi gần chết, có ý chấp-trước rằng sẽ được tái-sinh về cõi chư-thiên Manosattā không?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, phải vậy".

Lý lẽ thứ nhì:

- "Này Upāli, theo sự hiểu biết của người, thì cái tội của thân là nặng hơn hết, vậy chớ người nghĩ thế nào? Ví-dụ có một người đạo-sĩ trong phái Nigantha bị rơi xuống sông. Người ấy phải chống chọi với giòng nước để thoát thân, phải lặn hụp, bơi lội, vẫy-vùng, làm cho nhiều sinh-vật nhỏ phải bị sát hại. Này Upāli, vậy chớ trong đạo của người, người ấy có phạm tội không?"

- "Bạch Đức Gotama, nếu có phạm, thì tội ấy cũng nhỏ, vì người ấy vô ý".

- "Mà nếu người ấy cố ý sát hại, thì sẽ ra sao?"

- "Bạch Đức Gotama, nếu vị đạo-sĩ ấy cố ý, thì sẽ mang tội nặng".

- "Vậy chớ giáo-chủ Nātaputta liệt tội ấy vào chỗ nào?"

- "Bạch Đức Gotama, vào tội của ý".

- "Này Upāli, người nên suy xét kỹ-lưỡng trước khi mở lời, để tránh sự mâu-thuẫn giữa những điều của người nói khi nãy và hiện bây giờ. Có phải lúc nãy nhà người đã bằng lòng luận đạo với Như Lai đúng theo chân-lý và người vừa mới nói rằng nếu vị đạo-sĩ kia cố ý thì phạm phải tội nặng không?"

- "Bạch Đức Gotama, phải như vậy".

Lý lẽ thứ ba:

- "Này Upāli, theo sự hiểu biết của người, thì cái tội của thân là nặng hơn hết, vậy chớ người nghĩ thế nào? Ví-dụ có một người kia múa đao xông vào một đô-thị to lớn, dân-cư đông-đảo, như thành Nālanda này, mà hô lên rằng: "Trong chốc-lát, ta có thể giết hết nhân-dân trong thành Nālanda, không để sót một người nào, ta có thể làm cho chúng nó phải chết, thân nằm chất đống". Này Upāli, vậy chớ người ấy có thể nào sát hại hết dân-chúng trong thành Nālanda được không?"

- "Bạch Đức Gotama, không nói chỉ một người, dầu cho 20, 30, 40 hay 50 người như vậy cũng không sao sát hại hết dân-cư trong thành này đặng".

- "Này Upāli, còn ví-dụ một bậc sa-môn hay Bà La Môn kia đã đắc thần-thông do phép định-tâm, đi vào thành Nālanda mà nói rằng: "Nếu ta cố-ý phá-hoại, thì chỉ trong chốc-lát, ta có thể làm cho đô-thị này tan ra tro bụi". Này Upāli, vậy chớ bậc sa-môn hay bậc Bà La Môn ấy có thể nào, với một ý-nghĩ phá-hoại, làm cho thành Nālanda này tan ra tro bụi trong chốc-lát không?"

- "Bạch Đức Gotama, đối với bậc có phép thần-thông do mãnh-lực của thiên-định thì không những là một cái thành Nàlanda này thôi, mà cho đến 10 cái, 20 cái, 30 cái hoặc 50 cái như vậy cũng phải bị tan rã".

- "Này Upāli, người nên suy xét kỹ-lưỡng trước khi mở lời, để tránh sự mâu-thuẫn giữa những điều của người nói khi nãy và hiện bây giờ. Có phải lúc nãy nhà người đã bằng lòng luận đạo với ta đúng theo chân-lý và người vừa nói rằng với ý-nghĩ phá-hoại, một bậc đạo-sĩ hay Bà La Môn đã đắc thần-thông có thể làm tan rã không những là một cái thành Nàlanda này thôi, mà cho đến 10, 20, 30, 40 hoặc 50 cái như vậy cũng được?"

- "Bạch Đức Gotama, phải như vậy".

Lý lẽ thứ tư:

- "Này Upāli, theo sự hiểu biết của người, thì cái tội của thân là nặng hơn hết, vậy chớ người có nghe người ta nói tại duyên-cớ chi mà những quốc-độ: Dandaki, Kalinga, Mejjha và Mātanga, phải bị tiêu-diệt?"

- "Bạch Đức Gotama, chính do tư-tưởng xấu-xa, lầm-lạc của những vị quốc-vương và dân bôn-xứ đối với các bậc thánh-nhân, mà mấy nước ấy phải bị tiêu-diệt".

- "Này Upāli, người nên suy xét kỹ-lưỡng trước khi mở lời để tránh sự mâu-thuẫn giữa những điều của người nói ra khi nãy và hiện bây giờ. Có phải lúc nãy nhà người đã bằng lòng luận đạo với ta đúng theo chân-lý và người vừa nói rằng do tư-tưởng xấu-xa của những vị quốc-vương và dân bôn-xứ đối với các bậc thánh-nhân mà mấy nước ấy phải bị tiêu-diệt không?"

Tới đây, trưởng-lão Upāli liền bái phục Đức Thế Tôn và bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn⁴¹, tôi rất khâm-phục về những lý lẽ của Ngài đã trưng ra cho tôi thấy rằng cái tội của ý là nặng hơn hết. Đó là chân-lý cao-siêu, không ai chối cãi đặng và tôi đây không có đủ tài để tranh luận cùng Ngài. Bạch Đức Thế Tôn, như người ta đỡ đứng dậy những vật chi đã bị ngã, tìm được vật gì bị giấu kỹ, chỉ nẻo cho người lạc lối, đem ngọn đuốc vào chỗ tối-tăm cho người có mắt thấy rõ mọi vật thể nào? Bạch Đức Thế Tôn, thì cũng như thế ấy, Ngài đã giải cho tôi nghe rõ chánh pháp bằng nhiều cách khác nhau. Bạch Đức Thế Tôn, vậy tôi nguyện quy-y nương Tam-Bảo và xin Ngài nhận tôi là thiện-nam kể từ nay cho đến trọn đời".

- "Này Upāli, nếu muốn vào tu trong giáo pháp của Như Lai, một người có tên tuổi, đung-đấn như người cần phải suy xét kỹ-càng mới đặng".

- "Bạch Đức Thế Tôn, những lời dạy ấy làm cho tôi khâm-phục Ngài hơn nữa. Mấy vị giáo-chủ khác, khi được một người như tôi xin nhập môn, thì họ rất tự-đắc và chẳng hề khuyên tôi nên suy-nghĩ chi cả. Họ lại dạy người rao to cho ai nấy đều biết như vậy: "Trưởng-lão Upāli đã xin vào tu theo pháp của chúng tôi rồi". Bạch Đức Thế Tôn, vậy một lần thứ nhì nữa, tôi nguyện

quy-y nương theo Tam-Bảo và xin Ngài nhận tôi là thiện-nam kể từ nay cho đến trọn đời".

- "Này Upāli, từ bấy lâu nay, ngươi là một đại thí-chủ trong nhóm Nigantha, vậy bây giờ trở đi, ngươi cũng nên tiếp-tục bố-thí cho họ như thường".

- "Bạch Đức Thế Tôn, những lời khoan-hồng cao-cả của Ngài làm cho tôi càng thêm kính phục. Vậy mà lúc trước tôi có nghe họ đồn như vậy: "Thầy sa-môn Gotama chỉ khuyên người nên bố-thí cho mình và cho các đệ-tử thôi, chớ chẳng nên bố-thí cho ai khác. Sự cúng dường đến ông ta và chư-tăng sẽ đem lại phước báo cao-thượng hơn sự cúng dường đến kẻ khác". Hôm nay tôi mới rõ sự thật. Bạch Đức Thế Tôn, vậy một lần thứ ba nữa, tôi nguyện quy-y Tam-Bảo và xin Ngài nhận tôi là thiện-nam kể từ nay cho đến trọn đời".

Rồi đó, Đức Phật liền thuyết cho trưởng-lão Upāli nghe đúng theo thứ-tự về những pháp: bố-thí, trì-giới, những quả vui nơi cõi trời, những nỗi thống-khổ do lòng tham-muốn gây nên và về lợi-ích của tư-cách xuất-gia. Khi thấy Upāli có đức tin chân-chánh và hiểu rành đạo-lý, Ngài liền thuyết cho ông ta nghe đến những pháp đặc-sắc trong Phật-Giáo, là: sự khổ, nguyên-nhân của sự khổ, tư-cách diệt khổ và con đường để đi đến nơi dứt khổ⁴². Cũng như thừa vải sạch ăn màu một cách dễ-dàng, đạo-quả mở sáng khiến cho trưởng-lão Upāli thấy rõ chân-lý và biết rằng hễ có sanh thì tất phải có diệt. Nhờ đó mà ông được thấm-nhuần chân-lý, say-đắm trong chân-lý, diệt những sự ngã-chấp, hoài-nghi và tin chắc Phật Pháp là cao-thượng hơn cả. Ông đắc quả Tu Đà Huòn.

Với thân tâm mát-mẻ nhẹ-nhàng, trưởng-lão Upāli cung-kính đánh-lễ Đức Thế Tôn rồi lui gót.

---o0o---

IV- Đạo-sĩ Dīgha đến nhà trưởng-lão Upāli

Khi về tới nhà, ông Upāli dặn tên giữ cửa như vậy: "Bắt đầu từ bữa nay, ta không còn giao-thiệp với nhóm Nigantha nữa. Ta chỉ tiếp rước Đức Thế Tôn và các hàng Tứ Chúng trong Phật-Giáo thôi. Nếu có những ông đạo-sĩ Nigantha nào đến đây, ngươi nên thưa với họ như vậy: "Bạch các Ngài, Trưởng-Lão Upāli hiện nay đã tu theo giáo pháp của Đức Sa-Môn Gotama rồi và không còn giao-thiệp với các tín-đồ Nigantha nữa. Như các Ngài muốn được bố-thí vật chi, thì xin chờ ngoài ngõ, chúng tôi sẽ dâng cho".

Được tin Upāli đã quy-y theo Phật-Giáo, đạo-sĩ Dīgha liền bạch cho giáo-chủ Nātaputta rõ. Ông này đáp rằng: "Này Dīgha, những lời đồn ấy sai rồi.

Một người thông-minh, giỏi-giảng như Upāli, chẳng dễ gì bị thầy Gotama cám-dỗ và không khi nào chịu tu theo giáo pháp của thầy bao giờ".

(Đạo-sĩ Dīgha nói đến ba lần, nhưng giáo-chủ Nigantha cũng đáp như vậy)

Rốt cuộc, đạo-sĩ Dīgha được thầy cho phép đến nhà Upāli để biết rõ tự-sự. Khi tới nơi, tên giữ cửa nói với ông ta rằng: "Bạch Ngài, chủ tôi hiện nay đã tu theo giáo pháp của Đức Sa-Môn Gotama rồi và không còn giao-thiệp với các tín-đồ Nigantha nữa. Như Ngài muốn được bố-thí, xin nán chờ ngoài ngõ, chúng tôi sẽ dâng cho". Đạo-sĩ Dīgha nói với tên giữ cửa rằng mình chẳng có ý đến tìm sự bố-thí đâu, rồi trở ra.

Về đến chùa, ông ta bạch với thầy rằng: "Bạch Đức Giáo-Chủ, quả thật vậy, trưởng-lão Upāli đã xin quy-y thọ giáo với thầy Sa-Môn Gotama rồi. Lúc trước, tôi có bạch cùng Ngài rằng thầy Gotama là một nhà ảo-thuật đại-tài, có phép cám-dỗ rất linh-nghiệm. Nhưng Ngài chẳng nghe lời, nên hôm nay mới ra nông-nổi".

Giáo-chủ Nātaputta cũng chẳng chịu tin những lời của đạo-sĩ Dīgha thuật lại, rồi ông ta đích-thân sang tận nhà Upāli.

---o0o---

V- Cuộc gặp-gỡ giữa hai thầy trò cũ

Giáo-chủ Nātaputta thân-hành đến nhà vị trưởng-lão Upāli, có đất theo một số đông đệ-tử. Ông ta cũng bị tên giữ cửa khước-từ không cho vô và phải kéo nài nhiều lượt mới được Upāli mời vào trong (lúc trước, đích-thân Upāli phải ra ngõ rước ông ta). Khi tới phòng khách, trưởng-lão Upāli liền mời ông ta ngồi xuống cái ghế cao và đẹp hơn hết, còn mình thì ngồi trên một cái ghế thấp hơn.

Mới bắt đầu vào chuyện, giáo-chủ Nātaputta liền trách-cứ Upāli rằng: "Này Upāli, tài hùng-biện của người đâu nào? Lúc trước, người hăng-hái lãnh trách-nhiệm đi đánh đổ lý-thuyết sai-lầm của thầy Gotama. Rốt cuộc, người lại để cho thầy ta quyến-dụ và bị những lý-luận của thầy ta trói buộc. Không khác một kẻ kia định đi móc mắt người địch-thủ, nhưng kết-quả là mắt của nó bị móc. Cũng như nhà người định đi thuyết-phục thầy Gotama, rốt cuộc người bị thầy ta cám-dỗ và xin làm đệ-tử của thầy. Này Upāli, người đã mắc phải phép cám-dỗ⁴³ của thầy Gotama rồi".

Trưởng-lão Upāli trả lời rằng: "Phép cám-dỗ của Đức Phật là quý-báu. Phép ấy đã làm cho tôi được an vui, mát mẻ. Tôi ước sao cha mẹ và tất cả quyến-thuộc của tôi đều được Ngài cám-dỗ như thế".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, nếu cả bốn hạng người: vua, chúa, thầy tu, thương-gia và lao-động, đều được thọ lãnh phép cảm-dỗ của Đức Thế Tôn, thì thầy-thầy sẽ được nhiều điều hạnh-phúc chẳng sai".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, nếu tất cả những bậc: chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên, sa-môn, Bà La Môn, và khắp hằng nhân-loại đều được Ngài cảm-dỗ bằng cách đó, thì thầy-thầy sẽ được nhiều điều hạnh-phúc chẳng sai".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, vậy xin Ngài vui lòng nghe tôi kể lại câu chuyện dưới đây:

"Thuở nọ, một ông già Bà La Môn kia, có một bà vợ còn trẻ tuổi mà ông ta rất quý-mến. Bà vợ ấy có thai và khi gần sanh, buộc ông ta phải kiếm một con khỉ đực để dành làm bạn với đứa con trai của bà sắp ra đời. Người chồng già nói với vợ rằng: "Xin nàng hãy đợi đến lúc sinh-sản rồi mới biết rõ là trai hay gái. Nếu nàng sanh con trai, thì tôi sẽ mua một con khỉ đực cho nó chơi, còn như sanh con gái thì tôi sẽ mua một con khỉ cái".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, ông già Bà La Môn năn-nỉ đến ba lượt như vậy, song vô hiệu-quả, nên phải đành ra chợ mua một con khỉ đực đem về, để làm vừa lòng bà vợ trẻ trung. Muốn cho con khỉ trở nên lạ-thường hơn những con khỉ khác, bà ta lại buộc chồng đi mượn người thợ tên là Rattapāni nhuộm nó bằng một thứ màu gọi là Pitāvalepana⁴⁴. Bà lại dặn chồng nên biếu người thợ phải chà-xát, dày-vò con khỉ, làm cho lông nó dễ ăn màu".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, lão Bà La Môn, vì thương vợ quá đỗi, chẳng biết tính sao, nên phải đành làm theo những lời dặn điên-rò ấy. Ông ta tìm đến người thợ Rattapāni, mượn nhuộm con khỉ và dặn phải chà-xát, dày-vò cho lông nó dễ ăn màu. Người thợ nói rằng: "Tôi có thể nhuộm lông con khỉ ấy tốt chừng nào hay chừng đó, chớ con thú không sao chịu nổi sự chà-xát, dày-vò theo ý ông muốn đặng".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, thì cũng như thế ấy, giáo pháp của phái Nigantha là một giáo pháp điên-rò và chỉ hợp với trình-độ hiểu biết của những kẻ điên-rò mà thôi⁴⁵. Chớ nó không sao chịu-đựng nổi các sự thí-nghiệm dày-vò của bậc thiện-trí-thức đặng".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, nhưng một thời-gian sau, ông Bà La Môn ấy lại đem một cặp áo mới đến mượn người thợ Rattapāni nhuộm và cũng dặn nên chà-xát, dày-vò cho hàng dễ ăn màu. Lần này, ông ta được toại-nguyện".

"Bạch Đức Giáo-Chủ, thì cũng như thế ấy, giáo pháp của Đức Phật là một giáo pháp cao-siêu, đúng theo chân-lý, nên có thể chịu-đựng nổi những sự thí-nghiệm dày-vò của các bậc thiện-trí-thức".

Khi nghe tới đây, giáo-chủ Nātaputta hỏi Upāli rằng: "Này Upāli, từ nào đến giờ tất cả vua chúa và ai nấy cũng biết rõ rằng người là người tín-đồ trong đạo Nigantha. Vậy chớ bắt đầu từ đây trở về sau, nên gọi người là đệ-tử của ai?"

Nghe hỏi như vậy, trưởng-lão Upāli liền đứng dậy, thoát y lên vai, nghiêng mình chấp tay hướng về phía có Đức Thế Tôn đang ngự và nói với giáo-chủ Nātaputta rằng: "Bạch Đức Giáo-Chủ, xin Ngài hãy lắng tai nghe rõ mấy lời sau đây thì sẽ biết tôi là đệ-tử của ai". Nói xong, ông ta liền đọc cho thầy cũ của mình nghe mười ơn-đức của Đức Phật như vậy:

1. Đức Thế Tôn là bậc toàn-thắng tất cả tội-lỗi, có tâm-trí an-định, giới hạnh thanh-cao, có sự thông-hiểu nhiệm-mầu, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
2. Đức Thế Tôn là bậc chẳng còn hoài-nghi, đã lánh xa trần-tục, đã hành đạo cao-siêu và chẳng còn phiền-não, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
3. Đức Thế Tôn là bậc dũng-cảm, có nhiều đức-tính đáng làm gương mẫu cho tất cả chúng-sinh, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
4. Đức Thế Tôn là bậc thanh-tịnh, đã đại ngộ các pháp yên lặng là Niết-Bàn, chẳng còn quyến-luyến các vật hữu-vi, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
5. Đức Thế Tôn là bậc đã tẩy-trừ được lòng tham-dục và chẳng còn chịu ảnh-hưởng của các pháp thế-gian, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
6. Đức Thế Tôn là bậc thánh-nhân cao cả, học hỏi uyên-thâm và đã rửa sạch những điều dơ-bẩn trong tâm, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
7. Đức Thế Tôn là bậc suốt-thông mọi việc trong tam-thế, đã tìm được chân-lý nhiệm-mầu và đem ra dạy-bảo chúng-sinh, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
8. Đức Thế Tôn là bậc đã bẻ gãy bánh xe luân-hồi, đã qua đến bờ kia và hằng dìu-dắt chúng-sinh đi đến nơi giác-ngộ, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
9. Đức Thế Tôn là bậc giáng-trần để làm tròn nhiệm-vụ của một đấng Như Lai, là đấng kế-nghiệp của các Đại-Hiền thuở trước, chính tôi là đệ-tử của Ngài;
10. Đức Thế Tôn là bậc Đại-Hùng Đại-Lực đã trừ-tuyệt gốc rễ tội-lỗi, oai-đức tỏa khắp bốn phương và rất đáng cho chúng-sinh lễ-bái, chính tôi là đệ-tử của Ngài.

Khi trưởng-lão Upāli vừa dứt lời, giáo-chủ Nātaputta liền hỏi vậy chớ ông ta đã sắp đặt những lời ca-tụng Đức Gotama tự bao giờ? Trưởng-lão Upāli trả lời rằng: "Bạch Đức Giáo-Chủ, với một đồng hoa thom có đủ màu, được người thợ khéo kết lại thành một tràng hoa đẹp đẽ, thom-tho như thế nào? Thì Đức Thế Tôn có nhiều hạnh-kiếm đẹp đẽ, thanh-cao, rất đáng cho chư-thiên và nhân-loại ngợi-khen, thán-phục cũng như thế ấy".

Nghe học trò cũ của mình ca-tụng ơn-đức của Đức Phật một cách hết sức nhiệt-thành, giáo-chủ Nātaputta cảm-tức quá đỗi, học máu và phải bỏ mình trong mấy hôm sau.

-- MAJJHIMĀ NIKĀYA

---o0o---

Sự diệt vong của quốc-độ Dandaki

Lời của soạn-giả:

Trong lý lẽ thứ tư, Đức Phật có nói cho trưởng-lão Upāli nghe rằng: "Do tư-tướng khinh rẽ của bậc thánh-nhân mà tất cả nhân-vật trong bốn quốc-độ: Dandaki, Kalinga, Mejjha và Mātanga, đều phải bị tiêu-diệt". Nhưng vì khuôn-khổ nhất-định của quyển sách, chúng tôi xin rút ngắn và sơ-lược trong bộ kinh Chú-Giải, một cái tích thứ nhất để cho quý độc-giả thấy rằng vì ý nghĩ xấu-xa mà con người gây ra biết bao nhiêu tội-lỗi và phải bị trả quả rất nặng.

* * *

Thuở trước kia, có một vị đạo-sĩ tên là Kisa-Vaccha vào ngồi tham-thiền trên cái ghế đá ở trong vườn bông của đức vua xứ Dandaki. Thường bữa, ngài được một vị thống-soái có đức tin đem vật-thực đến dâng cúng.

Một buổi nọ, có một bà thứ-phi, vì duyên cớ nào không rõ, bị đức vua đuổi ra khỏi hoàng-cung. Đi ngang qua vườn thượng-uyên, bà ta thấy vị đạo-sĩ thân-hình gầy-gò, bản-thiêu, trên đầu có một búi tóc, đang ngồi trầm-tư mặc-tưởng. Theo phong-tục Bà La Môn, thì sự gặp gỡ một kẻ bản-thiêu, thấp-hèn, như vậy là một chuyện rất xui-xẻo. Muốn tẩy-trừ sự xui-xẻo ấy, người Bà La Môn cần phải xuống sông tắm gội⁴⁶, hoặc giả họ lấy một chậu nước để trước bàn thờ thần, đọc kinh rồi dùng nước ấy mà tắm, hay một lẽ nữa là họ tìm cách làm nhục kẻ đê-hèn đã gặp.

Bà thứ-phi bèn tìn rằng: "Vậy ta thử làm nhục lão già bản-thiêu này coi có hết xui chẵng". Nghĩ xong, bà liền lấy một thau nước để rửa mặt đánh răng, rồi đem nước dơ đổ tủa lên đầu vị đạo-sĩ. Trước khi bỏ đi, bà lại còn liệng bàn chải và nhổ nước miếng vào mình ngài. Một thời-gian sau, do sự tình-cờ, bà được nhà vua kêu trở vào cung phụng-sự cho ngài.

Lúc ấy, có một thầy Bà La Môn cũng bị vua sa-thải và đến nhờ bà thứ-phi chỉ cách nào cho Đức Vua trọng-dụng mình trở lại. Bà thứ-phi liền dạy ông ta đến làm nhục vị đạo-sĩ thì sẽ được toại-nguyện. Người Bà La Môn làm theo lời ấy và chẳng bao lâu, cũng do một sự tình-cờ, ông được vua cho làm việc lại như trước.

Sự tình-cờ trong hai trường-hợp kể trên khiến cho bà thứ-phi và thầy Bà La Môn kia có ý-nghĩ sai-lầm rằng chính nhờ làm nhục vị đạo-sĩ có búi tóc trong vườn thượng-uyên, mà họ được tốt phước như vậy.

Một thời-gian sau nữa, ngoài biên-thùy có giặc. Thầy Bà La Môn ấy đến yêu-cầu đức vua nên làm nhục vị đạo-sĩ, thì sẽ được thắng trận dễ-dàng. Đức vua liền thân-hành đến chỗ vị đạo-sĩ đang ngồi tham-thiền. Ngài rửa mặt, đánh răng, rồi cũng tạt nước dơ và nhổ nước miếng vào đầu vị đạo-sĩ đang

ngôi tham-thiên. Không những thế thôi, nhà vua lại còn ra lệnh cho tất cả triều-thần, văn-võ, cung-phi, mỹ-nữ và dân-gian trong khắp xứ Dandaki nên làm nhục vị đạo-sĩ như ngài, để cho nước nhà được phong-phú và chiến-thắng ngoại quân. Trước khi xuất-chinh, mỗi tên quân đều phải đồ đồ dơ và nhổ vào mình vị đạo-sĩ, thì mới được nhà vua cho ra trận-mạc.

Hay chuyện ấy, vị thống-soái hết sức đau đớn, tìm đến tắm gội và thoa nước thơm khắp mình ngài. Vị đạo-sĩ nói với ông thống-soái rằng có nhiều hạng chư-thiên⁴⁷ định làm cho quốc-độ Dandaki phải tiêu-diệt vì tội lớn-lao ấy. Nhưng nếu nhà vua biết ăn-năn thì sự hành-phạt có thể nhẹ bớt đặng. Đến yêu cầu đức vua nên sám-hối tội-lỗi đã qua, nhưng ngài chẳng chịu làm theo, vị thống-soái liền xin từ-chức và lập-tức trở về dinh, dắt gia-quyển cùng những người lương-thiện chạy ra khỏi xứ Dandaki mà lánh nạn.

Sau khi đức vua thắng-trận, rần-rộ kéo binh trở về thành, dân-chúng trong xứ lại còn hăng-hái tin-tưởng rằng nhờ sự làm nhục vị đạo-sĩ mà trong nước gặp được nhiều điều may-mắn hơn xưa. Nào dè đâu, một tai-nạn rùng-rợn đang chờ đón nhà vua và tất cả dân bôn-xứ. Những trận mưa giông, mưa đao, mưa đá, hòn nào hòn nẩy to bằng cái nhà, xối-xả tuôn xuống làm cho tất cả người và vật trong xứ Dandaki phải bị diệt-vong. Chỉ có vị đạo-sĩ, ông thống-soái với 83 người khác chạy được ra khỏi xứ Dandaki và được thoát-nạn mà thôi.

---o0o---

Sử tích hoàng-đế A-Dục

Lời tự-tĩnh của Vua Asoka (A-Dục) được khắc vào trụ đá cách đây lối 2.300 năm:

"Sau khi lên ngôi được tám năm, trẫm là bạn của các vị chư-thiên⁴⁸ đem binh xâm-chiếm xứ Kalinga. Mười lăm muôn quân bại-trận phải bị lưu-đày; mười muôn quân khác bị tử-trận và vô-số thường-dân phải bị sát hại. Nay đã khắc-phục được xứ Kalinga, Trẫm⁴⁹ bỗng-nhiên phát tâm mộ-đạo, xu-hướng theo chánh pháp⁵⁰ và đem giáo-lý ra truyền-bá trong khắp nhân-gian. Trẫm rất hối-hận về cuộc xâm-lãng xứ Kalinga. Vì chinh-phục một nước tự-do là làm một chuyện rất tàn-ác. Những sự chém giết, đọa-đày, tù-tội làm cho Trẫm phải khổ tâm hết sức".

"Một điều làm cho Trẫm đau-khổ hơn nữa, là những người lương-thiện, những bậc đạo-sĩ, Bà La Môn, hoặc sa-môn trong các giáo-phái, những hạng tại-gia biết tôn-trọng những người bề trên tuổi-tác, biết hiếu-thảo với cha mẹ, biết yêu-chuộng bằng-hữu và đối-đãi tử-tế với hàng tôi-tớ, thầy-thầy đều phải mang lấy họa chiến-tranh. Chẳng có chi làm cho con người đau-đớn

hơn là phải bị chia lìa cùng những người và vật thương yêu trứu-mến. Tất cả những tư-tưởng thông-khở về nạn binh-đao ấy làm cho Trẫm phải nặng lòng lo-ngại. Dầu cho số người bị sát hại, đọa-đày trong cuộc xâm-chiếm xứ Kalinga nhiều đến thế mấy, cũng không sánh bằng sự đau-khổ của Trẫm hôm nay".

"Trẫm phải có bền tâm nhẫn-nại, nhiều chùng nào hay chùng này, đối với những kẻ nào làm quấy hoặc toan hãm-hại Trẫm".

"Trẫm mong cho tất cả chúng-sinh đều biết tự-chủ thân tâm, làm lành lánh dữ".

"Đối với Trẫm, sự thắng-trận cao-cả hơn hết là sự thắng-trận của chánh pháp. Trong một cương-thổ dài ngót sáu trăm dặm gồm lại, có nhiều quốc-độ khác nhau, dầu cho đến những xứ xa-xăm mà các sứ-giả ít khi lui tới được, đầu-đầu cũng đều tuân theo lệnh Trẫm để nghiêm-trì giới hạnh và sống theo lẽ chánh. Cuộc thắng-trận của chánh pháp là một cuộc thắng-trận toàn-thể. Ai-ai cũng nhờ sự chiến-thắng ấy mà được an-cư lạc-nghiệp. Nhưng đối với Trẫm, sự hạnh-phúc này không thể so-sánh được với phước báu trong một thế-giới khác"⁵¹.

"Kim ngôn này được khắc trên mặt đá để cho ngày sau, con cháu của Trẫm sẽ không còn nghĩ đến những cuộc thắng-trận khác nữa, và chúng nó phải làm cách nào để thắng nổi trận giặc lòng. Chúng nó phải biết nhẫn-nại và hiểu rằng chỉ có sự thắng-trận của chánh pháp là đáng kể. Chánh pháp đem lại sự an vui trong kiếp này và các kiếp vị-lai".

* * *

Vài lời của soạn-giả:

"Nếu không có hoàng-đế A-Dục thì Phật pháp rất khó được bảo-tồn cho đến ngày nay, và chúng ta cũng chẳng ném được hương-vị của đạo giải-thoát do Đức Thích-Ca Mâu-Ni đã tự ngộ"

Sở-dĩ hiện nay Phật Pháp được thanh-hành và bành-trướng trong khắp thế-gian là do công-đức vô-lượng của hoàng-đế A-Dục, một nhà vua trị-vì trong xứ Ấn Độ vào thế-kỷ thứ ba trước tây lịch, nghĩa là lối 200 năm sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết-Bàn .

Trong kinh, có nhiều chỗ nói hồi Đức Phật còn tại-thế, có ông trưởng-già Cấp Cô Độc⁵² cùng bà tín-nữ Visakhā, là hai bậc hộ-pháp rất đặc-lực và trong sạch với ngôi Tam-Bảo, dám bỏ tiền của ra bố-thí một cách rộng-rãi không ai bằng. Ông Cấp Cô Độc đã xuất ra một số tiền khổng-lò mua lại cảnh vườn của thái-tử Kỳ Đà⁵³, rồi dựng lên ngôi Kỳ Viên Tịnh-Xá để dâng

cho Đức Thế Tôn. Ngoài ra, ngày nào ông Cấp Cô Độc và bà Visakhā đều có thỉnh chư-tăng đến nhà bố-thí, trai-tăng.

Xét về cái tâm hộ-pháp thì hai vị này được coi như cao-thượng, trong sạch hơn cả, vì hai vị ấy đều là bậc thánh-nhân⁵⁴. Nhưng nếu nói về công-trình kiến-trúc, chấn-hung và tuyên-truyền Phật giáo thì đức vua A-Dục chiếm quyền ưu-thế. Có lẽ vì ngài là một vị hoàng-đế thống-trị thiên-hạ, tiền của nhiều, quyền-hành rộng, nên mới làm những việc to-tát như vậy. Nhưng biết bao nhiêu bậc vua chúa khác không chịu làm như ngài, mà lại có tánh hôn-quân, vô-đạo, truy-lạc trong bầu ngự-tửu, ngày đêm đùa-bỡn với đám cung-phi và thường gây mầm binh-đao khói lửa, để làm khổ cho dân-gian.

Đức vua A-Dục, trước khi được hấp-thụ tinh-thần Phật-Giáo, cũng có tánh hung-ác, chinh đông phạt tây, đi đến đâu sát hại đến đấy. Biết bao nhiêu dân-tộc phải bị nghiền nát dưới bánh chiến-xa của ngài. Biết bao nhiêu bậc công-khanh chỉ nói lỡ một lời mà bị ngài xử-tử, chẳng chút xót thương.

Nhà vua còn lại tạo ra một cái địa-ngục giả để hành-hình tội-nhân bằng nhiều cách rùng-rợn, không thua gì cảnh diêm-vương.

Nhưng có lẽ nhờ duyên lành trong các tiền-kiếp, nên chỉ một ngày kia, dưới bầu trời âm-đạm, không-khí nặng-nề, đứng giữa trận-mạc, sau khi chiến-tranh vừa dứt, và nhìn thấy cảnh tang-thương khủng-khiếp, xương máu đầy đầy, đức vua bỗng thấy lòng mình nôn-nao, bức-rức. Đó là lần đầu tiên ngài nhận thấy rằng: Vì tâm dục-vọng của mình, mà trăm họ phải thống-khổ, lầm than. Rồi bắt đầu từ đó, hoàng-đế A-Dục thay đổi chí-hướng, bỏ tánh xâm-lãng, hung-ác, tìm học hỏi đạo với các bậc thánh-tăng trong Phật-Giáo. Ngài trở nên một vị vua công-bình, giàu lòng từ-bi, bác-ái đối với muôn-loài và đem lại cho xứ Ấn Độ một thời-đại thái-bình, thịnh-trị duy-nhất trong khắp thế-gian.

Dưới đây là những công-trình hộ-pháp to-tát của đức vua A-Dục mà chúng ta cần phải biết để nhớ ơn:

1. Chủ-trương ký-kết tập Tam-Tạng lần thứ ba tại thành Pātaliputra, để củng-cố Tam-Tạng Pháp-Bảo Pāli mà nhóm Nguyên-Thủy vẫn thọ-trì cho đến ngày nay;
2. Cho con trai ngài, là đức Mahinda, mang Tam-Tạng Pāli đã được kết tập trong kỳ thứ ba, sang khâu-truyền trên đảo Tích Lan mà hiện nay là nơi căn-cứ của hội "Phật Học Quốc-Tê";
3. Dựng lên, trong khắp xứ Ấn Độ, 84.000 thánh-tháp để phụng-thờ xá-lợi của Đức Thế Tôn. Tất cả xá-lợi được chia-sốt trong khắp thế-gian hiện nay đều do các thánh-tháp ấy mà ra;

4. Kiến trúc vô-số đền-thờ có chạm-trổ những sử tích về Phật-Giáo và tạo ra nhiều bia đá có khắc chỉ-dụ của nhà vua khuyên-bảo dân-chúng ăn ở theo đường chánh, làm lành lánh dữ⁵⁵;

5. Thịnh nhiều vị A La Hán đi truyền-bá Phật-pháp khắp thế-giới, có một đoàn sang vùng Suvanna Bhūmi (tức là khu-vực Miến Điện, Thái Lan, Cao Miên ...);

6. Sa-thải một số lớn hàng tăng-lữ không chính-đáng, trà-trộn vào Phật-giáo để nuôi mạng.

Nghĩ vì có sự liên-quan thiết-yếu giữa đức vua A-Dục và những người tu Phật trong khắp hoàn-cầu, nên chúng tôi cố công suy-tầm trong các kinh điển, những điểm đặc-sắc về bậc Đại Hộ-Pháp ấy để cống-hiến cho chư quý độc-giả thưởng-thức.

---o0o---

I- Chuyện hai đứa trẻ lấy đất cúng dường đức Phật

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại Veluvāna⁵⁶. Sáng sớm, Ngài mặc y mang bát và dắt theo một số thầy tỳ-khưu đi vào thành Rājagaha (Vương Xá) để khát-thực. Đi đến đâu, Ngài đều rải điển từ-bi mát-mẻ tới đó. Oai-nghi tề-chỉnh và dung-mạo đẹp đẽ, sáng rỡ như trăng rằm của Đấng Trọn Lành, khiến cho ai nấy cũng phải kính-phục.

Lúc đang đi trì-bình, khát-thực, Đức Thế Tôn và tôn-giả Ananda thấy dựa bên đường có hai đứa bé trai, một đứa tên là Jaya, vốn con nhà trâm-anh thế-phiệt, còn một đứa tên là Vijaya, thuộc về gia-đình khá-giả bậc trung. Cả hai đứa trẻ đang công-phu nhồi đất để tạo lên một đô-thị giả, có nhà cửa đền-đài và luôn cả kho-tàng chứa đầy ngũ-cốc⁵⁷ cũng làm toàn bằng đất. Chợt thấy Đức Thế Tôn đi ngang qua, cậu bé Jaya⁵⁸ liền lật-đật hót một nắm ngũ-cốc giả bằng đất ấy, cung-kính dâng gần Đức Thế Tôn và bỗng-nhiên xuất khẩu bài kệ như vậy:

Một vàng hào-quang màu vàng rực-rỡ,

Bao phủ khắp thân-hình Đấng Từ-Bi Vô-Lượng,

Tự Ngài ngộ đạo không thầy chỉ dạy.

Tôi xin đem hết dạ kính-thành,

Dâng đất này đến Đức Như Lai,

Bậc đã diệt-tận nguồn luân-hồi sanh tử.

Lúc ấy, cậu bé Vijaya⁵⁹ cũng rất thỏa-thích trong phước báu và chấp tay xá chào Đức Thế Tôn.

Dâng đất xong, cậu bé Jaya liền nguyện thầm rằng: "Với quả phước này, tôi nguyện trong kiếp sau sẽ được gồm thâu thiên-hạ, thống-trị muôn dân".

Đức Phật đoán được lời nguyện của cậu Jaya và biết thế nào quả phước cũng sẽ thành-tựu đến cho đứa trẻ ấy, vì nó đã hết tâm trong sạch trong khi dâng cúng. Ngài liền mỉm cười và nói với Đức Ananda rằng: "Này Ananda, sau khi Như Lai nhập Niết-Bàn lối hai trăm năm, đứa trẻ ấy sẽ thọ-sinh làm một vị thánh-quân⁶⁰, làm chúa một châu thiên-hạ, đóng đô tại thành Pātaliputra và lấy vương-hiệu là hoàng-đế Asoka (A-Dục). Nhà vua sẽ là bậc thánh-quân suốt-thông đạo-lý, biết ủng-hộ và truyền-bá Phật-Pháp một cách đặc-lực. Nhà vua sẽ cho kiến-tạo 84.000 bảo tháp để phụng thờ xá-lợi của Như Lai".

Rồi Đức Phật liền ngâm kệ như vầy:

Một thời-gian sau khi Như Lai nhập-diệt,

A-Dục vương sẽ được ra đời,

Oai dầy đức rộng tỏa khắp bốn phương.

Nhà vua tạo ra trong khắp cõi diêm-phù,

Vô-số đèn-thờ xá-lợi,

Cho chúng-sinh chiêm-bái cúng dường.

Này Ananda, đó là quả phước do đứa trẻ ngày nay,

Đã hết lòng trong sạch dâng đất cúng Như Lai.

Ngâm xong, Đức Thế Tôn liền dạy Đức Ananda đem đất ấy rải lên khoảng đường phía trước mà Ngài cùng chư-tăng sắp đi tới.

---o0o---

II- Nói về bà mẹ của đức vua A-Dục và thời niên-thiếu của ngài

Tại xứ Campala, có thầy Bà La Môn kia vừa trở sanh được một gái. Khi ấy, có thầy coi số đoán rằng: "Ngày sau, đứa tở gái ấy sẽ trở nên một bậc vương-phi và sanh ra được hai trai. Một đứa sẽ được làm vua, còn một đứa sẽ xuất-gia hành đạo và đắc A La Hán quả".

Một thời-gian sau, khi đứa gái lớn khôn và trở nên xinh đẹp mỹ-miêu, người Bà La Môn liền dâng nàng vào cung-nội phụng-sự cho đức vua Bindusara đang trị-vì trong xứ Magadha. Những cung-phi khác thấy nàng đẹp và trẻ, sợ đức vua yêu dùng, nên liệt nàng vào hạng thị-tỳ và giao cho nàng cái phận-sự: chờ khi nào vua ngủ thì vào cắt tóc tỉa râu cho ngài⁶¹. Một buổi trưa nọ, đức vua thức giấc, nhìn vào kiến thấy tóc râu mình được cắt tỉa vén khéo, đẹp đẽ, ngài liền phán hỏi: "Vây chớ nàng muốn ban thưởng vật chi?" Nàng chỉ tâu xin vua cho phép mình được chung gối cùng ngài. Lúc đầu, vua Bindusara không chịu, vì lầm tưởng rằng nàng thuộc giống hạ-tiện. Nhưng sau, khi biết nàng là con của một gia-đình Bà La Môn, ngài mới nhận lời. Đức vua liền chọn nàng làm chánh-hậu. Chẳng bao lâu, nàng trở sanh được

một trai. Hoàng-hậu hết sức vui mừng đặt tên con là Asoka⁶² (Tàu âm lại là A-Dục). Rồi một thời-gian sau nữa, bà lại sanh thêm được một trai và đặt tên là Vitasoka⁶³.

Lớn lên, hoàng-tử A-Dục có thân-hình lỏng-không, xấu-xa, tay chân nhám nhúa⁶⁴, nên vua Bindusara không yêu chuộng như những con của mấy bà thứ-phi khác.

Một bữa nọ, đức vua cho đòi thầy tiên-tri đến xem tướng cho hết thấy các vị hoàng-tử, coi vị nào có đủ tài đức đặng nối ngôi cho Ngài. Thầy-tướng yêu cầu nhà vua nên triệu-tập tất cả các vị hoàng-tử tại vườn thượng-uyển cho mình xem mặt. Vì được vua cha yêu chuộng, nên các ông hoàng khác được đưa rước bằng long-xa, mặc sắc phục đẹp đẽ và được đem theo đủ món ăn thức uống sang-trọng theo con nhà vua-chúa. Còn phần A-Dục thì ăn mặc tầm thường, mang theo com trắng nước trong và chén đĩa bằng đất mà thôi. Đã vậy, ông ta chẳng có chi để làm chân nên phải lợi bộ. Nhưng may đâu, hoàng-tử lại gặp cậu công-tử Rādhagupta⁶⁵ đang cỡi một con voi già đi dạo cảnh, rồi xin mượn voi ấy mà đi đến vườn thượng-uyển. Thầy tiên-tri xem tướng các ông hoàng xong, biết thế nào A-Dục cũng sẽ được làm vua, nhưng nếu nói sự thật thì sợ e vua Bindusara nóng giận rồi sẽ làm hại mình và hoàng-tử A-Dục. Ông ta liền nói bóng với đức vua như vậy: "Tâu Bệ-Hạ, xin Bệ-Hạ coi kỹ lại các vị hoàng-tử này, hễ vị nào biết dùng đồ quý-giá hơn hết thì sẽ được lên ngôi kế-vị cho Ngài". Nghe như vậy, mấy ông hoàng khác đều mừng thầm, vì mỗi-mỗi đều cho mình là sang-trọng hơn hết. Riêng về A-Dục thì lại nghĩ rằng: "Chắc thế nào ta cũng được làm vua, vì những vật ta dùng đều cao-quí hơn cả: voi là một con vật để làm chân sang-trọng nhất, chén đĩa ta dùng làm toàn bằng đất, mà đất là một vật có sức chịu-đựng tất cả vạn-vật trên thế-gian, com và sữa mà ta dùng là món ăn cần-thiết của con người, còn nước trong mà ta uống là món để bảo-trợ sự sống cho tất cả muôn-loài".

Thuở ấy, trong các chư-hầu thường hay có loạn-lạc. Vua cha, vì không ưa đức A-Dục, nên thường ra lệnh cho ông ta đi chinh-phạt với một số quân-lính và binh-nhu rất khiêm-khuyết. Nhưng hễ Đức A-Dục đi đến đâu thì loạn-quân qui-thuận đến đó.

---o0o---

III- Đức vua A-Dục được kế-vị cho vua cha và những hành-vi hung bạo trong buổi đầu

Hoàng-tử A-Dục có một người anh một cha khác mẹ, tên là Susima, mà vua cha rất yêu-chuộng và định chọn làm vị đông-cung để nối ngôi. Nhưng

Susima có tánh kiêu-căng, hung-dữ, nên văn-võ triều-thần không ưa nên cùng nhau lập tâm chờ có dịp sẽ tôn đức A-Dục lên ngôi vua.

Ngày kia, xứ Takaxila nổi loạn, vua Bindusara bèn sai đông-cung Susima điều-khiển binh hùng tướng mạnh đi chinh-phục, nhưng bị thất-trận. Hay tin chẳng lành, vua cha liền thọ bệnh và truyền-lệnh cho hoàng-tử A-Dục ra cầm binh thế cho Susima. Các vị đại-thần liền bày kế dạy đức A-Dục cáo bệnh, không thân-chinh được. Thấy bệnh-tình vua cha mỗi ngày một thêm trầm trọng, các vị cận-thần bèn tâu rằng: "Tâu Bệ-Hạ, xin Bệ-Hạ truyền ngôi lại cho hoàng-tử A-Dục để ngài trông-nom đỡ việc trào chánh, lúc nào thái-tử Susima hồi trào sẽ giao ngôi lại". Vua Bindusara không nhận lời, nhưng triều-thần văn-võ vẫn sắp đặt cho hoàng-tử A-Dục tức-vị kế-ngôi cho phụ-vương. Vì tức giận nên vua Bindusara liền hộc máu và thăng-hà trong khi đó.

Hay tin ấy, đông-cung Susima liền cấp-tốc kéo binh trở về thành Pātaliputra. Vua A-Dục chọn ba người lực-sĩ cho trấn ba cửa thành: Bắc, Tây, Nam. Còn lại cửa Đông, thì cho tạo một hình giả giống hệt như ngài, đang cỡi con bạch tượng đứng trên một khoảng đất, chung quanh thì cho đào hố rộng và sâu, lại có đốt lửa đỏ bên dưới. Còn phía trên, thì lấy cỏ bao-phủ kỹ-lưỡng. Susima, vì nóng giận và thấp trí, nên xô binh tràn vào mà phải thiệt mạng.

Diệt xong hoàng-tử Susima, vua A-Dục lại tìm cách hành phạt các vị quan nào lúc trước có ý khinh-rẻ mình (vì thấy tướng-mạo ngài xấu-xa). Nhà vua truyền-lệnh cho các vị quan ấy đem mấy loại cây có gai vào trồng phía trước vườn thượng-uyển, và chặt những cây nào có bông thơm trái ngọt đem rào chung quanh. Những ông quan ấy không chịu vâng lời, vì cho rằng theo thói thường, ai-ai cũng dùng cây có gai để rào các thứ cây có bông thơm trái ngọt, chớ khi nào làm chuyện trái đời như vậy. Sau khi hạ-lệnh ba lần mà chẳng thấy chịu làm theo, vua liền dạy đem mấy vị quan ấy ra pháp-trường xử-tử.

Trong vườn, có một cây bông đẹp đẽ thơm tho mà đức vua rất yêu thích, vì nó cũng có một cái tên Asoka như nhà vua. Lại có một nhóm cung-phi không ưa thích gần-gũi đức vua vì ngài có thân-hình xấu-xa và tay chân nhám nhúa. Một buổi trưa nọ, thừa lúc vua đang yên giấc, mấy cung-phi ấy liền ra vườn hái bông, bẻ lá, làm gãy các nhánh, cây phải chết. Khi biết rõ việc ấy, vua bực-tức, nóng giận, hạ-lệnh đem cột nhóm cung-phi ấy chung quanh cây Asoka rồi nổi lửa thiêu sống. Dân-chúng thấy nhà vua hung-dữ như vậy, liền đặt tên ngài là Ác Vương A-Dục (Candasoka).

Không những thế thôi, đức vua còn lại cho tạo ra một cảnh địa-ngục giả để hành-hình các tội-nhân, và đặt tên là Địa-Ngục Bồng Lai, vì bên trong là nơi hắc-ám của ngục-đường, nhưng bên ngoài thì cho kiến-trúc hết sức đẹp đẽ,

không thua gì cảnh tiên. Chung quanh, có trồng cây cối cỏ hoa đủ màu, và mỗi góc vườn đều có nhiều chỗ để cho các hành-khách nghỉ chân trong lúc mệt-mỏi. Song, rủi cho kẻ nào lỡ đi lạc đến đó, thì liền bị quân giữ ngục bắt đem vào bên trong hành-hình như những tội-nhân khác.

Đức vua ra lệnh cho các quan đi tìm một người hung ác trứ-danh, tên là Girika, để giao cho nó điều-khiển cái địa-ngục ấy. Tên này thường ngày chửi cha mắng mẹ và không bỏ qua một việc dữ nào mà nó chẳng làm. Buổi trưa nọ, có một vị quan gặp nó đang ngồi dựa mé rạch, tay thì đang lưới cá, cẳng thì giựt bẫy bắt chim, bên tay mặt có sẵn ná và tên tẩm thuốc độc, chung quanh thì nó rải những hạt lúa cũng tẩm thuốc độc để bắt các loại chim nhỏ, còn dưới rạch thì nó cắm câu bắt cá. Bất cứ con vật nhỏ nào, hay lớn gần bên, đều bị nó sát hại chẳng tha. Thấy vậy, vị quan kia rất vừa lòng và bảo nó về xin phép cha mẹ rồi vào triều lãnh việc. Bị song thân không bằng lòng, nó liền giết hết cả hai ông bà rồi đến nhậm-chức giám-ngục cho vua A-Dục và xin ngài cho nó được quyền sát hại những ai để chân vào địa-ngục Bồng Lai, dầu là đức vua cũng vậy. Hoàng-đế A-Dục nhận lời và dân-chúng trong xứ đặt cho nó cái tên là Đại Ác Nhân Girika (Candagirika).

---o0o---

IV- Vua A-Dục được nghe lời giáo đạo của một đức A-la-hán

Thuở ấy, có một thầy tỳ-khuru còn trẻ tuổi, tên là Samudda, tính vào thành Pātaliputra để khất-thực. Đi ngang qua địa-ngục Bồng Lai, vì mệt mỏi và gặp cảnh đẹp, thầy ta liền dừng chân lại để nghỉ mát. Bọn giữ ngục chạy ra bắt thầy vào khám đường. Thấy cảnh hắc-ám bên trong, thầy Samudda liền than rằng: "Chốn này lạ thật! bên ngoài thì đẹp tựa tiên cảnh, còn bên trong thì rừng-rợn, chẳng thua gì cõi diêm-vương". Thầy ta bèn xin trở ra, nhưng Girika đáp rằng: "Bây giờ ngươi đã lọt vào tay ta, thì chỉ có chờ chết, chớ đừng trông ra khỏi chốn này".

Nghe xong, thầy Samudda liền khẩn-khoản thêm nữa rằng: "Thưa quan giám-ngục, bản-đạo mới vừa được xuất-gia chẳng bao lâu và tu-hành còn kém khuyết. Đã vậy, Đức Phật có dạy rằng xác thân con người, mỗi khi mất rồi, thì rất khó mà tìm lại được. Vậy xin quan giám-ngục rộng lượng cho bản-đạo được phép tu tập thêm bảy ngày nữa, rồi sẽ hành-hình cũng chẳng muộn". Girika bằng lòng.

Rồi đó, thầy Samudda tham-thiền quán-tưởng luôn cả ngày đêm. Trước cảnh mạnh hiếp yếu, những cảnh tra-tấn hãi-hùng, máu đổ thịt rơi, rên la thảm-thiết, thầy thấy rõ những nơi thống-khổ của con người, rồi nhìn lại thân mình mà nghĩ rằng: "Chẳng còn mấy hôm nữa, xác thân ta đây cũng sẽ bị

banh xẻ, thói-tha, vô-dụng, như những tội-nhân xấu-số kia chẳng sai. Vậy ta phải ráng làm thế nào để tránh khỏi các điều tai-hại ấy!" Nhờ cố công suy xét nên trí-huệ giải-thoát được phát-sinh. Thầy Samudda thấu rõ lý 'Tứ Diệu Đế' và biết rằng: "Tất cả những pháp hữu-vi thật không bền vững. Hễ hữu sanh thì hữu diệt, có đi thì phải có về". Đức Samudda đã bước vào vòng thánh-vực và đắc quả-vị A La Hán.

Đến ngày thứ tám, tên giám-ngục liền dậy đem ngài bỏ vào chảo dầu, rồi nổi lửa lên đốt. Nhưng dầu không sôi, còn vị sa-môn thì vẫn ngồi thản-nhiên trong chảo mà tham-thiền.

Hay tin lạ-lùng ấy, đức vua A-Dục liền ngự vào ngục-thất để xem rõ tự-sự. Lúc ấy, đức Samudda bay bổng lên ngồi bán-già nơi giữa không trung. Nhà vua phát tâm kinh-sợ và nghĩ rằng: "Tại duyên-cớ nào, thầy tỳ-khưu ấy cũng là người như chúng ta, mà lại có nhiều phép nhiệm-mầu như thế?" Nghĩ xong, ngài liền chấp tay đánh lễ và yêu-cầu đức Samudda giải rõ về những điều bí-ẩn ấy. Ngài thuyết cho nhà vua nghe như vậy: "Này Đại-Vương, lối 200 năm về trước, đức Thế Tôn đã có tiên-đoán rằng ngài sẽ là một bậc thánh-vương, một bậc hộ-pháp cao cả, có nhiều công-đức trong việc phụng-thờ xá-lợi và truyền-bá chánh pháp trong khắp thế-gian. Vậy xin Đại-Vương mau bỏ dữ về lành, mở lòng từ-bi, bác-ái, thương-xót thần-dân, hầu đem lại điều an vui, hạnh-phúc cho tất cả muôn loài".

Nghe được lời đạo-đức, nhà vua liền bạch rằng: "Bạch Hóa Đại-Đức, từ nào đến giờ trăm gây nhiều nghiệp ác. Vậy trăm xin sám-hối về các tội-lỗi đã qua và nguyện nương nhờ nơi Tam-Bảo để làm những điều lành, kể từ nay cho đến trọn đời".

Đức Samudda thốt lên rằng: "Lành thay! Lành thay!" rồi biến đi mất. Vua A-Dục liền hạ-lệnh phá-hủy cái địa-ngục Bồng Lai, rồi bắt đầu từ đây, ngài để hết tâm-lực lo việc hộ-pháp⁶⁶ và dạy bảo dân chúng ăn ở theo Phật-Giáo. Thiên-hạ thấy đức vua thay đổi tâm-tánh và trở nên độ-lượng khoan-hồng, liền tặng cho ngài cái tên là Minh Vương A-Dục.

---o0o---

V- Vua A-Dục chia xá lợi của đức Phật Thích-Ca ra 84.000 phần và tạo 84.000 thánh tháp⁶⁷

Khi xin qui-y thọ giới theo Phật-Giáo xong rồi, hoàng-đế A-Dục liền ngự đến thành Vương Xá (Rājagaha) thỉnh trọn phần xá-lợi của vua A Xà Thế (Adjāsattu) để trong thánh-tháp khi trước. Ngài lại ra lệnh cho sáu vị vua chư-hầu⁶⁸ đem nạp hết cho mình những phần xá-lợi trong xứ của họ đã được chia sót tại thành Kusināra, sau khi hành lễ trà-tỳ kim-thân Đức Thế Tôn.

Chỉ có phần thứ tám thì thuộc về hoàng-triều độc-lập Ramagama, nên ngài không thỉnh được.

Gom góp được tất cả 7 phần xá-lợi xong rồi, vua A-Dục liền cho thợ làm 84.000 cái hộp nhỏ bằng vàng chạm trổ khéo-léo, có khảm ngọc lưu-ly, và 84.000 cái bình lớn hơn cũng bằng vàng. Nhà vua chia ngọc xá-lợi ra làm 84.000 phần đều nhau, đem để mỗi phần vào hộp, rồi để hộp vào trong bình. Sau cùng, ngài cho lấy lụa ngũ sắc bao-phủ bên ngoài.

Xong việc, đức vua liền phân-phát những ngọc xá-lợi và cho dựng tháp trong khắp xứ Ấn Độ theo cách-thức dưới đây:

- Một hộp xá-lợi xây một thánh-tháp cho chỗ nào có dân-cư từ 10 triệu⁶⁹ trở lên;
- Một hộp xá-lợi xây một tháp tại mỗi chỗ động-tâm;
- Một hộp xá-lợi xây một bảo-tháp tại mỗi nơi nào có sử tích của Đức Thích-Ca lúc còn làm Bồ-Tát và sau khi đắc đạo.

---o0o---

VI- Vua A-Dục yêu-cầu vị đại A-la-hán Upagupta dắt ngài đi viếng bốn chỗ động tâm và những nơi có sử tích của Phật

Chỗ động-tâm thứ nhất tại vườn Lumbini, sau khi nghe vị A La Hán giải rõ về tư-cách giảng-sinh của Đức Bồ-Tát Siddhattha, vua A-Dục liền roi lụy, mọp xuống lạy chỗ động-tâm ấy và ngâm kệ rằng:

*Hỡi non sông cây cỏ tại chốn này,
Các người thật nhiều duyên tốt số,
Nên gặp được đấng đại-hiền trong lúc chào đời,
Được nghe tiếng Ngài từ buổi sơ khai.
Còn ta đây vô-duyên ít phước,
Đến chốn này thật đã muộn-màng.*

Ngâm xong, nhà vua cho dựng tại đây một cái tháp thờ xá-lợi và cúng 100 ngàn đồng vàng để tu-bổ chỗ động-tâm này.

Chỗ động-tâm thứ nhì, tại gốc cây Bồ Đề⁷⁰, nơi Đức Phật Thích-Ca đắc đạo, vị A La Hán này tâu với nhà vua như vậy: "Tâu Đại-Vương, chính tại chốn này thái-tử Siddhattha đã dùng tâm từ-bi bác-ái của mình để chiến-thắng ma-vương và đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác".

Đức vua cũng mọp xuống lạy, cho xây tháp xá-lợi và cúng 100 ngàn đồng vàng.

Chỗ động tâm thứ ba, tại vườn Lộc-Giả (Isipatana) trong thành Ba La Nại (Bénarès), nơi Đức Thế Tôn chuyển Pháp-Luân lần đầu tiên cho năm thầy Kiều Trần Như (Kaundinya) nghe về thuyết 'Tứ Diệu Đế'.

Đức vua cho xây tháp và cúng 100 ngàn đồng vàng.

Chỗ động tâm thứ tư, tại rừng Kusināra nơi Đức Phật nhập Niết-Bàn. Khi đến chỗ này và nghe vị A La Hán giải về tư-cách diệt-độ của Đức Thế Tôn, vua A-Dục liền té xuống chết ngất. Lúc tỉnh dậy, ngài cũng cho xây tháp và cúng 100 ngàn đồng vàng để tu-bồ.

Rồi lần lượt, đức vua đi viếng các nơi sau đây, đến chỗ nào ngài cũng cho dựng tháp thờ xá-lợi và cúng một số tiền vàng:

1. Chỗ Đức Bồ-Tát Siddhattha nhập sơ-định dưới bóng cây Diêm-Phù (Jambu), lúc Ngài còn thơ-ấu theo cha, là đức vua Tịnh Phạn Vương (Suddhodāna), ra đồng xem cày ruộng;
2. Chỗ Ngài trốn ra khỏi hoàng-cung để đi tìm đạo;
3. Chỗ Ngài trao vương-phục và thần mã Kiên Trắc (Kantaka) cho nghĩa-bộ Channa;
4. Chỗ Ngài cắt tóc liệng lên không trung và nguyện rằng: "Nếu sau ta không thối-chuyển trên đường tu tập, thì khiến cho mớ tóc đừng rơi xuống trần";
5. Chỗ vua Bình Xa Vương (Bimbisara) xin chia giang-son cho, nhưng Đức Bồ-Tát không nhận lời;
6. Những chỗ Đức Bồ-Tát học đạo với hai đạo-sĩ Alara và Uddaka;
7. Chỗ Ngài tu khổ-hạnh trong sáu năm trường, song vô hiệu-quả;
8. Chỗ Ngài thọ món cơm trộn với sữa tươi do nàng Sujjata dâng;
9. Chỗ mấy vị Tứ Đại Thiên Vương dâng cho ngài bốn cái bát bằng đá để dùng đựng vật thực của hai người lái buôn cúng dường, lúc Ngài vừa thành đạo. Đức Thế Tôn dùng phép thần-thông, lấy ngón tay nhận bốn cái bát ấy lại làm một và do đó mà nơi miệng bát của ngài có bốn cái nối ráp.

---o0o---

VII- Vua A-Dục đi viếng những tháp thờ xá-lợi của các bậc thánh văn A-la-hán

Khi tới trước một cái tháp xây gần chùa Jetavana (Kỳ Viên Tịnh-Xá), vị đại A La Hán giải cho vua A-Dục nghe rằng: "Tâu Đại-Vương, đây là tháp thờ xá-lợi của ngài Sariputta (Xá Lợi Phất), một bậc Thánh Văn có nhiều trí-huệ hơn hết trong nhóm đệ-tử của Đức Thế Tôn. Vậy Đại-Vương nên cúng dường ngài, thì thân tâm sẽ được mát-mẻ chẳng sai". Nhà vua liền dâng 100 ngàn đồng vàng, mọp xuống lạy và ngâm kệ rằng:

*Chốn này là di-tích của bậc đã thoát-ly trần-tục,
Có danh thơm bay tỏa bốn phương,
Trong khắp hàng Thánh Văn La Hán,
Chẳng mấy ai thông-minh, trí-huệ như Ngài.*

Đến trước một cái tháp gần bên, vị A La Hán cũng yêu-cầu vua nên cúng dường, vì đó là tháp thờ xá-lợi Đức Moggalana (Mục Kiền Liên) một bậc có thần-thông huyền-diệu hơn hết trong hàng Thinh Văn Đệ-Tử của Đức Thế Tôn. Chính Ngài đã thâm-phục ròng-chúa Nanda-Upananda. Vua A-Dục cũng dâng 100 ngàn đồng vàng rồi mọp xuống lạy và ngâm kệ rằng:

Trẫm xin thành-kính đánh lễ đức Moggalana,

Một bậc có nhiều thần-thông phép lạ,

Đã thoát khỏi vòng sanh tử luân-hồi,

Đã diệt-tận các điều thống-khổ phiền-não.

Đến trước cái tháp thứ ba, vị A La Hán tâu với vua rằng đó là tháp thờ đức Mahā Kassapa (Ma Ha Ca Diếp), một bậc Thinh Văn có giới-hạnh cao cả hơn hết và thường được ngợi-khen. Ngài rất tri-túc trong sự nuôi mạng và có tâm từ-bi vô-lượng đối với chúng-sinh. Vua A-Dục cũng dâng 100 ngàn đồng vàng đánh lễ và ngâm kệ rằng:

Chón thạch-động xa lìa thế-sự,

Thường chú-tâm nhập-định tham-thiền,

Nhiều tri-túc và giàu lòng bác-ái,

Ngài rất đáng cho ta sùng-bái cúng dường.

Đến trước cái tháp thứ tư thờ đức Vatkula, là một vị A La Hán luôn-luôn vui-thích trong đạo quả của mình và chẳng hề dạy bảo ai cả. Nhà vua cúng vào tháp một đồng vàng mà thôi, vì cho rằng bậc thánh-nhân ấy chỉ tìm sự giải-thoát cho mình mà không cứu-độ chúng-sinh.

Khi tới cái tháp thứ năm, vị A La Hán liền tâu rằng: "Tâu Đại-Vương, đây là chỗ thờ xá-lợi của đức Ananda (A-Nan), một bậc Thinh Văn thông-minh trót-chúng và luôn-luôn được gần bên Đức Phật. Hồi kỳ-kết tập thứ nhất, chính ngài đã lập lại lời giáo-đạo của Đức Thế Tôn để hợp thành Tạng Kinh. Trí-huệ và sự ghi nhớ của ngài rộng lớn như biển cả. Đã vậy, Đức Ananda lại rất bất-thiếp, vui-vẻ, khoan-hồng và có dung-nghi đẹp đẽ, trang-nghiêm, khiến cho ai nấy đều ngợi-khen, mến-phục. Những hàng tại-gia, hoặc xuất-gia, muôn vào yết-kiến Đức Thế Tôn, rất vui thích khi thấy dạng đức Ananda. Có câu Phật ngôn như vậy: "Trong dấu chân con bò, người ta không sao tìm đặng một khối nước to-tát như biển cả thế nào? Thì cũng như thế ấy, với trí óc tầm thường, con người không thể ghi nhớ được hết những lời giáo-huấn của đấng Như Lai". Nhưng Đức Thế Tôn xét biết rằng tôn-giả Ananda có trí-huệ hơn người, nên mới giao cho tôn-giả cái phận-sự phải thuộc nằm lòng tất cả những pháp mà Ngài đã thuyết ra, để truyền-bá cho nhóm hậu-lai".

Nghe xong, đức vua A-Dục hết sức thỏa-thích, mọp xuống lạy và cúng tới 10 triệu đồng vàng, vì ngài cho rằng chính nhờ đức Ananda mà Phật Pháp mới được sáng-lạng, bền-bỉ đến 5.000 năm. Nhà vua rất thỏa-thích vui mừng

sau khi được chiêm-bái các chỗ động-tâm và những thánh-tháp thờ-phụng
mấy bậc Thịnh Văn đệ-tử của Đức Phật.

Nhà vua ngâm kệ rằng:

Do thiện-nghiệp trong đời quá-khứ,

Được làm người sang cả hôm nay,

Trẫm lại biết hy-sinh tài-sản,

Lo bảo-tồn chánh pháp lâu dài,

Trong khắp cõi diêm-phù, trẫm cho tạo vô-số tháp thờ xá-lợi,

Như vàng mây bao phủ khắp không-trung,

Rải tủa ánh-sáng siêu-việt, mát-mẻ cho tất cả muôn loài,

Trẫm rất toại-nguyện vì đã làm tròn phận-sự của người hộ-pháp.

---o0o---

VIII- Vua A-Dục lập mưu buộc em ngài xu-hướng theo Phật-giáo và xuất-gia hành đạo

Vua A-Dục có một người em tên là Vitasoka. Ông hoàng này rất tin-tưởng các nhóm ngoại-đạo tu theo cách khổ-hạnh và thường hay nhạo-báng Phật Pháp. Mỗi khi nhà vua khuyên-lơn, nhắc-nhở đến, thì ông ta trả lời rằng mấy vị sa-môn tu theo Phật-Giáo hành đạo một cách dễ-dãi quá, nên chẳng mong gì được giác-ngộ.

Một hôm nọ, Vitasoka theo đức hoàng-huynh vào rừng săn bắn, thấy có một thầy đạo-sĩ thân-thể gầy-gò, đang ngồi gần lò lửa cháy đỏ để luyện cho quen với sức nóng ác-nghiệt ấy. Ông ta liền phát tâm tin-tưởng đến gần cung-kính đánh lễ bàn chân vị đạo-sĩ và hỏi rằng: "Bạch Hóa Đại-Đức, vậy chớ ngài hành đạo khó-nhọc như thế đã được bao lâu rồi?"

- "Bần-đạo đã tu được mười hai năm".

- "Bạch Đại-Đức, vậy chớ thường bữa ngài dùng vật chi để nuôi mạng?"

- "Bần-đạo chỉ ăn rễ và trái cây mà thôi".

- "Bạch Đại-Đức, vậy chớ ngài dùng vật chi để che thân và làm nơi an nghỉ?"

- "Bần-đạo dùng lá cây che thân và lấy cỏ chất đống để làm giường ngủ".

- "Bạch Đại-Đức, vậy chớ trên đường tu tập khó-khăn ấy, có vật chi thường làm cho ngài phải đau-khổ, khó-chịu nhất?"

- "Điều làm cho bần-đạo, bứt-rứt, khổ tâm hơn hết: là mỗi khi thấy các loài thú rừng (đực và cái) đùa bỡn nhảy nhót với nhau".

- "Bạch ngài, ngài tu-hành kham-khổ như thế, chỉ ăn rễ trái, dùng cỏ lá để làm nơi an nghỉ và che thân mà còn chẳng diệt được tình-dục⁷¹. Hướng-hò các bậc sa-môn tu theo Phật-Giáo, thường ngày sống trong sự dễ-dãi, đầy đủ, thì làm sao đắc được đạo quả? Chính lệnh hoàng-huynh của tôi, là đức

vua A-Dục, vì không xét kỹ nên để cho bọn sa-môn ấy cảm-dỗ và đem tiền của ra bố-thí cúng dường họ một cách vô-ích".

Đức vua hay chuyện ấy, liền lập mưu với các quan cận-thần để buộc Vitasoka quay về nẻo chánh.

Buổi trưa nọ, vua A-Dục cởi cân-đai áo mảo của mình để bên ngoài, rồi mặc một bộ đồ thường đi vào phòng tắm. Mấy vị đại-thần liền bày-vẽ cho Vitasoka nghe như vậy: "Thưa hoàng-tử, sau khi đức vua thăng-hà, thì làm sao ngài cũng sẽ lên ngôi cửu-ngũ. Vậy xin ngài hãy đội mảo và mặc thử vương phục này, rồi ngự lên ngài vàng cho chúng tôi ngắm dung-nhan trong giấy lát coi ra sao?". Vitasoka, vì vụng tính, nên lật-đật làm theo.

Nhưng rủi thay, khi đức vua tắm xong trở ra, bắt gặp Vitasoka đang chễm-chệ ngồi trên ngôi báu. Ngài phát lên thịnh-nộ và phán rằng: "Ngự-đệ to gan thật, trẫm chưa qua đời mà ngươi đã toan chiếm-đoạt ngài vàng". Ngài liền ra lệnh cho một nhóm lực-sĩ Chandala⁷², hình-thù hung-ác, bắt Vitasoka trôi lại dẫn ra pháp-trường xử-tử. Các vị quan-hầu liền giả-bộ khăn-khoản đủ điều, đức vua mới bằng lòng tha chết và cho Vitasoka làm vua thêm bảy ngày nữa, rồi sẽ hành-hình.

Trong bảy ngày ấy, đức vua A-Dục dạy người sắp đặt tại hoàng-cung nhiều cuộc vui chơi theo cách đế-vương để cho Vitasoka thương-thức, như là: những buổi tiệc linh-đình có đủ các thức ăn cao-quý, những cuộc khiêu-vũ có hàng ngàn cung-phi, mỹ-nữ trang-sức đẹp đẽ, nhảy múa lả-loi, hát ca lãnh-lót, tiếng đờn tiếng nhạc thâm-trầm ngày đêm không dứt. Ngoài ra, lại còn bốn tên lực-sĩ Chandala, tay chân đẫm máu, hình-thù dữ-tợn, đôi mắt lờm-lờm đỏ ngầu, canh gác bốn cửa hoàng-cung. Hễ chiều lại, thì chúng nó rung chuông và hô to lên rằng: "Đã một ngày qua, còn sáu hôm nữa thì chúng ta sẽ đem tân-quân ra pháp-trường chặt đầu, banh thân, xẻ thịt. Cái chết của ngài sắp đến nơi rồi".

Tới chiều ngày thứ nhì, thứ ba, vân-vân ... chúng nó cũng rung chuông hô to như vậy.

Tới ngày thứ tám, các giám-sát-quan dẫn Vitasoka đến trước đức vua. Ngài hỏi rằng: "Này ngự-đệ, trong bảy hôm làm vua thế cho trẫm, chắc ngự-đệ vui thích lắm thì phải?"

- "Tâu lệnh-hoàng-huynh, trong bảy ngày qua, vì đau-khổ, lo-âu quá đỗi, nên mắt em không trông thấy sắc, tai em chẳng nghe được tiếng đờn ca, mũi em không biết mùi-lai, lưỡi em không biết vị ngon. Đã vậy, mỗi bữa, các tên lực-sĩ Chandala lại rung chuông múa gươm và hô to lên rằng: "Một ngày đã qua, còn sáu hôm nữa tân-quân sẽ bị hành-hình". Tâu lệnh-hoàng-huynh, những điều ấy làm cho em phải rợn gáy, kinh-hôn, ngày ăn không ngon, đêm nằm chẳng ngủ. Trong hoàn-cảnh đó, thật em chẳng biết chi là hạnh-

phúc, an vui cả, dầu là được ngồi trên bệ ngọc và có đủ các vật nhu-cầu theo phẩm-cách đế-vương".

Vua A-Dục liền phán rằng: "Ngự-đệ chỉ có lo nghĩ về những điều thông-khổ của sự chết một kiếp này, mà phải đau-đớn, xôn-xao như thế, huống-hồ các bậc sa-môn tu theo Phật-giáo, luôn-luôn chú-tâm quán tưởng về sự tai-hại của nạn: Sanh, Già, Đau, Chết, về những cảnh-giới: Súc-sinh, A tu la, Ngạ-qui, Địa-ngục. Dầu cho những người cao-sang thế mấy, cũng phải chịu khổ và những bậc Chư Thiên sống lâu đến đâu, cũng phải hết phước và phải bị sa-đọa. Tất cả chúng-sinh trong Tam-giới đều phải chịu khổ như nhau khi mang lấy xác thân ngũ-uẩn này, và mỗi vật hữu-vi đều là tượng-trung của ba tướng: Vô-thường, Khổ-não, Vô-ngã. Hơn nữa, các bậc sa-môn ấy chẳng hề để cho ngũ-trần thâm-nhập vào tâm. Cũng như nước không sao dính trên lá sen được. Các ngài hằng chán-ngán sự sanh tử luân-hồi nên cố lánh xa thế-tục. Vì lẽ ấy mà ai-ai cũng công-nhận các bậc sa-môn tu theo Phật-Giáo, hành đạo đúng theo phương-pháp và có thể giải-thoát được".

Nghe những lời chánh-đáng ấy, Vitasoka rất ăn-năn tự hối, chấp tay tâu rằng: "Tâu lệnh-hoàng-huynh, vậy xin hoàng-huynh cho phép em qui-y để nương nhờ nơi Tam-Bảo, kể từ nay cho đến trọn đời". Vua A-Dục hết sức vui mừng, ôm em vào lòng và ân-xá các tội-lỗi đã qua.

Rồi từ đó, ngày-ngày, Vitasoka đều mang bông và nhang đèn đến chiêm-bái tháp-thờ xá-lợi của Đức Thế Tôn, đều dâng cúng vật dụng cho chư-tăng và tìm đến các vị đại A La Hán để nghe kinh thánh pháp. Chẳng bao lâu, ông phát tâm tin-tưởng dũng-mãnh đối với Phật-Pháp và đến xin vua A-Dục cho phép mình xuất-gia. Vitasoka tâu với vua như vậy: "Tâu lệnh-hoàng-huynh, sở-dĩ em xuất-gia tu niệm là vì muốn tránh khỏi cảnh tử-biệt sinh-ly, muốn khỏi sanh diệt, muốn được đạo quả Niết-Bàn, an vui bền bỉ, chớ chẳng phải vì rẻ-rúng ngôi vua hay ngán-ngẫm tài sắc, lợi-danh".

Nghe qua, đức vua rất ngạc-nhiên. Ngài lập kế để thử coi Vitasoka có đầy đủ nghị-lực và sự nhẫn-nại đặng xuất-gia hành đạo chăng, rồi trao cho Vitasoka một cái bát và một cây gậy mà phán rằng: "Vậy bắt đầu từ nay, ngự-đệ phải ở dưới cội cây, phải ngủ trên giường cỏ và đi xin lấy vật thực của bọn thị-tỳ mà dùng". Ban đầu, nhóm thị-tỳ bố-thí nhiều thực-phẩm ngon-lành, đức vua dạy nên cho chút ít món ăn tầm-thường mà thôi. Nhưng Vitasoka vẫn bền tâm, ai cho chi thọ nấy, chẳng khen chê, chọn lựa chi cả.

Chừng ấy, vua A-Dục mới chịu cho phép Vitasoka xuất-gia hành đạo và dặn khi nào đắc quả, thì nên trở về cho mình hay. Ông hoàng Vitasoka liền khởi hành, rời khỏi thành Pātaliputra, đi tìm nơi thanh-vắng tu hành, và chẳng bao lâu được đắc quả A La Hán. Nhớ lời dặn của vua anh lúc trước, ngài trở về triều để tiếp-độ thân-quyên. Vua A-Dục cùng triều-thần đón rước rất trọng-

thể và khi thấy ngài có dung-mạo tề-chỉnh khác phàm, đức vua liền mọp xuống lạy và ngâm kệ rằng:

Sau một thời-gian xa-cách đệ-huynh,

Ai-ai cũng phải vui mừng trong khi đoàn-tụ,

Nhưng trước đôi mắt thần-nhiên không còn luyến-ái,

Trẫm nhận rằng ngài đã thoát vòng thế-tục, thân tâm mát mẻ.

Vị đại-thần Radhagupta cũng hết sức mến-phục đức Vitasoka, mọp xuống đánh-lễ và ngâm kệ rằng:

Nhìn đức Vitasoka, tâm-trí ta trở nên an-tĩnh nhẹ-nhàng,

Ngài rất tự-tại vì đã diệt-tận được lòng tham-muốn,

Đã thành-tựu theo nguyện-vọng trên đường tu tập.

Với chí cương-quyết, vất bỏ ngai vàng xã-tắc⁷³,

Ngài chẳng màng đến cuộc phú-quý, vinh-hoa,

Để tìm một đời sống thanh-bạch, cao-thượng của đấng siêu-phàm.

Sau buổi trai-tăng trọng-hậu, đức Vitasoka cáo-từ vua A-Dục và thuyết cho ngài nghe như vậy: "Tâu vương-huynh, phẩm-hạnh đế-vương thật là cao-quý. Ngài phải làm thế nào để trở nên một bậc minh-quân, được dân yêu quan chuộng. Nhưng Tam-Bảo lại còn quý-trọng bội-phần và ít khi gặp đặng. Vậy đại-vương hãy tinh-tấn bố-thí, làm lành, trước để độ mình, sau làm gương cho nhóm hậu-lai".

---o0o---

IX - Thời kỳ cuối cùng của vua A-Dục

Khi đức vua thấy mình tuổi cao, sức yếu và chẳng còn sống được bao lâu nữa, ngài phán hỏi vị đại A La Hán Upagupta như vậy: "Bạch Hóa Đại-Đức, chẳng hay hồi lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, có bậc hộ-pháp nào cúng dường Tam-Bảo trong sạch và rộng-rãi hơn hết?"

- "Tâu Đại-Vương, chỉ có vị trưởng-giả Anathapindika (Cấp Cô Độc) cúng dường Tam-Bảo trọng-hậu hơn hết. Trọn đời, ông bố-thí ngót một tỷ đồng vàng".

Đức vua A-Dục liền tính lại công-đức của mình đã làm từ nào tới giờ, trong những việc hộ-trì Phật Pháp như: dựng 84.000 tháp thờ xá-lợi, triệu-tập 1.000 vị thánh-tăng để kết-tập Tam-Tạng kỳ thứ ba, tu-bỏ những chỗ động-tâm, trai-tăng, bố-thí, vân-vân ... thì thấy mình chỉ xuất ra có 960 triệu. Ngài than rằng: "Xưa kia, ông bá-hộ Cấp Cô Độc là một người thường dân, lại dám bố-thí đến một tỉ đồng vàng, còn hiện nay trẫm là một bậc đế-vương, thống-trị khắp cõi Diêm-Phù, của nhiều quyền rộng, mà chỉ làm phước có 960 triệu, như vậy trẫm rất hổ thẹn". Ngài bèn hỏi vị Đại-thần Radhagupta:

"VẬY CHỚ PHẢI NÊN LÀM THẾ NÀO?" Ông này tâu rằng: "Tâu Bệ-Hạ, xin ngài tùy-tiện truất của kho ra thêm 40 triệu nữa để bố-thí là xong⁷⁴". Vua A-Dục dạy triều-thần làm như vậy, nhưng họ chẳng chịu vâng lời, vì sợ vua xài hết công-quỹ và làm cho tài-chánh trong nước phải rối-rắm sau khi ngài thăng-hà. Thấy triều-thần chẳng tuân theo ý mình, đức vua phát tâm chán-nản và than rằng:

*Những lời giáo huấn của đấng Phật Đà thật đúng theo chân-lý,
Ngài dạy rằng: vì có thương trong lúc gần nhau, nên mới khổ khi phải xa
nhau.*

*Trước kia, khắp văn-võ trào-thần đều cúi đầu nghe theo ý Trẫm,
Hôm nay chẳng ai còn nể đến oai rông,
Như giòng nước kia bị dãy núi cao ngăn cản.
Trước kia, trẫm là chúa một châu thiên-hạ, thường phạt thân dân,
Đánh nam, dẹp bắc, khắc-phục chư-hầu,
Giải-nguy, cứu-khổ như tàng cây cả che chở muôn loài.
Nay thời oanh-liệt đã qua, chẳng khác nào cỗ xe kia tan vỡ,
Như rễ cây kia khô héo, không còn chỗ cho bông trái nương nhờ.
Cũng như hiện nay, trẫm đã trở nên người bất lực,
Nên chẳng ai chịu nghe đến lệnh cứu-trùng.*

Vì xét rằng đời là bào-ảnh, vạn-vật đều vô-thường và cái chết sắp đến nơi, nên hễ có vật chi quý-báu, tốt đẹp, đức vua đều đem ra dâng cúng đến ngôi Tam-Bảo. Những mâm bạc chén vàng, ngọc-ngà, châu-báu, thủy-thủy ngài đều đem ra bố-thí. Thấy vậy, triều-thần lại bày-vẽ cho vị đông-cung sắp được lên ngôi nên tom góp vào kho tất cả những vật quý-báu của vua thường dùng. Rốt cuộc, ngài phải ăn với chén đĩa bằng đất như các thường dân.

Một hôm nọ, được người dâng cho nửa trái Amalaka, một thứ trái cây hiếm có, ngài liền dạy vị quan-hầu Bhaddamukha nên đem dâng đến chư-tăng và bạch cho các ngài nghe rằng: "Bạch Hóa Chư Đại-Đức, nửa trái Amalaka là vật thuộc quyền sở-hữu của đức vua trong lúc cuối cùng. Vì tuổi cao sức kiệt, ngài chẳng còn quyền tự-do sử-dụng tài-sản của mình như thuở hùng-cường. Vậy xin Chư Đại-Đức hoan-hỷ thọ lãnh vật mọn này gọi là sự cúng dường lần chót của hoàng-đế A-Dục, đặng cho ngài được an vui lâu dài". Ông Bhaddamukha vâng lời đem nửa trái Amalaka đến dâng cho chư-tăng. Các ngài đồng-thinh hô to lên rằng: "Lành thay! lành thay!" Rồi cho xắt nửa trái Amalaka ấy ra thật mỏng, đem trộn với cháo rồi chia nhau mà độ trong buổi ấy.

Lúc sắp thở hơi cuối cùng, đức vua A-Dục hỏi vị đại-thần Radhagupta như vậy: "Này hiền-khanh, vậy chớ hiện nay ai là chúa-tể trong cõi diêm-phù này?"

- "Tâu lệnh hoàng-thượng, chính ngài là chúa thiên-hạ".

- "Nếu vậy thì trong giờ phút này, trăm xin dâng đến ngôi Tam-Bảo hết thầy giang-sơn của trăm. Với phước báu mà trăm đã làm từ xưa đến nay và về kiếp tương-lai, trăm chẳng cầu được thọ-sinh làm một bậc phạm-thiên, một đức trời Đế Thích, một bậc Chuyển Luân Vương hay là một nhân-vật cao sang nào, mà chỉ nguyện sao cho trăm biết ăn ở theo đường chánh và biết điều-khiển thân tâm, để đắc quả vị thánh-nhân".

Đức vua cho làm tờ di-chức, trao lại cho ông Radhagupta rồi thăng-hạ liền trong khi ấy.

Sau cuộc lễ táng-chung, vị đại-thần Radhagupta đem tờ di-chức ấy ra công-bố cho văn-võ triều-thần nghe như vậy: "Đức hoàng-đế A-Dục, khi còn sinh-tiền, xét rằng mình chỉ bố-thí có 960 triệu và muốn làm phước thêm 40 triệu nữa cho bằng vị trưởng-giả Cấp Cô Độc, nên ngài đã làm tờ di-chức, dâng hết thầy đất Diêm-Phù này cho ngôi Tam-Bảo. Vậy chúng ta nên truất của kho ra 40 triệu, mua lại giang-sơn cho vị tân-quân".

Sau khi bàn-tính xong, triều-thần phải đành đem 40 triệu dâng vào ngôi Tam-Bảo để làm theo ý-muốn của đức tiên-hoàng A-Dục⁷⁵.

---o0o---

HẾT

¹ Nói về ba bộ kinh VEDA của đạo Bà La Môn.

² Giới của bậc xuất-gia rất nhiều và cao-thượng hơn giới của kẻ tại-gia.

³ Cảnh vườn này sau được ông Cấp Cô Độc mua rồi dựng lên ngôi chùa Kỳ-Viên.

⁴ Vô-ngã.

⁵ Xin xem 16 tùy phiên-não trong quyển Suru Tập Pháp của ngài Hộ Tông.

⁶ Ăn khỏi bị phạm giới vì tu chân-chánh.

⁷ Không nên lợi-dụng đức tin của người mà đòi hỏi thái-quá. Cũng như con bò cái bị người ta vắt sữa nhiều lần thì thể nào cũng hết sữa.

⁸ Tứ Diệu Đế.

⁹ Nhóm Bà La Môn sắp họ trên ba hạng kia.

¹⁰ Đức Xá Lợi Phất.

¹¹ Lúc Đức Phật còn tại thế, có một phái ngoại-đạo chủ-trương về vật-chất do vị giáo-chủ Ajita-Kesakambali cầm đầu. Ông này cho rằng trong thân người, chẳng có vật chi là bền-vững. Kẻ trí hay người ngu, sau khi chết, thì

mất hẳn, không còn luân-hồi nữa. Vì vậy, nên các tín-đồ trong phái ấy cứ mài-miệt theo ngũ-trần, chớ chẳng chịu tu tập chi cả.

¹² Súc-sinh, A Tu La, Nga-qui, Địa-ngục.

¹³ Thế-gian có ý-nghĩa là chúng-sinh và cảnh-vật trong khắp Tam-Giới: Dục-Giới, Sắc-Giới, Vô-Sắc-Giới, chớ không phải ám-chỉ riêng quả đất mà chúng ta đang sống hiện nay. Trời Phạm Thiên cũng còn là chúng-sinh.

¹⁴ Không dùng vật thực như nhân-loại.

¹⁵ Những vị trời trong lý lẽ thứ nhì và thứ ba đều thuộc về cõi Dục-Giới, nên cũng còn nhiều nét xấu như con người.

¹⁶ Khi ở thế, nhờ có bố-thí vật-chất, nhưng chẳng biết đạo-đức, gặp phước cũng làm mà gặp tội cũng làm, nên vẫn còn si-mê.

¹⁷ Cũng như có nhiều bậc xuất-gia ráng thu-thúc bên ngoài, nhưng trong tâm hãy còn tham muốn, thù vợ, oán chạ.

¹⁸ Bốn hạng người này do nhà đại-hiền Rama tạo ra lỗi hơn bốn ngàn năm trước dương-lịch. Ngài làm vậy không phải có ý phân chia giai-cấp: lớn nhỏ, sang hèn, mà chỉ áp-dụng một phương-pháp cải-cách xã-hội hỗn-độn trong thời-kỳ ấy, cho dễ phân-biệt các hạng người. Lần-lần, nhóm Bà La Môn Giáo cho họ là cao-thượng hơn hết, nên sắp lại để mình cao hơn 3 hạng kia: thầy tu, vua chúa, thương-gia và lao-động.

¹⁹ Đắc phép thần-thông, muốn chi có vậy.

²⁰ Sĩ Đạt Ta.

²¹ Bậc thiên vô-sắc thứ ba (xin xem quyển Phép Chánh-định của ngài Hộ Tông)

²² Bậc thiên Vô-sắc thứ tư.

²³ Người ngoại-đạo không chịu gọi Đức Phật là Đức Thế Tôn.

²⁴ Dục-Giới, Sắc-Giới, Vô-Sắc-Giới.

²⁵ A La Hán đã diệt được 10 điều chướng-ngại: ngã chấp, hoài-nghi, tà kiến, tham lam, sân-hận, chấp tam-giới, ngã mạn và vô-minh.

²⁶ A Na Hàm đã diệt tận 5 điều chướng-ngại: ngã chấp, hoài-nghi, tà kiến, tham-lam, sân-hận và đã đè nén bớt sự chấp tam-giới.

²⁷ Tư Đà Hàm đã diệt tận ba điều chướng-ngại: ngã chấp, hoài-nghi, tà kiến (giới cấm thủ), và đè nén bớt sự tham-lam, sân-hận.

²⁸ Tu Đà Hườn đã diệt được ba điều chướng-ngại: ngã chấp, hoài-nghi, tà kiến (giới cấm thủ). Bậc nào đã bước vào bậc chót này rồi cũng khỏi bị sa-đọa vào 4 đường ác-đạo trong những kiếp sau, nghĩa là chẳng bị sanh vào những cảnh-giới: Súc-sinh, A tu la, Nga qui, Địa-ngục.

²⁹ Thuyết trung-đạo. Bậc đã thấy đạo rồi không còn chấp phải quấy, tốt xấu.

³⁰ Hay Bà La Môn cải-cách, gồm có nhiều điểm của Đạo Phật và Bà La Môn Giáo nguyên-thủy. Những điểm có liên-quan đến giới-hạnh, chân-lý và sự

khô đều là mượn của Phật-Giáo. Còn những điểm của Bà La Môn Giáo nguyên-thủy là mấy lý-thuyết về linh-hồn, Thượng Đế, vân-vân ... Ấn Độ Giáo bỏ hẳn tục-lệ sát hại sinh-vật để lấy máu tế thần của đạo Bà La Môn cũ.

³¹ Các tín-đồ Jains tặng cho giáo-chủ Natāputta một tên khác nữa, là Mahavira.

³² Những chùa Bà La Môn cũng có thờ Đức Thích-Ca, nhưng các tín-đồ của họ cho rằng: Ngài là hậu-thân của thần Vichnou (đây là ông Chuẩn Đề mà chúng ta thường thấy trong các chùa Việt-Nam). Ngoài những thánh-tích và các bia đá của Hoàng Đế A-Dục, sự thờ-phụng Đức Thích-Ca trong những chùa-chiền, thuộc về đạo Jainisme và Bà La Môn (dẫu là với sự thiếu cung-kính), cũng đủ chứng tỏ rằng ngài đã có sanh ra làm người và đã thành Phật.

³³ Đạo Nigantha dùng tiếng tội, chớ không dùng tiếng nghiệp như bên Phật-Giáo.

³⁴ Tiếng nghiệp gồm lại có nghiệp lành và nghiệp dữ, chớ không đồng nghĩa với tiếng Tội của phái Nigantha.

³⁵ Trong kinh để gộp lại là Pāvārikambavana. Pāvārika là tên người chủ, còn ambavana là vườn xoài.

³⁶ Người ngoại-đạo gọi tên chánh của Đức Phật, chớ chẳng chịu gọi Ngài là Thế Tôn.

³⁷ Đây là một người buôn muối giàu có và cũng có nhiều trí-huệ, thuộc về hàng cư-sĩ trong phái Nigantha, chớ không phải đức thánh-tăng Upāli.

³⁸ Ông Upāli là bậc đại hộ-pháp, cũng như ông Cấp Cô Độc bên Phật-Giáo. Nếu ông ta xin làm đệ-tử Phật thì nhóm Nigantha phải bị thiếu-thốn về vật dụng.

³⁹ Nhóm Nigantha cho rằng trong nước lạnh có vi-trùng nên không dùng.

⁴⁰ Sattā là chấp-trước. Manosattā nghĩa là chư-thiên có sự chấp-trước.

⁴¹ Lúc này, Upāli mới chịu gọi Đức Phật là Thế Tôn.

⁴² Tứ Diệu Đế.

⁴³ Đức Phật hằng rải lòng từ-bi cho những người đến nghe pháp, nên ai nấy đều thích nghe lời dạy-bảo của Ngài. Kẻ ngoại-đạo cho rằng Ngài cảm-dỗ.

⁴⁴ Không biết màu gì.

⁴⁵ Như vợ ông Bà La Môn chưa sanh con trai, mà dặn chồng mua khi đực và bảo đem con thú cho người thợ nhuộm chà-xát, dày-vò. Còn nhóm Nigantha thì hành đạo không có căn-bản chắc-chắn.

⁴⁶ Theo đạo Bà La Môn thì nước sông Gange (Hằng-Hà) là linh-nghiệm hơn hết.

-
- ⁴⁷ Trên cõi trời, cũng có nhiều hạng chư-thiên ác chờ dịp để hành-phạt kẻ dữ ở trần gian.
- ⁴⁸ Vua A-Dục so-sánh công-đức mình với phước báu của các chư-thiên.
- ⁴⁹ Trong mỗi chỗ này, đức vua đều xưng mình là bạn của chư-thiên.
- ⁵⁰ Phật pháp.
- ⁵¹ Được sanh về cõi trời.
- ⁵² Tiếng Phạn: Anathapindika.
- ⁵³ Tiếng Phạn: Jeta.
- ⁵⁴ Theo Phật-Giáo Nguyên-Thủy, thánh-nhân và thánh-tăng có nghĩa là bậc đã đắc được một trong 4 quả thánh.
- ⁵⁵ Nhờ những đèn-thờ và bia đá ấy mà các nhà khảo-cổ trên thế-giới chẳng còn nghi-ngờ gì về sử tích của Đức Phật Thích-Ca.
- ⁵⁶ Trúc Lâm tịnh-xá do vua Tần Bà Sa dâng cho tăng-hội.
- ⁵⁷ Trong kinh, không nói rõ là hội gì.
- ⁵⁸ Sau tái-sinh lại làm vua Asoka (A-Dục).
- ⁵⁹ Được thọ-sinh làm vị đại-thần của vua A-Dục, lấy tên là Radhagupta.
- ⁶⁰ Chuyển luân vương.
- ⁶¹ Bọn cung-phi không muốn cho vua thấy mặt nàng.
- ⁶² Asoka có nghĩa là: Vô Ưu.
- ⁶³ Vitasoka có nghĩa là: Tận Ưu.
- ⁶⁴ Do quả-báo của sự bố-thí đất đến Đức Phật.
- ⁶⁵ Đưa trẻ tên Vijaya hồi kiếp trước và sẽ trở nên vị quan đại-thần của vua A-Dục.
- ⁶⁶ Tuy là một tín-đồ rất nhiệt-thành trong Phật-Giáo, vua A-Dục vẫn giữ tâm bình-dẳng và khoan-hồng đối với các tôn-giáo khác trong xứ Ấn Độ. Đến mỗi kỳ đại lễ, ngài đều bố-thí đầy-đủ cho khắp hàng tu-sĩ, bất-luận thuộc về chi-đạo nào.
- ⁶⁷ Tất cả xá-lợi của Đức Phật được phụng-thờ trong khắp thế-gian hiện nay đều do các tháp ấy mà ra.
- ⁶⁸ Những nước này đều ở dưới quyền vua A-Dục.
- ⁶⁹ Một Koti.
- ⁷⁰ Hiện giờ là Bodh-Gaya trong xứ Ấn Độ.
- ⁷¹ Đoạn này có ý-nghĩa rằng không phải nhờ tu khổ-hạnh, ăn rễ trái, mà đắc đạo, nhưng chính nhờ cách hành đạo đúng theo phương-pháp thì mới được giải-thoát.
- ⁷² Tiếng Phạn: Candala, ám-chỉ những hạng người đê-tiện hơn hết trong xứ Ấn Độ, mà các nhà vua thường chọn làm giám-sát quan.
- ⁷³ Theo phong-tục của vài nước, ngôi vua được truyền từ anh đến em và khi nào không có em thì truyền lại cho con.

⁷⁴ Tiền-thân của Radhagupta là đứa trẻ Vijaya, đã có tâm thỏa-thích về sự bố-thí của bạn, nên bây giờ vị quan ấy cũng xu-hướng theo đức vua trong các việc phước-thiện.

⁷⁵ Có kinh khác nói vua A-Dục, khi thăng-hà, vì bực-tức rằng triều-thần chẳng chịu truất của kho ra bố-thí nên phải bị thọ-sinh làm rắn hết bảy ngày. Sau nhờ người con, là ngài Đại-Đức A La Hán Mahinda, thuyết-pháp độ cho siêu-sinh làm chư-thiên. Ngoài ra, người con gái của ngài cũng xuất-gia và đem nhánh bồ-đề đầu tiên sang Tích Lan.